TUẦN 1

Toán (Tiết 1)

ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc, viết, so sánh được các số trong phạm vi 100000.
- Nhận biết được cấu tạo thập phân của số trong phạm vi 100000
- Viết được số thành tổng các chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị và ngược lại.
- Tìm được số liền trước, số liền sau của một số;

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng dạy, học toán 4.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Nêu dấu hiệu nhận biết số liền trước, số liền sau? - Xác định số liền trước, liền sau của các số: 2315; 6743.	 - HS trả lời. - Hs nêu.
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Viết số.
- GV yêu cầu HS quan sát, trả lời.	- HS thực hiện SGK
- Nêu cách viết số: Sáu mươi mốt nghìn không trăm ba mươi tư - Để viết số cho đúng em dựa vào đâu?	- HS trả lời.
- GV củng cố viết số và cấu tạo thập phân của số trong phạm vi 100000. - GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Viết số rồi đọc số
- Yêu cầu HS làm bảng con.	- HS thực hiện yêu cầu vào bảng con
- Yêu cầu HS nêu cách làm a) 4 chục nghìn, 2 nghìn, 5 trăm và 3 chục d) 9 chục nghìn, 4 nghìn và 5 đơn vị	- HS nêu.
- GV củng cố cách đọc, viết số trong phạm	- HS lắng nghe.

vi 100000	
- GV khen ngợi HS.	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì? - GV yêu cầu HS làm SGK	- Điền số vào ô trống. - HS thực hiện yêu cầu vào SGK
- GV gọi HS trả lời và nêu cách làm ý a); ý c)	- HS nêu.
- Giá trị của mỗi chữ số trong số phụ thuộc vào đâu?	- HS nêu
- GV củng cố cách viết số thành tổng các chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị.	- HS lắng nghe
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Viết số
- GV yêu cầu HS làm SGK và đổi chéo kiểm tra	- HS thực hiện yêu cầu vào SGK
- Dựa vào đâu em điền được đúng các số trên tia số?	- HS trả lời.
- GV củng cố cho HS về thứ tự các số trong phạm vi 100000. - GV nhận xét, đánh giá và tuyên dương.	
Bài 5: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì?	 - HS đọc - Viết số
- GV yêu cầu HS làm SGK và đổi chéo kiểm tra	- HS thực hiện yêu cầu vào SGK
- Dựa vào đâu em điền đúng được số liền trước, số liền sau của số 80000?	- HS trả lời
- GV củng cố về cách xác định số liền trước, số liền sau của một số. - GV nhận xét, tuyên dương	- HS lắng nghe
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Để đọc, viết đúng các số em dựa vào đâu? - Nêu cách xác định đúng số liền trước, số liền sau của một số.?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 2)
ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:
- Tìm được số lớn nhất, số bé nhất trong bốn số đã cho.
- Viết được bốn số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn và từ lớn đến bé.
- Làm tròn được số có năm chữ số đến hàng nghìn.
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến xác định số lớn nhất, số bé nhất trong bốn số.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng dạy, học toán 4.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Viết số bé nhất có 5 chữ số, số lớn nhất có 5 chữ số?	- HS trả lời.
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì? (Điền dấu >; <; =)	
- GV yêu cầu HS làm SGK và đổi chéo SGK kiểm tra.	- HS thực hiện SGK
- Nêu cách thực hiện phần a) b) - Để điền dấu cho đúng em dựa vào đâu?	- HS nêu.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Chọn câu trả lời đúng
- Yêu cầu HS làm SGK.	- HS thực hiện yêu cầu vào SGK
- Yêu cầu HS nêu cách làm từng phần và chốt đáp án đúng: a) Chọn C; b) Chọn D; c) Chọn B.	- HS nêu.
- GV củng cố cách tìm số bé nhất trong bốn số, xác định chữ số hàng trăm của một số, cách làm tròn số có năm chữ số đến hàng nghìn.	- HS lắng nghe.
- GV khen ngợi HS.	

Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì? - GV yêu cầu HS làm SGK	- Điền số. - HS thực hiện yêu cầu vào SGK
- GV gọi HS trả lời và nêu cách làm	- HS nêu.
- Để viết đúng các số thành tổng của các chữ số trong số đó em dựa vào đâu?	- HS nêu
- GV củng cố kĩ năng cách viết số thành tổng các chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị.	- HS lắng nghe
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- HS nêu
- GV yêu cầu HS làm bảng con	- HS thực hiện yêu cầu vào bảng con
- GV yêu cầu HS nêu cách làm và chốt đáp án đúng a) Ngày thứ Tư tiêm được nhiều liều vắc-xin nhất; ngày thứ Năm tiêm được ít liều vắc-xin nhất b) Thứ Năm, thứ Ba, thứ Hai, thứ Tư	- HS trả lời.
- GV củng cố cho HS về cách tìm số lớn nhất, số bé nhất, sắp xếp bốn số theo thứ tự từ bé đến lớn vào thực tế. - GV nhận xét, đánh giá và tuyên dương.	
Bài 5: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì?	 - HS đọc - HS nêu yêu cầu
- GV yêu cầu HS làm SGK và đổi chéo kiểm tra	- HS thực hiện yêu cầu vào SGK
- Dựa vào đâu sắp xếp đúng được các que tính?	- HS trả lời
- GV củng cố về cách tìm số bé nhất có năm chữ số - GV nhận xét, tuyên dương	- HS lắng nghe
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Làm thế nào để tìm được số bé nhất, số lớn nhất trong các số đã cho? - Nêu cách so sánh các số ?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....
.....

Toán (Tiết 3)

ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ đã học trong phạm vi 100000.
- Tính nhẩm được các phép cộng, trừ, nhân, chia đã học và tính giá trị biểu thức liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn.
- Tính được giá trị biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ có và không có dấu ngoặc.
- Giải được bài toán thực tế có liên quan đến các phép cộng, trừ, nhân, chia đã học.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng dạy, học toán 4.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Tính : 5.000 x 3 = ? - Nêu cách làm	 - HS thực hiện bảng con. - HS nêu
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Tính nhẩm
- GV yêu cầu HS làm SGK và đổi chéo SGK kiểm tra.	- HS thực hiện SGK
- Nêu cách thực hiện - Để tính nhẩm đúng em làm thế nào?	- HS nêu.
- GV củng cố tính nhẩm giá trị biểu thức có phép cộng, trừ liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn. - GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Đặt tính rồi tính
- Yêu cầu HS làm bảng con.	- HS thực hiện yêu cầu vào bảng con
- Yêu cầu HS nêu cách làm phép tính thứ nhất; thứ tư	- HS nêu.

- Khi thực hiện đặt tính và tính đúng em cần lưu ý điều gì?	- HS nêu
- GV rèn kĩ năng đặt tính rồi tính trong phép cộng, phép trừ	- HS lắng nghe.
- GV khen ngợi HS.	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì? - GV yêu cầu HS làm bảng con	- Tính giá trị biểu thức - HS thực hiện yêu cầu vào bảng con
- GV gọi HS nêu cách làm	- HS nêu.
- Nêu cách thực hiện với biểu thức có hoặc không có ngoặc đơn, ta thực hiện thế nào?	- HS nêu
- GV củng cố, rèn kĩ năng tính giá trị biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ có hoặc không có dấu ngoặc.	- HS lắng nghe
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Hs nêu
- GV yêu cầu HS làm vở	- HS thực hiện yêu cầu vào vở.
- GV yêu cầu HS nêu cách làm và chốt đáp án đúng Giá tiền một ba lô học sinh là: 16500+ 62500 = 79000 (đồng) Mẹ của An phải trả người bán hàng số tiền là: 16500+79000 = 95500(đồng) Đáp số: 95500 đồng	- HS trả lời.
- GV củng cố cho HS về cách giải bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 100000. - GV nhận xét, đánh giá và tuyên dương.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nêu cách tính giá trị biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ có hoặc không có ngoặc đơn?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 4)

ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được phép nhân, chia đã học trong phạm vi 100000.
- Tính nhẩm được các phép nhân, chia đã học và tính giá trị biểu thức liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn.
- Tính được giá trị biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ, nhân, chia có và không có dấu ngoặc.
- Giải được bài toán thực tế có liên quan đến các phép cộng, trừ, nhân, chia đã học.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng dạy, học toán 4.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Tính : 9768 + (2345- 1020) ? - Nêu cách làm	 - HS thực hiện bảng con. - HS nêu
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Những phép tính nào dưới đay có cùng kết quả
- GV yêu cầu HS làm SGK và đổi chéo SGK kiểm tra.	- HS thực hiện SGK
- Nêu cách thực hiện - Để nối đúng em làm thế nào?	- HS nêu.
- GV củng cố tính nhẩm phép nhân, chia liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn và so sánh các số. - GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Đặt tính rồi tính
- Yêu cầu HS làm bảng con.	- HS thực hiện yêu cầu vào bảng con
- Yêu cầu HS nêu cách làm phép tính thứ nhất; thứ tư - Khi thực hiện đặt tính và tính đúng em cần lưu ý điều gì?	- HS nêu. - HS nêu

- GV rèn kĩ năng đặt tính rồi tính trong phép nhân, phép chia số có bốn, năm chữ số với số có một chữ số	
- GV khen ngợi HS.	- HS lắng nghe.
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì? - GV yêu cầu HS làm vở	- HS nêu yêu cầu - HS thực hiện yêu cầu vào vở
- GV gọi HS nêu cách làm	- HS nêu.
- GV yêu cầu HS nêu cách làm và chốt đáp án đúng Cả bốn xe chở được số gạo là: 4500 x 4 = 18000(kg) Mỗi xa sẽ nhận được số gạo là: 18000 : 5 = 3600(kg) Đáp số: 3600kg	
- GV củng cố cho HS về cách giải bài toán thực tế liên quan đến phép nhân, chia trong phạm vi 100000. - GV nhận xét, đánh giá và tuyên dương.	
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- HS nêu
- GV yêu cầu HS làm nháp	- HS thực hiện yêu cầu vào nháp
- Nêu cách thực hiện với biểu thức có hoặc không có ngoặc đơn, ta thực hiện thế nào?	- HS trả lời.
- GV củng cố, rèn kĩ năng tính giá trị biểu thức liên quan đến phép nhân, chia có hoặc không có dấu ngoặc.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nêu cách tính giá trị biểu thức liên quan đến phép nhân, chia có hoặc không có ngoặc đơn?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 5)

ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ, nhân, chia đã học trong phạm vi 100000.
- Tính nhẩm được các phép cộng, trừ, nhân, chia đã học và tính giá trị biểu thức liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn.
- Tính được giá trị biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ, nhân, chia có và không có dấu ngoặc.
- Giải được bài toán thực tế có liên quan đến các phép cộng, trừ, nhân, chia đã học.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng dạy, học toán 4.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Tính : 5643 x (651 : 3) - Nêu cách làm	 - HS thực hiện bảng con. - HS nêu
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Chọn câu trả lời đúng
- GV yêu cầu HS làm SGK và đổi chéo SGK kiểm tra.	- HS thực hiện SGK
- Nêu cách thực hiện các phần - Gv nhận xét và chốt đáp án đúng Câu a): chọn B; Câu b) : Chọn D; Câu c): Chọn C; Câu d): Chọn A	- HS nêu.
- GV củng cố cách thực hiện phép cộng, trừ, nhân, chia qua dạng bài tập trắc nghiệm bốn lựa chọn - GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Hs nêu yêu cầu
- Yêu cầu HS làm nháp	- HS thực hiện yêu cầu vào nháp
- GV gọi HS nêu cách làm	- HS nêu
- GV yêu cầu HS nêu cách làm và chốt đáp án đúng Tháng Hai nhà máy đó sản xuất được số sản phẩm là: 12960 : 2 = 6480 (sản phẩm)	- HS nêu.

Đáp số: 6480 sản phẩm	
- Bài toán này thuộc dạng toán gì? - GV củng cố cho HS về cách giải bài toán thực tế về giảm đi một số lần.	- HS nêu.
- GV khen ngợi HS.	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì? - GV yêu cầu HS làm bảng con	- HS nêu yêu cầu - HS thực hiện yêu cầu vào bảng con
- GV gọi HS nêu cách làm cho từng trường hợp	- HS nêu.
- GV củng cố, rèn kĩ năng tính giá trị biểu thức có phép cộng, trừ, nhân, chia có hoặc không có dấu ngoặc.	
- GV nhận xét, đánh giá và tuyên dương.	
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- HS nêu
- GV yêu cầu HS làm vở	- HS thực hiện yêu cầu vào vở
- GV yêu cầu HS nêu cách làm và chốt đáp án đúng Số sách giáo khoa cửa hàng nhập về là: 4050 x 5 = 20250 (quyển) Số quyển sách giáo khoa và sách tham khảo của hàng nhập về là: 4050 + 20250 = 24300 (quyển) Đáp số: 24300 quyển	- HS trả lời.
- GV củng cố cách giải và trình bày bài giải toán thực tế bằng hai bước tính liên quan đến gấp lên một số lần.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nêu cách tính giá trị biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ, nhân, chia có hoặc không có ngoặc đơn? - Khi thực hiện giải toán có lời văn em cần lưu ý điều gì?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

TUẦN 2

Toán (Tiết 6)
SỐ CHẴN, SỐ LẺ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:
- Hiểu thế nào là số chẵn, số lẻ.
- Nắm được dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ.
* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 1.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi: + Tranh vẽ gì? + Hai bạn Mai và Rô-bốt nói chuyện gì với nhau? + Trong toán học, làm thế nào để nhận biết số chẵn, số lẻ? (Câu hỏi mở)	 - HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ. + Tranh vẽ dãy phố có nhà ở liền kề nhau + Hai bạn đang nói tới các chữ số ở hai bên dãy nhà, một dãy là số chẵn, dãy còn lại đánh số lẻ. - HS suy ngẫm.
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Hình thành kiến thức:	
- Theo các em, có cách nào để nhận biết số chẵn, số lẻ không?	- HS trả lời. (Lấy số đó chia cho 2, số chia hết cho 2 là số chẵn, số không chia hết cho 2 là số lẻ)
- Yêu cầu HS lấy ví dụ.	- HS nêu. (VD: 8 chia hết cho 2, 6 chia hết cho 2; 7 không chia hết cho 2, 5 không chia hết cho 2 => Như vậy 8, 6 là số chẵn; 7, 5 là số lẽ)
- GV khuyến khích HS lấy thêm nhiều ví dụ ở chữ số có hai chữ số, ba chữ số,…	- HS lấy thêm nhiều ví dụ khác.

- Từ ví dụ của HS, GV dẫn dắt tới kết luận:	- HS lắng nghe.
+ Các số có chữ số tận cùng là 0,2,4,6,8 là các số chẵn. + Các số có chữ số tận cùng là 1,3,5,7,9 là các số lẻ.	
- Yêu cầu HS lấy ví dụ về số chẵn, số lẻ.	- Nối tiếp HS nêu.
- Em hãy nêu lại dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ?	- 2-3 HS nêu.
- GV tuyên dương, khen ngợi HS.	
3. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Tìm số chẵn, số lẻ.
- GV phát phiếu, yêu cầu HS khoanh bút chì vào số chẵn, bút mực vào số lẻ.	- HS thực hiện.
- Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.	- HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp.
- GV hỏi: Làm thế nào em tìm được số chẵn, số lẻ?	- HS trả lời. + Các số 12, 108, 194, 656, 72 có các chữ số tận cùng lần lượt là 2,8,4,6,2 → là số chẵn. + Các số 315, 71, 649, 113, 107 có các chữ số tận cùng lần lượt là 5, 1, 9, 3, 7 → là số lẻ.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Tìm số chẵn, số lẻ trên tia số.
- GV gọi HS nêu số chẵn nối tiếp.	- HS nêu. (các số: 0, 2, 4, 6, 8, 10, 12)
- Vì sao em xác định các số đó là số chẵn?	- Vì các số đó chia hết cho 2
- GV gọi HS nêu số lẻ nối tiếp.	- HS nêu. (các số: 1, 3, 5, 7, 9, 11)
- Vì sao em xác định các số đó là số lẻ?	- Vì các số đó không chia hết cho 2
- Từ 0 đến 12 có bao nhiêu số chẵn, bao nhiêu số lẻ?	- HS nêu: có 7 số chẵn, 6 số lẻ
- GV khen ngợi HS.	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.

- Bài yêu cầu làm gì?	- Tìm xem có bao nhiêu số chẵn, bao nhiêu số lẻ từ 10 đến 31.
- Gọi HS nêu cách làm.	- HS nêu. (vẽ tia số sau đó đếm)
- Yêu cầu HS làm việc nhóm đôi.	- HS thảo luận theo cặp.
- Yêu cầu HS báo cáo kết quả.	- HS chia sẻ đáp án. (Có 11 số chẵn, 11 số lẻ)
- GV cùng HS nhận xét.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 7)

LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Củng cố cách nhận biết số chẵn, số lẻ; nhận biết hai số chẵn liên tiếp, hai số lẻ liên tiếp.
- Vận dụng vào giải các bài tập, bài toán thực tế,

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 2.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ? - Xác định số chẵn, số lẻ trong các số: 123, 324, 56, 78, 215.	 - HS trả lời. - Hs nêu.
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.

- Bài yêu cầu làm gì?	- Con ong bay đến bông hoa màu nào nếu bay theo đường ghi số chẵn, nếu bay theo đường ghi số lẻ.
- GV yêu cầu HS quan sát, trả lời.	- HS thực hiện. a) Bay đến bông hoa màu xanh b) Bay đến bông hoa màu vàng
- Làm sao để xem xác định được màu bông hoa ghi số chẵn, màu bông hoa ghi số lẻ?	- HS trả lời. (dựa vào dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ. Chữ số 6408 có chữ số tận cùng là 8 → số chẵn); chữ số 1965 có chữ số tận cùng là 5 → số lẻ)
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Nêu số nhà còn thiếu và dãy số chẵn và dãy số lẻ.
- Yêu cầu HS làm phiếu sau đó đổi chéo.	- HS thực hiện. a) 116, 118, 120, 122, 124, 126 b) 117, 119, 121, 123, 125, 127
- Yêu cầu HS nêu cách làm.	- HS nêu. (Cứ 1 số nhà chẵn, đối diện với nó là 1 số lẻ, giống như Mai và Rô-bốt đã tìm hiểu ở dãy phố bài học trước)
- GV củng cố dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ.	- HS lắng nghe.
- GV khen ngợi HS.	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Điền số vào ô trống.
- GV gọi HS trả lời và nêu cách làm ý a)	- HS nêu. a) ...2 đơn vị (lấy 118 – 116 = 2) ...2 đơn vị (lấy 119 – 117 = 2)
- Để tìm được 2 số chẵn liên tiếp hoặc 2 số lẻ liên tiếp ta làm cách nào?	- Ta cộng thêm 2
- GV gọi HS trả lời và nêu cách làm ý b)	- HS nêu: b) 78, 80, 82 (cộng thêm 2) 67, 69, 71 (cộng thêm 2)
- GV cùng HS nhận xét, chốt: hai số chẵn	- HS thực hiện

liên tiếp hơn kém nhau 2 đơn vị; hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau 2 đơn vị. Để tìm được 2 số chẵn liên tiếp hoặc 2 số lẻ liên tiếp ta lấy số đó cộng thêm 2.	
Bài 5: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Lập số chẵn và số lẻ có 2 chữ số từ các số 7,4,5.
- GV yêu cầu làm việc theo cặp, thực hiện yêu cầu bài.	- HS thảo luận theo cặp. + Số chẵn: 74, 54. + Số lẻ: 47, 45, 75, 57
- Dựa vào đâu em lập được các số chẵn, các số lẻ?	- HS trả lời. (chữ số tận cùng là 4 → số chẵn; chữ số tận cùng là 5, 7 → số lẻ)
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ? - Hai số chẵn liên tiếp, hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau mấy đơn vị?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán

BÀI 4: BIỂU THỨC CHỨA CHỮ (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được biểu thức chứa chữ (2 + a là biểu thức chứa chữ).

- Biết cách tính giá trị của biểu thức chứa chữ với mỗi giá trị của chữ, vận dụng giải được các bài tập 1, 2, 3 ở phần hoạt động.

* Năng lực chung: Năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, ham học, có tinh thần tự học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phấn màu, máy chiếu, bài giảng điện tử

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động	- Lớp hát tập thể

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV tổ chức cho HS hát tập thể. - Gọi Hs lên bảng tính: a) 354 + 21 – 100 = 375 – 100 = 275 b) 5212 x 2 + 210 = 10424 + 210 = 10634 - GV gọi 1-2 HS làm bài trên bảng. - Gọi HS nhận xét và chữa bài - GV nhận xét, đánh giá. - GV giới thiệu vào bài.	- HS hoàn thàn bài. - HS nhận xét. - HS lắng nghe - HS viết tên bài
2. Khám phá	
- GV HD HS. - GV yêu cầu HS tính ra nháp - GV đưa tình hình từ chuyện gấp thuyền của Nam, Việt, Mai đưa ra biểu thứa chứa chữ 2 + a. - Nếu a = 4 thì 2 + a = 2 + 4 = 6. 6 là một giá trị của biểu thức 2 + a - Nếu a = 12 thì 2 + a = 2 + 12 = 14, 14 là giá trị của biểu thức 2 + a. Mỗi lần tay chữ a bằng một số ta tính được một giá trị của biểu thức 2 + a => Kết luận: Qua ví dụ trên các em có thể thấy được 2 + a chính là một bài toán lớp 4 biểu thức có chứa một chữ. Mỗi lần thay chữ số a bằng một số, ta được một giá trị mới của biểu thưc 4 + n. - Dựa vào ví dụ GV cho HS làm câu b.	- HS lắng nghe. - HS thực hiện - HS trình bày bài - HS nhận xét, - HS lắng nghe.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
b) Tính giá trị của biểu thức 40 – b với b = 15. - GV hướng dẫn HS thực hiện tương tự. Có thể thay đổi ngữ liệu. 40 – b = 40 – 15 = 25. -> Chốt Cách tính giá trị biểu thức có chứa một chữ. B1: Xác định giá trị của chữ (a,b,c,x,y,z, ….)xuất hiện trong biểu thức từ đề bài đã cho. B2: Thay giá trị tương ứng của chữ số đó vào biểu thức ban đầu. B3: Thực hiện phép tính giá trị biểu thức (nhân chia trước, cộng trừ sau, trong ngoặc trước ngoài ngoặc sau) B4: Đưa ra kết quả và kết luận - GV cho HS trình bày và nhận xét - GV nhận xét, chốt kết luận	
2. Luyện tập: **Bài 1. Tính giá trị biểu thức:** **a) 125 : m = 125 : 5** **b) (b + 4) x 3 = (27 + 4) x 3** - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập. - GV cho HS làm việc theo nhóm đôi - GV mời các nhóm trình bày. **áp án:** a) 125 : m = 125 : 5 = 25 b) (b + 4) x 3 = (27 + 4) x 3 = 31 x 3 = 93 - Mời các nhóm khác nhận xét - GV nhận xét chung, tuyên dương => Củng cố cách tính giá trị biểu thức có chứa chữ.	- HS đọc yêu cầu bài toán. - Các nhóm làm việc theo nhóm đôi - 1-2 nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
Bài 2. Chu vi P của hình vuông có độ	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
dài cạnh là a được tính theo công thức: **Hãy tính chu vi hình vuông với a = 5 cm; a = 9cm.** Tính chu vi hình vuông có độ dài cạnh là a = 5 cm và a = 9 cm, - GV yêu cầu HS đọc đề bài - GV yêu cầu HS áp dụng công thức tính chu vi hình vuông để tính được chu vi hình vuông. **Đáp án**: P = 5 x 4 = 20 (cm) P = 9 x 4 = 36 (cm) - P = a x 4 là biểu thức có chứa một chữ. - GV cho HS nhận xét và chốt đáp án đúng. - GV nhận xét, tuyên dương	- HS học đề bài. - HS làm bài theo yêu cầu - HS trình bày bài. - HS chữa bài và nhận xét. - HS lắng nghe,
Bài 3. Chọn giá trị của biểu thức 35 + 5 x a trong mỗi trường hợp sau. Lựa chọn các số ở hình tròn là giá trị thích hợp của biểu thức 35 + 5 x a ứng với a = 2, a = 5, a = 6, a = 7. - Gọi HS đọc đề bài. - Yêu cầu HS tự giải vào vở, 4 HS làm bài trên bảng **Đáp án:** - 45 là giá trị của biểu thức 35 + 5 x a với a = 2 (P = 35 + 5 x 2 = 35 + 10 =	- HS đọc yêu cầu bài toán. - HS làm bài vào vở. 4 HS lên bảng - HS nhận xét - HS lắng nghe

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
45). - 60 là giá trị của biểu thức 35 + 5 x a với a = 5 (P = 35 + 5 x 5 = 35 + 25 = 60). - 65 là giá trị của biểu thức 35 + 5 x a với a = 6 (P = 35 + 5 x 6 = 35 + 30 = 65). - 70 là giá trị của biểu thức 35 + 5 x a với a = 7 (P = 35 + 5 x 7 = 35 + 35 = 70). - Gọi HS nhận xét. - GV kiểm tra bài làm, nhận xét, chữa bài trên bảng. => Củng cố cách tính giá trị biểu thức chứa chữ.	
3. Vận dụng: - GV hỏi - Nêu các bước giải bài toán có chứa chữ (Gồm có 4 bước) B1: Xác định giá trị của chữ (a,b,c,x,y,z, ….)xuất hiện trong biểu thức từ đề bài đã cho. B2: Thay giá trị tương ứng của chữ số đó vào biểu thức ban đầu. B3: Thực hiện phép tính giá trị biểu thức (nhân chia trước, cộng trừ sau, trong ngoặc trước ngoài ngoặc sau) B4: Đưa ra kết quả và kết luận - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- HS trả lời - HS lắng nghe để ghi nhớ nhiệm vụ....

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán

BÀI 4: BIỂU THỨC CHỨA CHỮ (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được biểu thức chứa hai chữ và tính được giá trị của biểu thức chứa hai chữ.

- Vận dụng giải bài toán tính chu vi hình chữ nhật và các bài toán liên quan khác.

* Năng lực chung: Năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, ham học, có tinh thần tự học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phấn màu, máy chiếu, bài giảng điện tử

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động - GV tổ chức cho HS hát tập thể. - GV cho HS chơi trò chơi. Câu 1. Biểu thức nào có chứa một chữ? A. 30 + 15 B. a + 15 C. 135 : 5 => Đáp án: B Câu 2. Giá trị của biểu thức a + 16 với a = 20 là: A. 35 B. 20 C. 5 => Đáp án: A Câu 3. Với n = 10 thì giá trị của biểu thức n x 5 + 24 là: A. 50 B. 34 C. 74 => Đáp án: C Câu 4. Biểu thức khác với các biểu thức còn lại là: A. m : 9 B. a + b C. Y – 75 => Đáp án: B - GV nhận xét, đánh giá. - GV dẫn dắt vào bài mới bằng câu 4. - GV giới thiệu vào bài.	- Lớp hát tập thể - HS hoàn thàn bài. - HS nhận xét. - HS lắng nghe - HS viết tên bài
2. Luyện tập	
Bài 1. Số ? **Chu vi A của hình chữ nhật có chiều dài a,**	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
chiều rộng b (cùng đơn vị đo) được tính theo công thức: 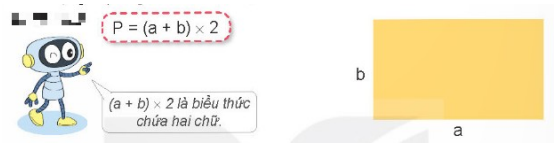 Hãy tính chu vi hình chữ nhật theo kích thước như bảng sau: Chiều dài (cm) | Chiều rộng (cm) | Chu vi hình chữ nhật (cm) 10 | 7 | 34 25 | 16 | ? 34 | 28 | ? - GV HD HS. Tính chu vi hình chữ nhật dựa vào công thức tính chu vi hình chữ nhật P = (a + b) x 2 (như là tính giá trị biểu thức chứa hai chữ) - Với a = 25 cm, b = 16 cm. - Với a = 34 cm, B = 28 cm. - GV yêu cầu HS tính ra nháp - GV cho HS trình bày và nhận xét **Đáp án:** - Với a = 25 cm, b = 16 cm. Chu vi hình chữ nhật là: (25 + 16) x 2 = 82 (cm). - Với a = 34 cm, B = 28 cm. Chu vi hình chữ nhật là: (34 + 28) x 2 = 124 (cm). - GV nhận xét, chốt kết luận => Củng cố: Cách tính giá trị biểu thức chứa hai chữ dựa vào công thức tính chu vi hình chữ nhật.	- HS lắng nghe. - HS thực hiện - HS trình bày bài - HS nhận xét, - HS lắng nghe.
Bài 2. **a) Tính giá trị của biểu thức a + b x 2 với a = 8, b = 2.** **b) Tính giá trị của biểu thức**	- HS đọc yêu cầu bài toán. - HS trả lời

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập. a) a + b x 2 b) (a + b) : 2 - GV hỏi: Các biểu thức trong bài 2 là biểu thức gì? (Biểu thức có chứa hai chữ) **Đáp án:** - Với a = 539, b = 243, ta có: a + b x 2 = 8 + 2 x 2 = 8 + 4 = 12 - Với a = 15, b = 27, ta có (a + b) : 2 = (15 + 27) : 2 = 32 : 2 = 16 - GV cho HS làm bài vào vở. - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV hỏi: Nêu cách tính giá trị biểu thức có chứa hai chữ (Ta thay giá trì của các chữ vào biểu thức rồi tính)	- HS làm bài vào vở. - HS đổi vở kiểm tra chéo - HS nhận xét - HS lắng nghe - HS trả lời
Bài 3. Quãng đường ABCD gồm ba đoạn như hình vẽ dưới đây. **Hãy tính độ dài quãng đường ABCD với:** **a) m = 4 km, n = 7 km** **b) m = 5 km, n = 9 km.** - Gọi HS đọc đề bài - GV hướng dẫn phân tích đề toán Tính độ dài quãng đường ABCD (tính độ dài đường gấp khúc). + Bài toán cho biết gì? (Độ dài quãng đường ABCD có giá trị biểu thức m + 6 + n với a) m = 4, n = 7 và b) m = 5, n = 9.) + Bài toán hỏi gì? (Hỏi quãng đường ABCD dài bao nhiêu km?)	- HS đọc yêu cầu bài toán. - HS trả lời - 1 HS lên bảng làm bài - HS nhận xét

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV gọi 1 HS lên bảng làm bài. HS dưới lớp làm bài vào vở. - GV mời các HS khác nhận xét bài trên bảng. **Bài giải** a) Độ dài quãng đường ABCD là: 4 + 6 + 7 = 17 (km) b) Độ dài quãng đường ABCD là: 5 + 6 + 9 = 20 (km) - GV nhận xét chung, tuyên dương - GV hỏi - Nêu cách làm bài toán (cần tìm xem quãng đường ABCD dài bao nhiêu km)	- HS lắng nghe - HS trả lời
Bài 4. **a) Tính giá trị của biểu thức 12 : (3 – m) với m = 0; m = 1; m = 2.** **b) Trong ba giá trị của biểu thức tìm được ở câu a, với m bằng bao nhiêu thì biểu thức 12 : (3 – m) có giá trị lớn nhất?** - GV cho HS đọc đề bài. - GV HD HS làm từng câu. **Đáp án:** - Với m = 0, giá trị của biểu thức 12 : (3 – m) = 12 : (3 – 0) = 12 : 3 = 4 - Với m = 1, giá trị của biểu thức 12 : (3 – m) = 12 : (3 – 1) = 12 : 2 = 6 - Với m = 2, giá trị của biểu thức 12 : (3 – m) = 12 : (3 – 2) = 12 : 1 = 12 b) Với giá trị nào của a thì biểu thức 12 : (3 – m) có giá trị lớn nhất? **Đáp án:** - Cách 1:	- HS đọc đề bài. - HS lắng nghe - HS làm việc nhóm 4 - HS trình bày bài. - HS nhận xét bài. - HS lắng nghe.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Nhận xét: 3 – a khác 0, a không thể là 3, a bé hơn 3 để 3 trừ được cho a. Vậy a chỉ có thể là a = 0, a = 1, a = 2. + Với a = 0 thì 12 : (3 – a) = 12 : (3 – 0) = 4 + Với a = 1 thì 12 : (3 – a) = 12 : (3 – 1) = 6 + Với a = 2 thì 12 : (3 – a) = 12 : (3 – 2) = 12 Mà 12 > 6 > 4, vậy với a = 2 thì biểu thức 12 : (3 – a) có giá trị lớn nhất. - Cách 2: Nhận xét: Trong phép chia 12 : (3 – a), số bị chia 12 không đổi, số chia (3 – a) càng bé thì thương càng lớn. Do đó thương của 12 chia cho (3 – a) lớn nhất khi (3 – a) bé nhất có thể, khi đó 3 – a = 1 hay a = 2. Vậy với a = 2 thì biểu thức 12 : (3 – a) có giá trị lớn nhất. - GV cho HS trình bày và nhận xét bài lẫn nhau. - GV chốt, nhận xét, tuyên dương nhóm làm đúng.	
3. Vận dụng: - GV cho HS nêu các bước giải bài toán có chứa hai chữ (Gồm có 4 bước) B1: Xác định giá trị của hai chữ xuất hiện trong biểu thức từ đề bài đã cho. B2: Thay giá trị tương ứng của hai chữ đó vào biểu thức ban đầu. B3: Thực hiện phép tính giá trị biểu thức. B4: Đưa ra kết quả và kết luận. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- HS trả lời - HS lắng nghe để ghi nhớ nhiệm vụ....

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán

BÀI 4: BIỂU THỨC CHỨA CHỮ (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được biểu thức chứa hai chữ và tính được giá trị của biểu thức chứa ba chữ.

- Vận dụng thực hành tính giá trị củ biểu thức chứa ba chữ vào các bài tập cơ bản, củng cố và phát triển năng lực.

* Năng lực chung: Năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, ham học, có tinh thần tự học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phấn màu, máy chiếu, bài giảng điện tử

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động - GV tổ chức cho HS hát tập thể. - GV cho HS chơi trò chơi. Câu 1. Tính gía trị của a + b nếu a = 215 và b = 138. => Đáp án: Nếu a = 215 và b = 138 thì a + b = 215 + 138 = 353. Câu 2. Mỗi lần thay chữ bằng số thì ta tính được gì? => Đáp án: Mỗi lần thay chữ bằng số thì ta tính được một giá trị của biểu thức a + b. GV nhận xét, đánh giá. - GV dẫn dắt vào bài mới bằng câu 4. - GV giới thiệu vào bài.	- Lớp hát tập thể - HS hoàn thàn bài. - HS nhận xét. - HS lắng nghe - HS viết tên bài
2. Luyện tập	
Bài 1. Số ? **Chu vi A của hình tam giác có độ dài ba cạnh lần lượt là a, b, c (cùng đơn vị đo) được tính theo công thức:** Tính chu vi hình tam giác, biết: a) a = 62 cm, b = 75 cm, c = 81 cm. b) a = 50 dm, b = 61 dm, c = 72 dm - GV HD HS. - GV yêu cầu HS tính ra nháp.	- HS lắng nghe. - HS thực hiện

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- HDHS sử dụng công thức P = a + b + c (như là tính giá trị của biểu thức chứa ba chữ). - GV cho HS trình bày và nhận xét - GV nhận xét, chốt kết luận **Đáp án:** **a) 62 + 75 + 81 = 218 cm** **b) 50 + 61 + 72 = 183 dm**	- HS trình bày bài - HS nhận xét, - HS lắng nghe.
Bài 2. Với m = 9, n = 6, p = 4, hai biểu thức nào có giá trị bằng nhau? 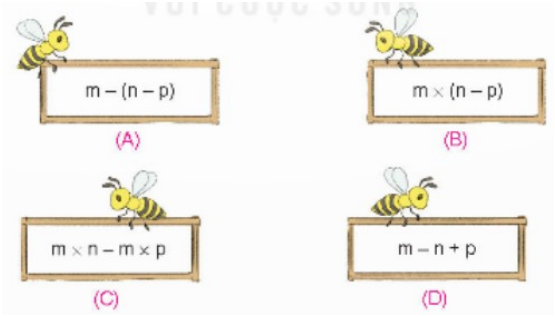 - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập. - Tính giá trị của biểu thức (A), (B), (C), (D) với m = 9, n = 6, p = 4 rồi so sánh kết quả. Từ đó tìm ra hai biểu thức nào có giá trị bằng nhau? Biết: m – (n – p) = m – n + p và m x (n – p) = m x n – m x p. - GV cho HS làm bài vào vở. - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. **Đáp án:** - Giá trị của biểu thức (A) bằng giá trị của biểu thức (D). - Giá trị của biểu thức (B) bằng giá trị của biểu thức (C). - GV Nhận xét, tuyên dương.	- HS đọc yêu cầu bài toán. - HS trả lời - HS làm bài vào vở. - HS đổi vở kiểm tra chéo - HS nhận xét - HS lắng nghe - HS trả lời
3. Vận dụng: - GV tổ chức trò chơi - GV hướng dẫn luật chơi - GV cho HS chơi trò chơi "Hái bưởi". - Cách chơi: + Chơi theo cặp.	- HS lắng nghe. - HS chơi trò chơi.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
+ Người chơi bắt đầu từ ô XUẤT PHÁT. Khi đến lượt, người chơi gieo xúc xắc. Di chuyển số ô bằng số chấm ở mặt trên xúc xắc. + Nêu giá trị biểu thức ở ô đi đến. Nếu đúng thì há được quả bưởi ghi số là giá trị của biểu thức đó. Nếu sai thì phải quay trở về ô xuất phát trước đó. + Nếu đến ô có đèn xanh thì được gieo xúc xắc để đi tiếp. Nếu đến ô có đèn đỏ thì dừng lại một lượt, nhường lượt chơi cho người khác. + Trò chơi kết thúc khi có người hái được 5 quả bưởi. 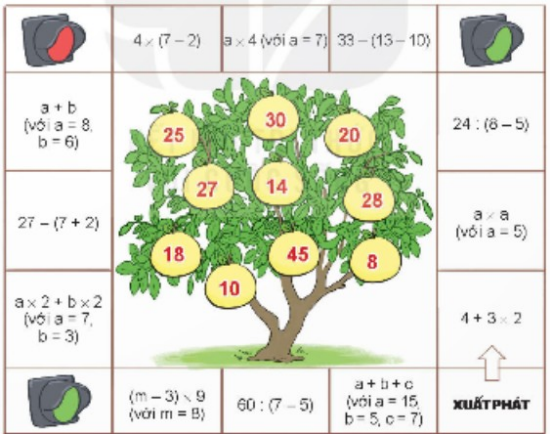 **Có thể chơi theo cặp như ở các lớp 1,2,3.** - Tổng kết trò chơi - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- HS lắng nghe để ghi nhớ nhiệm vụ....

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

TUẦN 3(Bạn này xác định kĩ năng là năng lực đặc thù)

Toán (Tiết 11)

GIẢI BÀI TOÁN CÓ BA BƯỚC TÍNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết và nắm được cách giải bài toán có ba bước tính (phân tích tóm tắt đề bài, tìm cách giải, trình bày bài giải)
- Vận dụng giải được các bài toán thực tế có ba bước tính.
- Biết cách diễn đạt, trình bày bài giải liên quan đến ba bước tính.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi: + Tranh vẽ gì?(Tranh vẽ các cô chú đang trồng cây) + Hai bạn Việt và bạn Nam nói chuyện gì với nhau? (Hai bạn đang nói tới số cây của mỗi đội (3 đội) + Trong toán học, ta làm thế nào để biết được số cây trồng của cả ba đội? (Câu hỏi mở) - GV giới thiệu- ghi bài **2. Hình thành kiến thức:** - Theo các em muốn giải được bài toán này ta làm thế nào? (Ta phải biết được số cây của mỗi đội) + Đội 1 trồng được bao nhiêu cây? (Đội 1 trồng được bao 60 cây) + Muốn biết đội 2 trồng được bao nhiêu cây ta làm thế nào? (Thêm 20 cây vào số cây của đội 1 sẽ được số cây của đội 2.) + Vậy ta làm phép tính gì? (Ta làm phép tính cộng, lấy 60 +20 = 80 cây.) + Muốn biết đội 3 trồng được bao nhiêu cây ta làm thế nào? (Bớt 10 cây vào của đội 2 sẽ được số cây của đội 3). + Ta làm tính gì ? (Ta làm phép tính trừ, lấy 80 - 10 = 70 cây.) + Cuối cùng ta làm gì ? Tính như thế nào ? (Tìm tổng số cây của cả ba đội trồng được: Làm tính công: 60 +80 + 70 = 210 cây)	- HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ. - Quan sát - HS trả lời.

- Đưa sơ đồ tóm tắt bài toán như SGK lên bảng. - Mời 1 HS lên bảng thực hiện. HS dưới lớp làm nháp. Bài giải: Số cây đội Hai trồng được là: 60 + 20 = 80 (cây) Số cây đội Ba trồng được là: 80 – 10 = 70 (cây) Số cây cả ba đội trồng được là: 60 + 80 + 70 = 210 (cây) Đáp số: 210 cây - YC hs thảo luận cặp nêu các bước giải bài toán này. - GV chốt: Ta có thể tính theo ba bước - Tìm số cây của đội Hai - Tìm số cây của đội Ba - Tìm số cây của ba đội - Yêu cầu HS lấy ví dụ. (Tổ Một vẽ được 10 bức tranh, tổ Hai vẽ được nhiều hơn tổ Một 5 bức tranh, tổ Ba vẽ được ít hơn tổ Hai 3 bức tranh. Cả ba tổ vẽ được bao nhiêu bức tranh?) - GV khuyến khích HS lấy thêm nhiều ví dụ ở dạng toán giải bài toán có ba bước tính. **3. Luyện tập, thực hành:** **Bài 1:** - Gọi HS đọc bài toán. - Bài toán cho chúng ta biết gì? - Bài toán hỏi gì? - Tóm tắt: - Cho HS thảo luận, làm bài vào bảng nhóm - Yêu cầu HS chia sẻ. Bài giải: Số tiền mua 5 quyển vở là: 8 000 x 5 = 40 000 (đồng) Số tiền mua hai hộp bút là: 25 000 x 2 = 50 000 (đồng) Số tiền phải trả tất cả là: 40 000 + 50 000 = 90 000 (đồng) Đáp số: 90 000 đồng - GV nhận xét chung, tuyên dương HS. **Bài 2.** - Gọi HS đọc bài toán. + Bài toán cho chúng ta biết gì?	- HS nhìn tóm tắt nêu lại đề bài toán. - Thảo luận - nêu - HS nêu. - HS đọc. - Thực hiện làm bài nhóm 4 - HS chia sẻ, nhận xét, chữa bài - Lắng nghe - HS đọc. - HS trả lời

+ Bài toán hỏi gì? - Cho HS làm bài CN vào vở, chia sẻ. Bài giải: Số túi táo là: 40 : 8 = 5 (túi) Số túi cam là: 36 : 6 = 6 (túi) Số túi cam nhiều hơn số túi táo là: 6 – 5 = 1 (túi) Đáp số: 1 túi **4. Vận dụng, trải nghiệm:** + Em hãy tính nhanh đáp số bài toán: + Bạn Nam có 10 viên bi. Bạn Tú có nhiều hơn bạn Nam 4 viên bi. Bạn Sơn có nhiều hơn bạn Tú 3 viên bi. Hỏi cả ba bạn có bao nhiêu viên bị ? (Đáp số: 41 viên bi) - Nhận xét giờ học	- HS làm bài vào vở, chia se - HS thảo luận - Chia sẻ - Lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 12)

LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Vận dụng cách giải bài toán có ba bước tính để giải được các bài toán thực tế có liên quan

- Biết cách diễn đạt, trình bày bài giải liên quan đến ba bước tính.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.

- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Nêu cách giải và đáp số bài toán: Bạn Nam cắt được 8 ngôi sao. Bạn Tú cắt được nhiều hơn bạn Nam 4 ngôi sao.	- Lắng nghe - Chia sẻ

Bạn Sơn cắt được nhiều hơn bạn Tú 3 ngôi sao. Hỏi cả ba bạn cắt được bao nhiêu ngôi sao ? - Nhận xét	
- GV giới thiệu - ghi bài.	- Ghi đầu bài
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1:	
- Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Cho HS thảo luận: phân tích đề bài, nêu các bước giải, làm bài vào vở.	- HS thực hiện cặp đôi
- Mời HS chia sẻ Bài giải Số vịt trong đàn vịt nhà bác Đào là: 1200 – 300 = 900 (con) Số vịt trong đàn vịt nhà bác Cúc là: 1200 + 500 = 1700 (con) Tất cả số vịt của ba bác là: 1200 + 900 + 1700 = 3800 (con) Đáp số: 3800 con vịt	- HS chia sẻ, nhận xét chữa bài
Bài 2:	
- Gọi HS đọc bài toán.	- HS đọc đầu bài
- HD HS phân tích đề bài toán.	- Theo dõi
- Yêu cầu HS thảo luận làm bài trên bảng nhóm	- Thực hiện nhóm 4
- Cho HS chia sẻ, nhận xét, chữa bài Bài giải Số lít nước mắm bán ở lần hai là: 25 x 2 = 50 (lít) Số lít nước mắm bán ở ba lần là: 25 + 50 + 35 = 110 (lít) Số lít nước mắm còn lại trong thùng là: 120 – 110 = 10 (lít) Đáp số: 10 lít	- Chia sẻ, nhận xét, chữa bài
- GV nhận xét, khen ngợi	
Bài 3.	
- GV đưa sơ đồ bài toán như SGK	- Quan sát
- Yêu cầu HS dựa vào sơ đồ nêu đầu bài toán. GV sửa sai cho từng em	- Nêu đề toán.
- Cho HS tự làm bài	- Cá nhân làm bài
- GV quan sát sửa lỗi cho từng em. Bài giải Số quả bưởi là: 12 x 2 = 24 (quả) Số quả xoài là:	

24 + 13 = 27 (quả) Cả sầu riêng, xoài và bưởi có số quả là: 12 + 24 + 37 = 73 (quả) Đáp số: 73 quả	
- Nhận xét, tuyên dương những HS làm đúng, làm nhanh	- Lắng nghe
Bài 4.	
- Gọi HS đọc bài toán.	- HS đọc đầu bài
- Gọi HS phân tích đề bài toán.	- Nêu
- Yêu cầu HS thảo luận làm bài vào vở	- Thực hiện vào vở
- Cho HS chia sẻ, nhận xét, chữa bài Bài giải Thứ bảy bán được là: 12 + 5 = 17 (máy) Chủ nhật bán được là : 17 + 10 = 27 (máy) Cả ba ngày bán được là: 12 + 17 + 27 = 56 (máy) Đáp số: 56 máy tính	- Chia sẻ, nhận xét, chữa bài
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Yêu cầu HS tính nhanh và điền kết quả tính vào chỗ chấm của bài toán. + Bạn Lan có 9 nhãn vỡ, bạn Thư có số nhãn vỡ gấp đôi số nhãn vở của bạn Lan. Bạn Hà có ít hơn bạn Thư 5 nhãn vở. Như vậy ba bạn có ..... nhãn vở. - GV nhận xét	- Điền kết quả tính vào chỗ chấm: - Lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 13)

LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Xác định được số chẵn, số lẻ, số bé nhất, số lớn nhất trong 4 số có năm chữ số; viết được 4 số theo thứ tự từ bé đến lớn.
- Làm tròn được số có năm chữ số đến hàng chục, hàng chục nghìn.
- Thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia trong phạm vi 100 000.
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, trừ, nhân.
- Qua giải bài toán thực tế giúp HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: bảng nhóm, máy tính, ti vi, phiếu bài 1.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- Nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ?	- HS trả lời.
- Thực hiện phép tính 64 567 – 37 689 = ? 34 231 + 36 432 = ? 3 245 x 6 = ? 43 652 : 7 = ?	- HS thực hiện.
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1:	
- Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì? + Tìm số chẵn, số lẻ, số bé nhất, số lớn nhất trong 4 số có năm chữ số; viết được 4 số theo thứ tự từ bé đến lớn. + Làm tròn được số có năm chữ số đến hàng chục, hàng chục nghìn	- HS trả lời
- GV yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời miệng. KQ: a) Các số chẵn là 63 794, 59 872 - Các số lẻ là 65 237, 66 053. b) 59872, 63 794, 65 237, 66 053 c) 59 870 d) 70 000 - GV nhận xét, khen ngợi.	- HS thực hiện.
Bài 2:	
- Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Thực hiện phép cộng, trừ, nhân, chia.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở, sau đó đổi chéo vở cho bạn kiểm tra. 63 758 – 5 364 = 58 394 37 429 + 49 235 = 86 664	

8 107 × 9 = 72 963 43 652 : 7 = 6253 (dư 4) 16 25 4	
- Yêu cầu HS nêu lại cách làm. - GV khen ngợi HS.	- HS trả lời
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu. - HD HS cách tính giá trị biểu thức - GV gọi HS trả lời và nêu cách làm Mai: 20 000 + 10 000 x 6 = 80 000 Nam: 5 000 x 7 + 50 000 = 85 000 Việt: 50 000 + 2 000 x 9 = 68 000 Vậy bạn Nam có nhiều tiền tiết kiệm nhất.	 - HS đọc. - HS nêu.
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu. + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? + Muốn tìm số khán giả nam nhiều hơn số khán giả nữ bao nhiêu người ta làm thế nào? - GV yêu cầu HS làm bài vào bảng nhóm, thực hiện nhóm 4. Bài giải Số khán giả nam vào sân là: 37 636 – 9 273 = 28 363 (khán giả) Số khán giả nam nhiều hơn số khán giả nữ là: 28 363 – 9 273 = 19 090 (khán giả) Đáp số: 19 090 khán giả	 - HS đọc. - HS suy nghĩ chia sẻ - HS thực hiện
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ? - Thực hiện nhân nhẩm. 400 + 100 x 2 = 600 40 000 + 10 000 x 2 = 60 000 40 000 x 2 + 10 000 = 90 000 - Nhận xét tiết học.	 - HS nêu. - Lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 14)
LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia trong phạm vi 100 000.
- Tính được giá trị của biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ, nhân, chia có và không có dấu ngoặc.
- Tính được giá trị của biểu thức chứa hai, ba chữ.
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, trừ, nhân.
- Qua giải bài toán thực tế giúp HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: bảng nhóm, máy tính, ti vi, phiếu bài 1.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Thực đặt tính rồi tính 3 245 x 4 = ? 43 650 : 5 = ? - GV giới thiệu - ghi bài.	 - HS thực hiện.
2. Luyện tập, thực hành: **Bài 1:** - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - GV yêu cầu HS thực hiện trên phiếu bài tập - HS thực hiện. 8 413 x 7 = 58 891 56 732 : 8 = 7 091 (dư 4) Thử lại 58 891 : 7 = 8 413 Thử lại 7 094 x 8 + 4 = 56 732 - GV nhận xét, khen ngợi.	 - HS đọc. + Đặt tính rồi tính và thử lại.
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì?	- HS đọc. - Tính giá trị của biểu thức - Thực hiện

- Yêu cầu HS làm bài vào vở, sau đó đổi chéo vở cho bạn kiểm tra. a) Với a = 539, b = 243 ta có: a + b -135 = 539 + 243 – 135 = 782 – 135 = 647 b) Với c = 2 370, m = 105 và n=6 ta có: c + m x n = 2 370 + 105 x 6 = 2 370 + 630 = 3 000 - GV khen ngợi HS.	- Lắng nghe
Bài 3: - Gọi HS đề bài toán. - HD HS tìm hiểu đề toán. + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? - GV yêu cầu HS làm bài vào bảng nhóm, thực hiện nhóm 4. Bài giải Số tiền của 5 quyển vở là: 6 500 x 5 = 32 500 (đồng) Số tiền mua 1 bút mực và 5 quyển vở là: 8 500 +32 500 = 41 000 (đồng) Cô bán hàng trả lại Mai số tiền là: 50 000 – 41 000 = 9 000 (đồng) Đáp số: 9 000 đồng - Nhận xét, khen ngợi.	- HS đọc. - HS trả lời - Thảo luận, chia sẻ KQ
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu - YC HS làm bài trong phiếu BT theo cặp a) (13 640 – 5 537) x 8 = 8 103 x 8 = 64 824 b) 27 164 + 8 470 – 1 230 = 35 634 – 1230 = 34 404 - Gọi HS chia sẻ bài - Nhận xét, khen ngợi.	- HS đọc. - Thảo luận cặp - Chia sẻ trước lớp.
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Yêu cầu HS thực hiện bài toán 5. + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì?	- HS nêu.

+ Số bé nhất có hai chữ số có chữ số hàng chục là số nào? + Số 1 + Khi đó, để có số lẻ bé nhất thì chữ số hàng đơn vị phải là chữ số nào? + Số 1 Vậy số lẻ bé nhất có hai chữ số là số nào? + Số lẻ bé nhất có hai chữ số là số 11. Vậy năm nay chị Hoa 11 tuổi. - Nhận xét tiết học.	- Trả lời

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 15)

BÀI 7. ĐO GÓC, ĐƠN VỊ ĐO GÓC (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được đơn vị đo góc: độ (^{o}).
- Sử dụng được thước đo góc để đo các góc: 60^o, 90^o, 120^o, 180^o.
- Đọc viết đúng đơn vị đo góc; sử dụng thước đo góc đo được đúng các góc theo yêu cầu.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác, năng lực sử dụng công cụ toán học.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng dạy học toán 4.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Yêu cầu HS quan sát hình vẽ ý a trong SGK. + Tranh vẽ gì? - Tranh vẽ hai góc nhọn AOB và MPN và hai bạn đang tranh luận với nhau. + Hai bạn Việt và bạn Nam nói chuyện gì với nhau? - Hai bạn nêu ý kiến của mình về sự so sánh góc AOB và góc MPN. + Đối với các góc, ta làm thế nào để biết được góc nào lớn hơn, góc nào bé hơn ? (câu hỏi mở) - GV giới thiệu: - ghi bài **2. Hình thành kiến thức:**	- Quan sát tranh - HS suy nghĩ, nêu theo ý hiểu - Lắng nghe, ghi đầu bài

a. Yêu cầu HS quan sát 2 góc nhọn AOB và MPN. + Theo em, góc nào lớn hơn, góc nào bé hơn ? (góc MPN lớn hơn góc AOB) + Em làm cách nào để biết điều đó ? (dùng thước đo để đo) - GV giới thiệu: Để đo độ lớn của góc ta cần dùng thước đo độ - Cho HS quan sát thước đo độ. + Độ là đơn vị đo góc, kí hiệu là ^{o} (viết ở trên số). Chẳng hạn một độ viết là 1^o. - GV thao tác sử dụng thước đo độ đo góc AOB và góc MPN + Góc đỉnh O, cạnh OA, OB bằng ba mươi độ. Ba mươi độ viết là 30^o b. Cách đo góc bằng thước đo góc. - GV thao tác trên bảng để HS cùng thực hiện Đo góc đỉnh O cạnh OA, OB: . Đặt đỉnh O của góc trùng với tâm của thước đo góc; cạnh OB nằm trên đường kính của nửa hình tròn của thước. . Cạnh OA đi qua một vạch trên nửa đường tròn của thước, chẳng hạn vạch ghi số 30, ta được số đo góc đỉnh O, cạnh OA, OB bằng 30^o. - GV vẽ một, hai góc lên bảng, gọi HS lên thực hành. - GV lưu ý HS cách cầm thước đo sao cho chính xác **3. Luyện tập, thực hành:** **Bài 1:** - Gọi HS đọc bài toán: Quan sát thước đo góc rồi nêu số đo của mỗi góc. - Yêu cầu HS chia sẻ. - HS nêu số đo của mỗi góc : Góc đỉnh O, cạnh OD, OC bằng 90^o; góc đỉnh O, cạnh OE, OM bằng 120^o; góc đỉnh O, cạnh ON, OP bằng 180^o **Bài 2.** - Gọi HS đọc bài toán: Quan sát tranh rồi nêu số đo các góc. - Yêu cầu HS chia sẻ. - HS nêu số đo của mỗi góc: Góc đỉnh N, cạnh NM, NH bằng 60^o; góc đỉnh H, cạnh	- Quan sát + Trả lời - Quan sát - Thực hiện trên SGK như GV HD - HS lên thực hành - HS đọc yêu cầu - Thực hiện cá nhân - HS đọc yêu cầu - Thực hiện cá nhân

HM, HN bằng 90^o; góc đỉnh C, cạnh CA, CD bằng 120^o, góc đỉnh d, cạnh dA, db bằng 60^o. **4. Vận dụng, trải nghiệm:** + Để đo góc ta cần dùng dụng cụ nào ? Tên đơn vị đo góc là gì ? - Cho HS đo một, hai góc của khung sắt cửa sổ lớp học - Nhận xét giờ học	 - HS trả lời câu hỏi - HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

TUẦN 4(Bài soạn rất chi tiết, đôi khi rườm rà. Mình chỉ chỉnh sửa chút lỗi căn chỉnh)

Toán (Tiết 16)
LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:
- Củng cố cách nhận biết , cách đọc, viết số đo của góc
- Vận dụng để đo các góc cho trước.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 2, bài 3.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: + Nêu cách đo góc bằng thước đo góc?	 - HS trả lời.
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
+ Bài yêu cầu làm gì?	- Nêu số đo góc theo mẫu.
- GV yêu cầu HS làm cá nhân sau đó thảo luận nhóm đôi.	- HS đại diện nêu miệng. - HS nhóm khác nhận xét bổ sung
+ Làm sao để xem xác định được góc đỉnh C, cạnh CB,CD có số đo góc là 90 độ?	- HS trả lời. (quan sát hình)
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	

Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
+ Bài yêu cầu làm gì? (Dùng thước đo góc để đo góc đỉnh B, cạnh BA, BC.)	
- Yêu cầu HS làm phiếu sau đó đổi chéo.	- HS thực hiện.
- Yêu cầu HS nêu cách làm. (b1: đặt thước đo góc sao cho tâm của thước trùng với đỉnh B của góc, cạnh BC nằm trên đường kính của nửa hình tròn của thước. b2: cạnh BA đi qua một vạch trên nửa đường tròn của thước ta được số đo góc của đỉnh B.)	- HS nêu.
- GV củng cố cách đo góc.	- HS lắng nghe.
- GV khen ngợi HS.	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
+ Bài yêu cầu làm gì? - Dùng thước đo góc để đo góc được tạo bởi hai kim đồng hồ khi đồng hồ chỉ 3 giờ, 4 giờ, 6 giờ, 2 giờ.	
- Yêu cầu HS làm phiếu sau đó thảo luận nhóm 4.	- HS thực hiện.
- Yêu cầu HS nêu cách làm.	- HS nêu(tương tự như bài 2)
- GV củng cố cách đo góc	- HS lắng nghe
- GV cùng HS nhận xét, tuyên dương HS	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
+ Nêu các bước đo góc?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 17)
GÓC NHỌN, GÓC TÙ, GÓC BẸT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- HS được làm quen để nhận biết được góc nhọn, góc tù, góc bẹt.
- Biết sử dụng ê-ke để kiểm tra góc nhọn, góc tù, góc bẹt.
- Giải quyết được một số bài toán, tình huống liên quan đến góc nhọn, góc tù, góc bẹt.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 1.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi: + Tranh vẽ gì? (Tranh vẽ bạn Rô- bốt đang khép cái thước để tạo thành góc nhọn,góc tù, góc bẹt. + Góc vuông và góc không vuông) + Ở lớp 3 các em đã được học những loại góc nào? + Trong toán học, làm thế nào để nhận biết góc nhọn, góc tù, góc bẹt?	- HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ. - HS suy ngẫm.
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Hình thành kiến thức:	
- Bạn Rô- bốt khép cái thước và nói đây là góc nhọn, góc bẹt, góc tù. Vậy góc nhọn, góc bẹt, góc tù tương ứng với góc nào dưới đây (GV bắn MH các góc như sgk)	- HS suy nghĩ cá nhân sau đó TLN4 trả lời.
+ Em hãy quan sát hình và so sánh các góc trên như thế nào với góc vuông? (góc nhọn đỉnh O cạnh OA, OB bé hơn góc vuông; góc tù đỉnh O cạnh OM,ON lớn hơn góc vuông; góc bẹt đỉnh O cạnh OC, OD bằng 2 góc vuông.)	- HS nêu:
- Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 rút ra đặc điểm của góc nhọn, góc bẹt, góc tù (góc nhọn bé hơn góc vuông, góc tù lớn hơn góc vuông, góc bẹt bằng 2 góc vuông.) + Vậy để nhận biết đó là góc nhọn, góc tù hay góc bẹt thì chúng ta làm như thế nào? (dùng êke để kiểm tra.)	
- Như vậy trong số các góc không vuông mà các em được học ở lớp 3, người ta gọi tên là các góc nhọn, góc tù, góc bẹt mà cô vừa giới thiệu với cả lớp mình.	- HS lắng nghe.
- Gv bắn màn hình ghi phần giới thiệu góc nhọn, góc tù, góc bẹt. + Hãy sắp xếp các góc: góc vuông, góc nhọn, góc bẹt, góc tù theo thứ tự góc lớn dần? (Góc nhọn, góc vuông, góc tù, góc bẹt)	- 3 HS nhắc lại. .

+ Vậy góc lớn nhất, góc nhỏ nhất là góc nào? (Góc lớn nhất là góc bẹt,góc nhỏ nhất là góc nhọn.)	
- Yêu cầu HS lấy ví dụ về đồ dùng ngoài thực tế tương ứng với các góc trên.	- Nối tiếp HS nêu:
+ Em hãy nêu lại đặc điểm của góc nhọn, góc tù, góc bẹt?	- 2-3 HS nêu.
- GV tuyên dương, khen ngợi HS.	
3. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
+ Bài yêu cầu làm gì? (Tìm các góc nhọn, góc tù, góc bẹt trong các góc sau.)	
- GV phát phiếu, yêu cầu HS ghi tên góc ở dưới hình như trong sgk.	- HS thực hiện.
- Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.	- HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp.
- GV hỏi: Tại sao góc MON là góc nhọn? (vì e kiểm tra bằng êke thấy góc MON bé hơn góc vuông của êke nên góc MON là góc nhọn a.) + Vậy để biết góc đó là góc nhọn, góc tù hay góc bẹt em làm như thế nào? (dùng êke để kiểm tra.)	- HS trả lời: - HS trả lời
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
+ Bài yêu cầu làm gì? (Tìm hình lưỡi kéo là góc tù, góc nhọn.)	
- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân sau đó thảo luận nhóm đôi trả lời.	- HS nêu.
+ Vì sao em xác định kéo màu xanh có lưỡi kéo là góc nhọn?	- HS nêu.
+ Vì sao em xác định kéo màu đỏ có lưỡi kéo là góc tù?	- HS nêu.
- Các em ạ! Trong toán học để kiểm tra các góc: góc nhọn, góc tù, góc bẹt ta phải dùng ê-ke. Song nhiều khi cũng có thể bằng trực giác của mình chúng ta cũng phân biệt được các loại góc trên đúng không nào.	- HS lắng nghe.
- GV khen ngợi HS	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.

+ Bài yêu cầu làm gì? (Tìm miếng bánh của bạn An đã chọn trong các miếng bánh)	-
- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân sau đó thảo luận nhóm đôi trả lời.	- HS nêu
+ Em hãy nêu tên góc của miếng bánh thứ nhất? Thứ hai? Thứ ba?	- HS nêu
+ Vì sao em chọn miếng bánh thứ hai là miếng bánh của bạn An đã chọn? (vì miếng bánh của An chọn không phải là miếng bánh bé nhất nên miếng bánh thứ nhất là góc nhọn nên bạn An không chọn. Vì miếng bánh thứ ba là góc bẹt nên bạn An không chọn. Vậy miếng bánh thứ 2 là miếng bánh còn lại nên bạn An chọn a.)	- HS nêu:
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
+ Nêu đặc điểm nhận biết góc nhọn, góc tù, góc bẹt?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 18)

LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Củng cố cách nhận biết góc tù, góc vuông, góc nhọn và góc bẹt.
- Làm quen với các tình huống nhận biết góc tù, góc vuông, góc nhọn và góc bẹt trong thực tế.
- Ôn tập về số đo và đo góc bằng thước đo góc.
- Củng cố nhận diện góc: góc nhọn, góc tù và góc bẹt qua hình ảnh thực tế là góc tạo bởi kim giờ và kim phút ở những thời điểm khác nhau.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 2, bài 3.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: + Nêu các góc em đã học?	- HS trả lời.

- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
+ Bài yêu cầu gì?	- HS nêu
- GV yêu cầu HS làm cá nhân sau đó thảo luận nhóm đôi.	- HS đại diện nêu miệng. - HS nhóm khác nhận xét bổ sung
+ Làm sao để xác định được các góc?	- HS trả lời. (quan sát hình)
+ UVX có phải 1 góc không? Vì sao?	- HS trả lời.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
+ Bài yêu cầu làm gì?	- HS nêu yêu cầu.
- Yêu cầu HS làm phiếu sau đó đổi chéo, thảo luận, kiểm tra trong nhóm 2	- HS thực hiện.
- Yêu cầu HS nêu cách làm. (B1: Tìm góc tù, xác định đường đi của nhện. B2: Dùng thước đo các góc đỉnh O, cạnh OM, ON)	- HS nêu.
- GV củng cố cách đo góc.	- HS lắng nghe.
- GV chốt đáp án: a) Đường màu xanh. b) 120^o	- HS lắng nghe.
- GV khen ngợi HS.	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Yêu cầu HS làm phiếu sau đó thảo luận nhóm 4.	- HS thực hiện.
- Yêu cầu HS nêu cách làm câu a.	- HS nêu (tương tự như bài 2)
Câu b: GV gọi 1 số HS lên bảng nêu câu trả lời, đồng thời sử dụng mặt đồng hồ có kim giờ, kim phút để minh hoạ cho câu trả lời.	- Các HS khác lắng nghe, nhận xét
- GV củng cố cách nhận diện góc tạo bởi kim đồng hồ	- HS lắng nghe
- GV cùng HS nhận xét, tuyên dương HS	
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân sau đó thảo luận nhóm 4.	- HS thực hiện.
- Yêu cầu HS nêu cách làm.	- HS nêu
+ Tại sao nan xe A không phải nan xe mà con mọt đang gặm?	- HS nêu
- Mời nhóm khác nhận xét, bổ sung	- Nhóm khác nhận xét
- GV củng cố cách nhận diện góc tạo bởi các	- HS lắng nghe

nan xe bằng gỗ	
- GV cùng HS nhận xét, tuyên dương HS	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
+ Nêu các bước đo góc?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 19)

LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Ôn tập, củng cố cách nhận biết góc nhọn, góc vuông, góc tù và góc bẹt.
- Giới thiệu các tình huống nhận biết góc tù, góc vuông, góc nhọn và góc bẹt trong thực tế.
- Ôn tập về số đo và đo góc bằng thước đo góc.
- Ôn tập về biểu đồ tranh trong Thống kê và Xác suất.
- Củng cố nhận diện góc: góc nhọn, góc tù và góc bẹt qua hình ảnh thực tế là góc tạo bởi kim giờ và kim phút ở những thời điểm khác nhau.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 2, bài 3.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV tổ chức trò chơi để tìm các góc...	 - HS tham gia trò chơi.
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
+ Bài yêu cầu gì?	- HS nêu
- GV yêu cầu HS lên nhận diện kiểu góc cho góc tạo bởi một số chiếc quạt trong hình. HS ở dưới quan sát, lắng nghe, nhận xét, bổ sung. - HS làm cá nhân sau đó thảo luận nhóm đôi. - Mời các nhóm báo cáo kết quả	- HS đại diện lên nhận diện kiểu góc - HS dưới lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét - HS các nhóm đại diện nêu miệng. - HS nhóm khác nhận xét bổ sung

+ Làm sao để xác định được bạn Nga đếm nhầm cột nào?	- HS trả lời. (quan sát hình)
+ Bài tập củng cố kiến thứuc nào đã học?	- HS trả lời.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Yêu cầu HS làm phiếu sau đó đổi chéo, thảo luận, kiểm tra trong nhóm 2	- HS thực hiện.
- Yêu cầu HS nêu kết quả và cách làm. + Hình bên có mấy góc nhọn, góc vuông, góc tù?(Có 4 góc nhọn, 2 góc vuông, 1 góc tù) + Làm cách nào em biết được? + Hình có góc bẹt không? Chỉ và nêu rõ? (2 góc bẹt : cùng đỉnh H, cạnh HB, HC, gồm 1 góc ở trên, một góc ở dưới)	- HS nêu. - HS nêu - HS nêu:
- GV củng cố cách đo góc.	- HS lắng nghe.
- GV chốt đáp án: Có 4 góc nhọn, 2 góc vuông, 1 góc tù	- HS lắng nghe.
- GV khen ngợi HS.	
Bài 3: Trò chơi Giải cứu khủng long - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- GV hướng dẫn cách chơi, luật chơi	- HS quan sát, lắng nghe
- GV tổ chức trò chơi cho HS tham gia	- HS tham gia chơi
- GV đánh giá, nhận xét, tổng kết trò chơi	- HS lắng nghe
- GV cùng HS nhận xét, tuyên dương HS	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
+ Tiết học hôm nay e được củng cố những kiến thức gì?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 20)
LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Củng cố sử dụng đơn vị đo góc.
- Củng cố nhận biết góc nhọn, góc vuông, góc tù và góc bẹt.
- Vận dụng giải được các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến đơn vị đo góc và nhận biết góc nhọn, góc vuông, góc tù và góc bẹt.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác, năng lực sử dụng công cụ toán học, năng lực thẩm mĩ.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài tập, ê-ke lớn.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: + Lên bảng thực hiện thao tác đo và kiểm tra 1 số góc?	- HS lên bảng thực hiện và trả lời.
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
+ Bài yêu cầu gì?	- HS nêu
- GV yêu cầu HS làm cá nhân sau đó thảo luận nhóm đôi.	- HS các nhóm đại diện nêu miệng. - HS nhóm khác nhận xét bổ sung
+ Nêu kết quả đo em vừa thực hiện được? + Trong các góc em vừa đo, góc bẹt có số đo bao nhiêu độ? + Góc nhọn có số đo bao nhiêu độ? + Số đo góc tù là bao nhiêu độ?	- HS trả lời. (quan sát hình)
- GV nhận xét, chốt KT: Góc nhọn có số đo góc nhỏ hơn 90^o, góc vuông có số đo góc bằng 90^o, góc tù có số đo góc lớn hơn 90^o và góc bẹt có số đo góc bằng 180^o.	- HS lắng nghe
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
? Bài yêu cầu làm gì?	- HS nêu yêu cầu.
- Yêu cầu HS làm cá nhân sau đó tìm cặp góc bằng nhau trong số các góc vừa đo, thảo luận, kiểm tra trong nhóm 2	- HS thực hiện.
- Yêu cầu HS nêu cách làm.	- HS nêu.
+ Vì sao em cho rằng góc phần c có số đo góc bằng với góc phần d?	- HS giải thích cách làm
+ Ngoài các góc bài hỏi, em còn tìm được góc nào khác cũng có số đo bằng nhau không?	- HS nêu
- GV chốt đáp án (đưa lên màn hình PP)	- HS quan sát, lắng nghe.
- GV khen ngợi HS.	

Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
+ Bài cho biết gì và yêu cầu làm gì?	- HS nêu yêu cầu
- Yêu cầu HS làm phiếu sau đó thảo luận nhóm 4.	- HS thực hiện.
- Yêu cầu HS nêu cách làm	- HS nêu (tương tự như bài 2)
+ Tìm số đo góc đỉnh O, cạnh OM, OP trong đáp án vừa tìm được?	- HS nêu
+ Bài tập củng cố và cho em biết thêm điều gì?	- HS nêu
- GV cùng HS nhận xét, tuyên dương HS	- HS lắng nghe
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
+ Bài yêu cầu gì?	- HS nêu yêu cầu
- Yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân sau đó thảo luận nhóm 4.	- HS thực hiện.
- Yêu cầu HS nêu theo trò chơi Bắn tên	- HS nêu: góc bẳng, góc ghế, góc vở, hoa văn trên vải, cánh quạt, miếng bánh, niếng dưa hấu,...
- Mời nhóm khác nhận xét, bổ sung	- Nhóm khác nhận xét
- GV củng cố cách nhận diện góc trong thực tế	- HS lắng nghe
- GV cùng HS nhận xét, tuyên dương HS	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
+ Bài học hôm nay củng cố cho em kiến thứuc gì?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán

Tiết 21: SỐ 1 000 000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết, hiểu về cấu tạo, cách viết, cách đọc, nhận biết được vị trí trên tia số của số 1 000 000.

- Luyện tập, củng cố cách đọc, cách viết số, cấu tạo số trong phạm vi 1 000 000.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: * Khởi động: Trò chơi "Chuyền thư" - Yêu cầu trong thư: Nêu số dân của thành phố/ tỉnh em - GV nhận xét, khen HS	- HS hát và chuyền thư - HS trả lời
- GV giới thiệu - ghi bài	
2. Hình thành kiến thức:	
* Khám phá: - GV yêu cầu HS quan sát khối mà Nam đang cầm và cho biết số lượng khối lập phương nhỏ được dùng để tạo lên khối đó.	- HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ. - Khối của Nam gồm 1 000 khối lập phương nhỏ
- Hãy đọc lời thoại của Mai và cho biết khối mà Mai đang nói tới gồm bao nhiêu khối lập phương nhỏ?	- Khối của Mai gồm 100 000 khối lập phương nhỏ
- Khối của Rô -bốt gồm bao nhiêu khối như của Mai?	- Khối của Rô-bốt được ghép từ 10 khối như của Mai
- GV giới thiệu số một triệu, cách đọc và cách viết.	- HS theo dõi.
- GV giới thiệu vị trí của số 1 000 000 trên tia số.	- HS theo dõi.
- Số liền sau số 999 999 là số nào?	- số 1 000 000
- Số liền trước số 1 000 000 là số nào?	- số 999 999
3. Luyện tập thực hành	
Bài 1: - Hãy đọc yêu cầu và nêu yêu cầu của bài	- HS đọc và nêu: Viết các số tròn trăm nghìn trên tia số theo đúng và vị trí.
- GV yêu cầu HS viết các số tương ứng vào vở	- HS thực hiện a) 100 000, 200 000, 300 000,

	400 000, 500 000, 600 000. b) 600 000, 700 000, 800 000, 900 000, 1 000 000.
- Yêu cầu HS đọc tất cả các số tròn trăm nghìn đã học	- HS đọc
- Em làm thế nào để xác định được số ở dấu hỏi chấm?	- HS trả lời. (xác định các số tròn trăm nghìn liên tiếp)
Bài 2: - Bài yêu cầu làm gì?	- Viết các số tương ứng với cách đọc.
- Yêu cầu HS làm vào vở sau đó đổi chéo.	- HS thực hiện cá nhân và soát bài theo nhóm đôi..
- GV chia lớp thành vài nhóm để chơi trò chơi "Tiếp sức". Các thành viên của mỗi nhóm lần lượt lên bảng viết các số tương úng với số mà GV đọc. Đội nào viết nhanh nhất, đúng nhất ở mỗi lượt thì được điểm. Sau một vài lượt chơi, nhóm nào có điểm cao nhất là nhóm chiến thắng. (GV chọn các số có cách đọc đặc biệt để đọc cho HS trong trò chơi).	- HS tham gia chơi
- GV khen ngợi HS nắm được cách đọc, viết các số trong phạm vi 1 000 000..	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Số có 6 chữ số gồm những hàng nào? - Nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán

Tiết 22: LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Luyện tập, củng cố cách đọc, cách viết số, cấu tạo số trong phạm vi 1 000 000.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: * Khởi động:	- HS hát và vận động theo nhạc
- GV giới thiệu - ghi bài	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Bài yêu cầu làm gì?	- Viết các số thành tổng của các số tròn trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị
- Yêu cầu HS làm vào vở sau đó đổi chéo.	- HS thực hiện. 882 936 = 800 000 + 80 000 + 2 000 + 900 + 30 + 6. …
- Em làm thế nào để xác định được số ở dấu hỏi chấm?	- HS trả lời. (phân tích các số thành các hàng trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị)
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Bài yêu cầu làm gì?	- HS đọc và nêu yêu cầu (Quan sát hình, đọc số ở vị trí mũi tên; dự đoán tình huống có thể xảy ra khi quay vòng quay).
- Yêu cầu HS nêu câu trả lời (mỗi HS trả lời một đáp án chưa được nhắc tới).	- HS nêu câu trả lời + Số ở mũi tên là 165 500 Các sự kiện có thể xảy ra là: + Mũi tên chỉ vào số 750 000. + Mũi tên chỉ vào số 165 500. …
- GV củng cố về cách đọc số trong phạm vi 1 000 000, đồng thời kết hợp ôn tập *về* xác suất thống kê.	- HS lắng nghe.

- GV khen ngợi HS.	
Bài 3: - Hãy đọc yêu cầu và nêu yêu cầu của bài	- HS đọc và nêu: Lập 5 số chẵn có 5 chữ số và 5 số lẻ có 6 chữ số theo các thẻ số đã cho.
- GV yêu cầu làm việc theo cặp, thực hiện yêu cầu bài.	- HS thảo luận theo cặp. Ví dụ:a) 375 004, 370 504,370 054, 300 754, 307 054. b) 300 475, 304 075, 340 075, 430 075, 403 075.
- Các số em lập có mấy chữ số?	- Số có 6 chữ số
- Dựa vào đâu em lập được các số chẵn, các số lẻ?	- HS trả lời. (chữ số tận cùng là 0, 4 → số chẵn; chữ số tận cùng là 3, 5, 7 → số lẻ)
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Số có 6 chữ số gồm những hàng nào? - Nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán

BÀI 11 : HÀNG VÀ LỚP (3 tiết)

Tiết 23: Lớp đơn vị, lớp nghìn

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được lớp triệu, lớp nghìn, lớp đơn vị.
- Nhận biết được các hàng tương ứng trong mỗi lớp.
- Nhận biết được, viết được, đọc được các số tròn chục triệu, tròn trăm triệu

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: *** Khởi động: Trò chơi "Chuyền Thư"** - Yêu cầu trong thư: Phân tích số 968 259 thành tổng của các số tròn trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị	- HS hát tập thể và chuyền thư - HS phân tích
- GV cùng HS nhận xét	
- GV giới thiệu - ghi bài	
2. Hình thành kiến thức: - GV cho HS quan sát mô hình đơn giản như trong phần khám phá và hỏi: số đã cho gồm mấy trăm nghìn?, chữ số 4 trong số đã cho có giá trị bằng bao nhiêu đơn vị?,...	- HS nêu
- GV giới thiệu tên gọi của các hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn,... - Kết luận về lớp đơn vị và lớp nghìn.	- HS theo dõi.
- Yêu cầu HS nêu lại tên gọi của các hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn,...	- HS nêu theo dãy
3. Hoạt động thực hành:	
Bài 1: - Bài yêu cầu gì?	- HS đọc và nêu yêu cầu: Hoàn thành bảng ghi cách đọc, viết số
- GV yêu cầu HS làm vào vở và chia sẻ nhóm đôi, gọi đại diện nhóm báo cáo kết quả.	- HS thực hiện.
- GV hỏi củng cố kiến thức về hàng, lớp: + Số 377 931 có chữ số hàng chục nghìn là chữ số nào? + Số gồm 9 chục nghìn, 2 nghìn, 3 trăm, 4 chục và 0 đơn vị là số nào?	- HS nêu + Chữ số 3 + Số 92 340
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Hãy đọc và nêu yêu cầu của bài.	- HS đọc và nêu yêu cầu: Đọc các số và cho biết chữ số 3 ở mỗi số thuộc hàng nào, lớp nào.
- GV yêu cầu HS viết cách đọc của mỗi số tương ứng vào vở và ghi hàng, lớp tương ứng của chữ số 3, sau đó đọc trong nhóm đôi. - Gọi đại diện nhóm báo cáo kết quả.	- HS thực hiện cá nhân - nhóm đôi - lớp Ví dụ: Một trăm bảy mươi hai

	nghìn chín trâm ba mươi tám. chữ số 3 thuộc hàng chục, lớp đơn vị.
- GV nhận xét chung, khen ngợi HS.	
Bài 3: - Bài yêu cầu gì?	- HS đọc và nêu yêu cầu: Tìm giá trị theo vị trí của chữ số được gạch chân ở mỗi số.
- Gọi HS nêu cách làm.	- Xác định chữ số gạch chân ở hàng nào để biết giá trị của nó.
- Yêu cầu HS điền số và soát bài theo nhóm đôi. - Gọi đại diện nhóm báo cáo kết quả.	- HS thực hiện cá nhân - nhóm đôi - lớp
- GV cùng HS nhận xét.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Dựa vào đâu để em biết giá trị của chữ số trong 1 số?	- Dựa vào vị trí của chữ số trong số đó thuộc hàng nào, lớp nào.
- Em xem thông tin trên mạng về giá tiền của một chiếc xe máy và đọc số tiền đó.	- HS thực hiện
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán

Tiết 24: TRIỆU VÀ LỚP TRIỆU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

HS nhận biết, đọc và viết số tròn chục triệu, trăm triệu. HS nhận biết được lớp triệu và các hàng tương ứng.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: *** Khởi động:**	- HS hát và vận động theo nhạc
- GV giới thiệu bài - ghi tên bài	
2. Khám phá và hình thành kiến thức: - GV yêu cầu HS quan sát tranh phần khám phá, nêu dân số của Hy Lạp và Việt Nam năm 2022.	- HS thảo luận nhóm đôi, đại diện chia sẻ. + Năm 2022, dân số của Hy Lạp là khoảng mười triệu người và dân số của Việt Nam là khoảng một trăm triệu người.
- Em hiểu "Mười triệu", "một trăm triệu" có nghĩa là gì?	- HS nêu theo ý hiểu của mình.
- GV nhận xét, tổng kết bằng cách dẫn về số đã biết: Mười lần một triệu thì chúng ta có mười triệu. Mười lần mười triệu như vậy chúng ta sẽ có một trăm triệu (hoặc một trăm lần một triệu như vậy thi chúng ta có một trăm triệu).	- HS theo dõi
- GV giới thiệu cách viết số 10 000 000 và 100 000 000 và cách đọc. + Mười triệu hay Một chục triệu viết là 10 000 000 + Một trăm triệu viết là 100 000 000	- HS đọc lại
- GV đưa ra một số các số tròn chục triệu, trăm triệu để HS đọc. (VD: 30 000 000, 40 000 000, 500 000 000, 14 000 000, 743 000 000,...)	- HS đọc
* GV giới thiệu về lớp triệu và các hàng tương ứng	
- GV cho HS quan sát mô hình đơn giản như trong phần khám phá và hỏi: số đã cho gồm mấy triệu, chục triệu, trăm triệu?	- HS nêu
- GV giới thiệu tên gọi của các hàng triệu, chục triệu, trăm triệu - Kết luận về lớp triệu.	- HS theo dõi.
- Yêu cầu HS lấy ví dụ số có 9 chữ số và nêu	- HS viết ví dụ số có 9 chữ số ra

lại tên gọi của các hàng triệu, chục triệu, trăm triệu	nháp và nêu lại tên gọi của các hàng triệu, chục triệu, trăm triệu
3. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Bài yêu cầu làm gì?	- HS đọc và nêu yêu cầu: Đọc giá tiền các đồ vật trong hình
- GV yêu cầu HS ghi cách đọc vào vở và chia sẻ nhóm đôi, gọi đại diện nhóm báo cáo kết quả.	- HS thực hiện cá nhân - nhóm đôi - lớp.
- Em hãy nêu nhận xét về giá tiền các đồ vật trong hình	- … là các số tròn triệu, chục triệu, trăm triệu
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương HS.	
Bài 2: - Hãy đọc và nêu yêu cầu của bài.	- HS đọc và nêu: Điền số còn thiếu theo các bậc thứ tự.
- GV yêu cầu HS viết hai dãy số tương ứng vào vở. (Ví dụ: 1 000 000,2 000 000,3 000 000,...) - GV soi bài, cho HS nhận xét, chia sẻ	- HS thực hiện viết vào vở . - HS nhận xét, chia sẻ
- Em hãy nêu nhận xét về các số em vừa ghi	- … là các số tròn triệu và các số tròn trăm triệu
- GV khen ngợi HS.	
Bài 3: - Bài yêu cầu làm gì?	- Xác định chữ số 2 ở mỗi số thuộc hàng nào? lớp nào?
- GV yêu cầu HS làm vào vở và chia sẻ nhóm đôi, gọi đại diện nhóm báo cáo kết quả.	- HS thực hiện cá nhân - nhóm đôi - lớp.
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Em xem thông tin trên mạng về giá tiền của một số loại ti vi, xe máy, ô tô và đọc số tiền đó.	- HS thực hiện
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán

Tiết 25: LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- HS luyện tập, củng cố về hàng và lớp.

- HS củng cố về cách đọc, cách viết các số tròn chục triệu, tròn trăm triệu.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.

- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: *** Khởi động:**	- HS hát và vận động theo nhạc
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Bài yêu cầu làm gì?	- Đọc các số và cho biết chữ số 8 ở mỗi số thuộc hàng nào, lớp nào.
- GV yêu cầu HS làm vào vở và chia sẻ nhóm đôi, gọi đại diện nhóm báo cáo kết quả.	- HS thực hiện cá nhân - nhóm đôi - lớp.
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương HS.	
Bài 2: - Hãy đọc và nêu yêu cầu của bài.	- Chọn câu trả lời đúng
- GV yêu cầu HS suy nghĩ và ghi đáp án ra bảng con	- HS thực hiện vào bảng con - Nhận xét, chia sẻ
- Em hãy nêu cách làm	- Dùng phương pháp loại trừ để tìm được đáp án chính xác.
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.	
Bài 3: - Bài yêu cầu làm gì?	- Viết các số tương ứng với cách đọc

- GV yêu cầu HS làm vào vở và chia sẻ nhóm đôi, gọi đại diện nhóm báo cáo kết quả.	- HS thực hiện cá nhân - nhóm đôi - lớp.
- Em hãy nêu nhận xét về các số em vừa ghi	- … là các số tròn triệu và các số tròn trăm triệu
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương.	
Bài 4: - Hãy đọc và nêu yêu cầu của bài.	- Tính giá tiền của mỗi giỏ hàng
- GV yêu cầu HS làm vào vở và chia sẻ nhóm đôi, gọi đại diện nhóm báo cáo kết quả.	- HS thực hiện cá nhân - nhóm đôi - lớp. Giỏ A: 32 000 đồng, giỏ B: 704 000 đồng, giỏ C: 1 000 000 đồng.
- GV hỏi: 5 hộp quà và 3 bông hoa có giá bao nhiêu tiền?	- HS nêu
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương.	
Bài 5: - Bài yêu cầu làm gì?	- Lập số chẵn có 6 chữ số theo điều kiện đã cho
- GV yêu cầu HS làm vào vở và chia sẻ nhóm đôi, gọi đại diện nhóm báo cáo kết quả.	- HS thực hiện cá nhân - nhóm đôi - lớp. - Kết quả: 300 118.
- Số có 6 chữ số gồm những hàng nào? - Nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn?	- HS nêu
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Em hãy tính số tiền khi đi mua hàng: 5 lon nước ngọt, 12 bông hoa, 1 hộp quà (giá tiền như ở bài 4)	- HS thực hiện
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

TUẦN 6

Toán (Tiết 26)

BÀI 11: HÀNG VÀ LỚP (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết, đọc và viết số tròn chục triệu, trăm triệu
- Nhận biết được lớp triệu và các hàng tương ứng

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm. Yêu thích môn học

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 2.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi: + Tranh vẽ gì? Tranh vẽ các bạn đang nói chuyện với nhau + Các bạn nói chuyện gì với nhau? Các bạn đang nói về dân số của Huy Lạp và Việt Nam năm 2022 + Vậy "Mười triệu, một trăm triệu có nghĩa là gì?	- HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ. - HS suy ngẫm, chia sẻ.
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Hình thành kiến thức:	
- GV hỏi: Theo em thế nào là số tròn chục triệu, trăm triệu. GV hướng dẫn cách viết, đọc các số	- HS trả lời. - HS lắng nghe, quan sát.
- Yêu cầu HS lấy ví dụ các số tròn chục triệu, trăm triệu.	- HS suy nghĩ và chia sẻ với bạn, trước lớp. (VD: 40 000 000; 500 000 000; 14 000 000; 743 000 000)
- Từ ví dụ của HS, GV giới thiệu về lớp triệu và các hàng tương ứng.	- HS lắng nghe.
3. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- HS nêu yêu cầu: Đọc giá tiền mỗi đồ vật.
- GV quan sát, hỗ trợ HS nếu cần	- HS quan sát tranh tự đọc thầm

	rồi đọc với bạn bên cạnh.
	- HS chia sẻ trước lớp.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Điền số
- GV phát phiếu bài tập 2.	- HS nhận phiếu suy nghĩ cá nhân để làm.
	- HS chia sẻ với bạn theo nhóm cộng tác.
- GV mời HS trình bày	- 2-3 HS trả lời
	- HS chia sẻ. (Vì sao bạn điền được các số như vậy)
- GV khen ngợi HS.	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Chữ số 2 trong mỗi số thuộc hàng nào, lớp nào?
- Yêu cầu HS làm bài vào vở	- HS làm bài cá nhân sau đó đổi bài chia sẻ bài với bạn.
- Yêu cầu HS báo cáo kết quả.	- 1-2 HS trình bày - HS khác chia sẻ.
- GV tuyên dương, động viên HS làm tốt.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Bài tập vận dụng: HS tự lập các số tròn chục triệu, trăm triệu và đọc số.	- HS thực hiện
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 27)

BÀI 11: HÀNG VÀ LỚP (T3)

LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Luyện tập, củng cố về hàng và lớp.
- Củng cố cách đọc, viết các số tròn chục triệu, trăm triệu.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 2.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Truyền điện" lập các số tròn chục triệu, trăm triệu	- HS chơi trò chơi. - HS chia sẻ sau khi chơi trò chơi.
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- 1-2 HS trả lời.
- GV yêu cầu HS làm bài vào vở - GV quan sát, giúp đỡ HS nếu cần	- HS làm bài cá nhân vào vở
	- HS chia sẻ bài theo nhóm cộng tác. - HS chia sẻ bài trước lớp.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- 1-2 HS đọc yêu cầu
- Yêu cầu HS làm phiếu sau đó đổi chéo.	- HS làm bài cá nhân vào phiếu rồi chia sẻ với bạn. Đáp án: D
- GV khen ngợi HS.	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Điền số vào dấu hỏi chấm
- GV yêu cầu HS làm vở.	- HS viết số tương ứng vào vở. - HS đổi vở với bạn.
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Tìm giá tiện của mỗi giỏ quà.

- GV yêu cầu làm việc theo nhóm, thực hiện yêu cầu bài.	- HS tự suy nghĩ, thảo luận theo nhóm thực hiện yêu cầu của bài. + Giỏ A: 32 000 đồng Giỏ B: 704 000 đồng Giỏ C: 1 000 000 đồng
- GV mời HS trình bày	- 2-3 HS trình bày - HS chia sẻ: Bạn làm thế nào để tìm ra được giá tiền của mỗi giỏ?
- GV đánh giá và tuyên dương.	
Bài 5: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Lập các số chẵn có 6 chữ số thỏa mãn các điều kiện + Lớp nghìn gồm các chữ số: 0;0;3 + Lớp đơn vị gồm các chữ số: 8;1;1
- GV hỏi: Số chẵn là số như thế nào?	- HS chia sẻ
	- HS tự suy nghĩ hoàn thiện bài vào vở.
	- HS chia sẻ trước lớp: Số cần tìm là: 300 118
GV chia sẻ, tuyên dương HS	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Yêu cầu HS chia sẻ lại nội dung bài học.	- HS chia sẻ.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 28)

Bài 12: CÁC SỐ TRONG PHẠM VI LỚP TRIỆU (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết cách đọc, cách viết, cấu tạo số của các số trong phạm vi lớp triệu.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bảng phụ
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi: + Tranh vẽ gì? Tranh vẽ các bạn đang nói chuyện với nhau + Các bạn nói chuyện gì với nhau? Các bạn đang nói về khoảng cách giữa Trái Đất và Mặt Trăng khoảng 149 597 876 km	 - HS quan sát - HS nói với bạn bên cạnh.
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Hình thành kiến thức:	
- GV yêu cầu HS đọc lại số: 149 597 876 km	- 2-3 HS đọc
- GV hỏi: Số trên gồm mấy trăm triệu? Số đó có chữ số hàng triệu là chữ số nào?	- HS suy nghĩ, trả lời - HS khác chia sẻ.
- GV kết luận	- HS lắng nghe
- GV yêu cầu HS tự lấy thêm ví dụ và phân tích số.	- HS tự lấy ví dụ sau đó chia sẻ, phân tích số theo nhóm bàn.
b. GV giới thiệu số 1 000 000 000 trên tia số	- HS quan sát, lắng nghe
- GV kết luận: 1 000 000 000 đọc là 1 tỉ	- 2-3 HS nhắc lại
- Y/c HS tự lấy ví dụ	- HS tự lấy ví dụ và đọc theo nhóm cộng tác.
3. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- HS nêu yêu cầu: Đọc số dân của mỗi nước.
- GV quan sát, hỗ trợ HS nếu cần	- HS quan sát tranh tự đọc thầm rồi đọc cho bạn bên cạnh nghe.
- GV mời HS đọc số.	- 2-3 HS đọc trước lớp - HS khác chia sẻ.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Viết các số sau thành tổng
- Y/c HS làm vở. GV quan sát, hỗ trợ nếu cần	- HS suy nghĩ cá nhân làm bài vào vở; 2 HS làm bảng phụ.

	- HS chia sẻ bài làm của bạn.
- GV khen ngợi HS.	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Chữ số được gạch chân trong mỗi số thuộc hàng nào, lớp nào?
- Yêu cầu HS làm bài vào vở	- HS làm bài cá nhân sau đó đổi bài chia sẻ bài với bạn.
- Yêu cầu HS báo cáo kết quả.	- 1-2 HS trình bày - HS khác chia sẻ.
- GV tuyên dương, động viên HS làm tốt.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Y/c HS nhắc lại nội dung bài học	- HS chia sẻ những điều đã học được sau tiết học.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 29)

LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- HS củng cố cách đọc, cách viết số trong phạm vi lớp triệu.
- Củng cố kiến thức về hàng và lớp cũng như cấu tạo của các số trong phạm vi lớp triệu.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 2.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Đố bạn"	 - HS chơi trò chơi.
- GV giới thiệu - ghi bài.	

2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- 1-2 HS trả lời.
- GV yêu cầu HS làm bài - GV quan sát, giúp đỡ HS nếu cần	- HS suy nghĩ làm cá nhân rồi chia sẻ bài theo nhóm cộng tác.
	- HS chia sẻ bài trước lớp. a. Đ b. S c. Đ d. S
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- 1-2 HS đọc yêu cầu
- Yêu cầu HS làm phiếu sau đó đổi chéo.	- HS làm bài cá nhân vào phiếu rồi chia sẻ với bạn.
- GV khen ngợi HS.	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- 1-2 HS trả lời
- GV yêu cầu HS làm bài - GV quan sát, giúp đỡ HS nếu cần	- HS suy nghĩ tự làm bài rồi chia sẻ theo nhóm
	- HS viết lại 2 số ban đầu vào vở: 17 483 226 và 75 175 000
- GV khen ngợi HS.	
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- 1-2 HS nêu
- GV yêu cầu làm việc theo nhóm, thực hiện yêu cầu bài.	- HS tự suy nghĩ, thảo luận theo nhóm thực hiện yêu cầu của bài.
- GV mời HS trình bày	- 2-3 HS trình bày - HS khác chia sẻ
- GV đánh giá và tuyên dương.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Yêu cầu HS chia sẻ lại nội dung bài học.	- HS chia sẻ.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Toán (Tiết 30)

LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- HS củng cố cách đọc, cách viết số trong phạm vi lớp triệu.
- Củng cố kiến thức về hàng và lớp cũng như cấu tạo của các số trong phạm vi lớp triệu.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 2.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Đố bạn"	- HS chơi trò chơi.
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- 1-2 HS trả lời.
- GV yêu cầu HS làm bài - GV quan sát, giúp đỡ HS nếu cần	- HS suy nghĩ làm cá nhân vào vở.
- GV mời HS trình bày bài	- 2-3 HS trình bày - HS chia sẻ.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- 1-2 HS đọc yêu cầu
- Yêu cầu HS làm vở sau đó đổi chéo.	- HS làm bài cá nhân vào vở rồi chia sẻ với bạn.
- GV khen ngợi HS.	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- 1-2 HS trả lời
- GV yêu cầu HS làm bài - GV quan sát, giúp đỡ HS nếu cần	- HS suy nghĩ tự làm bài rồi chia sẻ theo nhóm
	- HS viết lại số vào vở: D. 537 991 833
- GV khen ngợi HS.	

Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- 1-2 HS nêu
- GV yêu cầu làm việc theo nhóm, thực hiện yêu cầu bài.	- HS tự suy nghĩ, thảo luận theo nhóm thực hiện yêu cầu của bài.
- GV mời HS trình bày	- 2-3 HS trình bày - HS khác chia sẻ (Tại sao bạn lại sắp xếp như vậy?)
- GV đánh giá và tuyên dương.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Yêu cầu HS chia sẻ lại nội dung bài học.	- HS chia sẻ.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Toán (Tiết 31)

Bài 13: LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG TRĂM NGHÌN (1 Tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết làm tròn số và làm tròn được số đến hàng trăm nghìn.
- Vận dụng được làm tròn số và một số tình huống thực tế đơn giản.

* Năng lực chung: Năng lực ước lượng thông qua các bài toán ước lượng số.

- Năng lực giải quyết vấn đề khi áp dụng yêu cầu làm tròn số vào các bài toán thực tế.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, ti vi, Bộ đồ dùng học Toán 4, Phiếu bài tập.

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV cho HS thực hiện yêu cầu sau: + Viết số: Mười lăm triệu không trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi	 - HS thực hiện.

tám. + Số 15 035 478 có hàng trăm nghìn là chữ số nào ? + Số 15 035 478 gồm có mấy lớp ? Là những lớp nào ? - GV nhận xét, giới thiệu bài. **2. Hình thành kiến thức:**	- HS thực hiện.
- GV mời HS đọc thông tin trong SGK trang 45. - GV giới thiệu tia số, yêu cầu HS đọc.	- HS đọc thông tin, quan sát tranh trong SGK. - HS theo dõi.
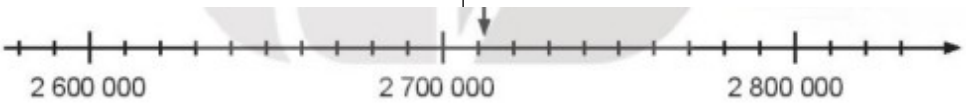	
- GV hỏi: Trên tia số, số 2 712 615 gần số 2 700 000 hơn hay gần số 2 800 000 hơn? - GV nhận xét, kết luận: *Vậy khi làm tròn số 2 712 615 đến hàng trăm nghìn thì được số 2 700 000.* - GV đưa ra thêm một số ví dụ để yêu cầu HS ước lượng vị trí của số đã cho trên tia số, từ đó làm tròn số đến hàng trăm nghìn dựa vào tia số. - GV kết luận: *Khi làm tròn số đến hàng trăm nghìn, ta so sánh chữ số hàng chục nghìn với 5. Nếu chữ số đó bé hơn 5 thì ta làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.* **3. Luyện tập thực hành**	- HS phát biểu. - HS nối tiếp nhắc lại.
Bài 1: Làm việc nhóm đôi. - GV mời HS đọc yêu cầu. + Bài tập yêu cầu gì ? - Yêu cầu HS làm bài theo cặp.	- HS đọc yêu cầu, quan sát tranh minh họa. - HS phát biểu. - HS làm bài theo nhóm đôi, trao đổi kết quả. - HS thực hiện.

	*Kết quả: - Xe máy: 18 500 000 đồng - Xe đạp: 2 100 000 đồng - Điện thoại: 2 900 000 đồng
- Yêu cầu HS nêu cách làm.	- HS thực hiện chia sẻ.
+ Muốn làm tròn số đến hàng trăm nghìn ta làm thế nào ?	- HS phát biểu.
- GV nhận xét, kết luận.	
Bài 2: Làm việc cá nhân	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- 2 HS đọc yêu cầu.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS làm bài cá nhân vào vở, 2 HS lên bảng làm bài. a) Chữ số 5 của số 189 835 388 thuộc hàng nghìn. - Chữ số 5 của số 5 122 381 thuộc hàng triệu. - Chữ số 5 của số 531 278 000 thuộc hàng trăm triệu. b) Làm tròn số các số đó đến hàng chục nghìn ta được: 189 840 000; 5 120 000; 531 280 000.
- GV mời HS nhận xét, nêu cách làm tròn số.	
- GV hỏi: Số 189 835 388 gồm có mấy lớp ? Là những lớp nào ?	- HS thực hiện.
- Yêu cầu HS nêu cách làm tròn số đến hàng trăm nghìn.	- HS phát biểu.
Bài 3: Làm việc nhóm.	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu, bảng số liệu.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài theo nhóm.	- HS làm bài vào phiếu bài tập.

	- HS các nhóm đọc kết quả. *Kết quả: + Năm 2016 bán ra: 3 100 000 xe máy + Năm 2017 bán ra: 3 300 000 xe máy + Năm 2018 bán ra: 3 400 000 xe máy + Năm 2019 bán ra: 3 300 000 xe máy
- GV mời HS nhận xét, nêu cách làm.	
- GV hỏi: *Năm nào có lượng xe máy bán ra khoảng 3 400 000 chiếc?*	- HS phát biểu.
+ Muốn làm tròn số đến hàng trăm nghìn ta làm thế nào ?	- HS phát biểu.
- GV củng cố lại kiến thức về đọc bảng số liệu thống kê, cách làm tròn số đến hàng trăm nghìn.	- HS lắng nghe.
4. Vận dụng, trải nghiệm: **Bài 1:** Làm việc nhóm đôi.	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở BT.	- HS làm bài. - HS các nhóm đọc kết quả. *Kết quả: + Số dân Bà Rịa – Vũng Tàu là: 1 200 000 người + Hải Dương: 1 900 000 người + Nghệ An: 3 400 000 người.
- GV mời HS nhận xét, nêu cách làm.	
+ Nêu cách làm tròn số đến hàng trăm nghìn ?	- HS phát biểu.
Bài 2: Làm việc cá nhân	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở	- HS làm bài.

- GV nhận xét, kết luận, yêu cầu HS nhắc lại cách làm tròn số đến hàng chục nghìn, trăm nghìn. - Nhận xét tiết học. - Về nhà ôn lại bài và chuẩn bị bài sau.	- HS đổi chéo vở kiểm tra kết quả. *Kết quả: Đáp án B

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 32)

Bài 14: SO SÁNH CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được cách so sánh hai số và so sánh được hai số có nhiều chữ số.
- Xác định được số lớn nhất hoặc số bé nhất trong một nhóm các số.

* Năng lực chung: Thực hiện được thao tác tư duy ở mức độ đơn giản; tư duy, lập luận toán học, hợp tác.
- Giải quyết được các bài tập liên quan.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, ti vi, Phiếu bài tập.

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV cho HS thực hiện yêu cầu sau: + Nêu cách làm tròn số đến hàng trăm nghìn ? + Làm tròn số **1 235 905** đến hàng trăm nghìn.	- HS thực hiện.

+ Viết số: Lớn nhất có 1 chữ số, có 2 chữ số, 3 chữ số ? + Số nào là số tự nhiên nhỏ nhất ? - GV nhận xét, giới thiệu bài. **2. Hình thành kiến thức:**	
- GV hỏi: *"Các em có biết trong hệ Mặt Trời có bao nhiêu hành tinh hay không?" Hãy kể tên một số hành tinh trong hệ Mặt Trời ?*	- HS phát biểu: Sao Thủy, Sao Kim, Trái Đất, Sao Hỏa, Sao Mộc, Sao Thổ, Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương.
- GV: Hệ Mặt Trời có tám hành tinh, xếp theo thứ tự khoảng cách từ gần nhất cho đến xa nhất so với mặt trời là Sao Thủy, Sao Kim, Trái Đất, Sao Hỏa, Sao Mộc, Sao Thổ, Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương (Sao Diêm Vương từng được xếp vào nhóm này nhưng hiện tại bị loại ra do không đáp ứng được tiêu chí ba trong định nghĩa của IAU 2006).	- HS lắng nghe.
- Yêu cầu HS đọc phần khám phá trong SGK.	- 2 HS đọc.
+ Hãy cho biết khoảng cách từ Sao Kim tới Mặt Trời và từ Sao Hỏa tới Mặt Trời là bao nhiêu ?	- HS phát biểu.
+ Sao nào cách xa Mặt Trời hơn ? Vì sao ?	- HS chia sẻ.
- GV nhận xét, kết luận: *Số nào có nhiều chữ số hơn thì số đó lớn hơn. Nếu hai số có cùng chữ số thì so sánh từng Cặp chữ số ở cùng một hàng, kể từ trái sang phải. Chẳng hạn: vì 2 > 1 nên 230 000 000 > 108 000 000*	- HS nhắc lại nhiều lần.
- GV yêu cầu HS lấy ví dụ minh họa.	- HS lấy ví dụ, nêu cách so sánh.
3. Luyện tập, thực hành:	

Bài 1: Làm việc cá nhân.	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài vào phiếu BT.	- HS làm bài cá nhân vào phiếu BT.
	- HS đổi chéo bài kiểm tra kết quả.
	*Kết quả:
- GV nhận xét, mời HS nêu cách làm.	278 992 000 > 278 999
	37 338 449 < 37 839 449
	3 004 000 < 3 400 000
	200 000 000 < 99 999 999
	3 405 000 = 3000000 + 400000 + 5000
	650 700 < 6000000 + 500000 + 7000
+ Muốn so sánh hai số có nhiều chữ số ta làm thế nào ?	- HS phát biểu.
Bài 2: Làm việc nhóm	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài theo nhóm.	- HS thảo luận, tìm ra kết quả.
	- Đại diện các nhóm trình bày kết quả.
	*Kết quả:
	+ Nhà bác Ba có giá tiền rẻ hơn (thấp hơn) với giá tiền nhà chú Sáu vì: 950 000 000 đồng < 1 000 000 000 đồng.
- GV nhận xét, yêu cầu HS nêu cách làm.	- HS chia sẻ.
+ Yêu cầu HS nhắc lại cách so sánh hai số có nhiều chữ số ?	- HS thực hiện.
+ Số 1 000 000 000 là số có mấy chữ số ? Số có 10 chữ số hàng cao nhất là hàng nào ?	- HS phát biểu.
Bài 3: Làm việc cá nhân	

- GV mời HS đọc yêu cầu. + Bài tập yêu cầu gì ? - Yêu cầu HS làm bài cá nhân. - Yêu cầu HS chia sẻ cách làm. + Khi so sánh hai số tự nhiên có cùng chữ số ta so sánh thế nào ? - GV nhận xét, kết luận về cách so sánh hai số có nhiều chữ số. **4. Vận dụng, trải nghiệm** - GV tổ chức cho HS thực hiện yêu cầu: + Điền dấu < ; >; = ? 1 009 900 ... 99 999 999 90 000 000 .... 90 000 000 + 90 000 50 005 000 .... 50 000 000 + 5 000 - Nhận xét tiết học. - Về nhà ôn lại bài và chuẩn bị bài sau.	- HS đọc yêu cầu BT. - HS phát biểu. - HS suy nghĩ nêu kết quả. *Kết quả: + Việt nói sai vì: 37 003 847 > 23 938 399 (vì: 3 chục triệu > 2 chục triệu, chữ số ở hàng nào lớn hơn thì số đó lớn hơn) - HS phát biểu.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 33)
Bài 14: SO SÁNH CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Xác định được số lớn nhất hoặc số bé nhất trong một nhóm các số.

- Thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm các số.

* Năng lực chung: Thực hiện được thao tác tư duy ở mức độ đơn giản; tư duy, lập luận toán học, hợp tác.

- Giải quyết được các bài tập liên quan.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, ti vi, Phiếu bài tập.

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV cho HS thực hiện yêu cầu sau: + Nêu cách so sánh các số có nhiều chữ số ? Lấy ví dụ ? - GV nhận xét, giới thiệu bài. **2. Luyện tập, thực hành:** **Bài 1:** Làm việc nhóm - GV mời HS đọc yêu cầu. + Bài tập yêu cầu gì ? - Yêu cầu HS làm bài theo nhóm. - Yêu cầu HS chia sẻ cách làm. - GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng. + Nêu cách so sánh hai số có nhiều chữ số ? **Bài 2:** Làm việc theo cặp - GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS thực hiện. - HS đọc yêu cầu BT. - HS phát biểu. - HS thảo luận + trình bày kết quả. *Kết quả: a) Nhiều nhất: Lợn 22 027 900 con b) Ít nhất: Trâu 2 332 800 con - HS phát biểu. - HS đọc yêu cầu BT.

+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở BT.	- HS làm bài + trình bày kết quả. *Kết quả: + Đáp án: **B**
- Yêu cầu HS chia sẻ cách làm.	
- GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng.	
+ Nêu cách so sánh hai số có nhiều chữ số ?	- HS phát biểu.
Bài 3: Làm việc cá nhân	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS tự làm bài - 2 HS lên bảng làm bài. *Kết quả: a) Số lập được là: 988 731 000 b) Số lập được là: 100 037 889
- Yêu cầu HS chia sẻ cách làm.	
- GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng.	
+ Nêu cách so sánh hai số có cùng chữ số ?	- HS phát biểu.
Bài 4: Làm việc cá nhân	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS tự làm bài vào vở. - 1 HS lên bảng làm bài. *Kết quả: - Số lớn nhất lập được là: 930 000 000
- Yêu cầu HS chia sẻ cách làm.	
- GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng.	
+ Số 930 000 000 gồm mấy lớp ? Là	- HS phát biểu.

<table>
<tr>
<td>những lớp nào ? Nêu các hàng trong từng lớp ?
3. Vận dụng, trải nghiệm
- GV yêu cầu HS thực hiện yêu cầu:
Tỉnh nào có diện tích nhỏ nhất?
<table><tr><th>Tỉnh</th><th>Diện tích (m^2)</th></tr><tr><td>Nghệ An</td><td>16 493 700 000</td></tr><tr><td>Gia Lai</td><td>15 536 900 000</td></tr><tr><td>Phú Thọ</td><td>2 533 400 000</td></tr></table>+ Nêu cách so sánh hai số có nhiều chữ số?
- Nhận xét tiết học.
- Về nhà ôn lại bài và chuẩn bị bài sau.</td>
<td>- HS thực hiện.</td>
</tr>
</table>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 34)
Bài 15: LÀM QUEN VỚI DÃY SỐ TỰ NHIÊN (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được số tự nhiên, dãy số tự nhiên và nêu được một số đặc điểm của dãy số tự nhiên.

* Năng lực chung: Năng lực tư duy, lập luận toán học, năng lực giao tiếp hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, ti vi, Phiếu bài tập.

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	

- GV cho HS thực hiện yêu cầu sau: + Viết các số theo thứ tự từ lớn đến bé: 1 200 236; 2 100 236; 3 220 600 - GV nhận xét, giới thiệu bài.	- HS thực hiện.
2. Hình thành kiến thức: - GV giới thiệu cho HS biết rằng số xuất hiện rất nhiều trong tự nhiên. Ví dụ có 1 Mặt Trời; xe đạp có 2 bánh xe; xe ô tô có 4 bánh; ngôi sao có 5 cánh; .... - GV yêu cầu HS đưa ra một số ví dụ về các số xuất hiện trong tự nhiên. - GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa SGK. - GV: Các bạn Việt, Mai và Rô-bốt có các tấm thẻ ghi số. Các bạn ấy đang sắp xếp các tấm thẻ lên bảng. Bạn nào có thể trả lời câu hỏi của Việt? của Mai nhỉ? - GV cho HS quan sát tia số. - GV kết luận: *Các số 0, 1, 2, 3, ... là các số tự nhiên. Các số tự nhiên sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn tạo thành dãy số tự nhiên. Số tự nhiên bé nhất là 0. Không có số tự nhiên lớn nhất. Trong dãy số tự nhiên, hai số tự nhiên liên tiếp hơn kém nhau 1 đơn vị.*	- HS lắng nghe. - HS thực hiện. - HS quan sát. - HS thực hiện. 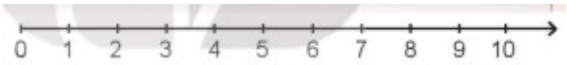 - HS lắng nghe và nhắc lại.
3. Luyện tập, thực hành: **Bài 1:** Làm việc theo cặp - GV mời HS đọc yêu cầu. + Bài tập yêu cầu gì ? - Yêu cầu HS làm bài cá nhân.	- HS đọc yêu cầu BT. - HS phát biểu. - HS làm bài + trình bày kết quả. *Kết quả: a) S b) S c) Đ

	d) Đ
- Yêu cầu HS chia sẻ cách làm.	
- GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng.	
+ Nêu đặc điểm của dãy số tự nhiên?	- HS phát biểu.
Bài 2: Làm việc cá nhân	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS làm bài vào vở. - 1 HS lên bảng chữa bài. *Kết quả: a) 80 ; b) 1990 c) 2044 ; d) 9 999
- Yêu cầu HS chia sẻ cách làm.	
- GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng.	
+ Nêu cách tìm số liền trước ? Số liền sau của dãy số tự nhiên ?	- HS phát biểu.
Bài 3: Làm việc cá nhân	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS tự làm bài - 1 HS lên bảng làm bài. *Kết quả: Các số được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là: 9 666; 9 998; 9 999; 10 001
- Yêu cầu HS chia sẻ cách làm.	
- GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng.	
+ Khúc tre ghi số 9 999; 9 666; 9 998 khi lật ngược lại thì được số nào?	- HS phát biểu.

+ Nêu cách so sánh hai số tự nhiên ? **3. Vận dụng, trải nghiệm** + Nêu đặc điểm của dãy số tự nhiên ? - GV yêu cầu HS thực hiện yêu cầu: Viết tên các tỉnh dưới đây theo thứ tự từ bé đến lớn về diện tích? - Nhận xét tiết học. - Về nhà ôn lại bài và chuẩn bị bài sau.	- HS phát biểu. - HS thực hiện. - HS thực hiện.

Tỉnh	Diện tích (m^2)
Nghệ An	16 493 700 000
Gia Lai	15 536 900 000
Phú Thọ	2 533 400 000

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 35)
Bài 15: LÀM QUEN VỚI DÃY SỐ TỰ NHIÊN (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Củng cố và nâng cao các kiến thức về số tự nhiên và dãy số tự nhiên.
- Vận dụng vào giải các bài tập, bài toán thực tế.

* Năng lực chung: Năng lực tư duy, lập luận toán học, năng lực giao tiếp hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.
* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, ti vi, Phiếu bài tập.

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	

- GV cho HS thực hiện yêu cầu sau: + Viết số: - Bé nhất có 2 chữ số, 3 chữ số, 4 chữ số, 5 chữ số. - Lớn nhất có 2 chữ số, 3 chữ số, 4 chữ số, 5 chữ số. - GV nhận xét, giới thiệu bài.	- HS thực hiện.
2. Luyện tập, thực hành: **Bài 1:** Làm việc cá nhân	
- GV mời HS đọc yêu cầu. + Bài tập yêu cầu gì ? - Yêu cầu HS làm bài cá nhân.	- HS đọc yêu cầu BT. - HS phát biểu. - HS làm bài + trình bày kết quả. *Kết quả: - Liền sau của 19 là: 20 - Liền sau của 200 là: 201 - Liền sau của 85 là: 86 - Liền sau của 9 999 là: 10 000
- Yêu cầu HS chia sẻ cách làm. - GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng. + Muốn tìm số liền sau ta làm thế nào ?	- HS phát biểu.
Bài 2: Làm việc cá nhân	
- GV mời HS đọc yêu cầu. + Bài tập yêu cầu gì ? - Yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS đọc yêu cầu BT. - HS phát biểu. - HS làm bài vào vở. - 1 HS lên bảng chữa bài. *Kết quả: a) 6; 7; 8

	b) 98; 99; 100 c) 99 999; 100 000; 100 001
- Yêu cầu HS chia sẻ cách làm. - GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng.	
+ Các số tự nhiên liên tiếp hơn, kém nhau bao nhiêu đơn vị?	- HS phát biểu.
+ Nêu cách tìm số liền trước, liền sau ?	- HS phát biểu.
Bài 3: Làm việc theo nhóm	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS làm bài theo nhóm. - 2 HS lên bảng làm bài. *Kết quả: a) 1 969; 1 970; 1 971; 1 972; **1 973; 1 974; 1 975** b) 2; 4; 6; 8; 10; **12; 14; 16** c) 1; 3; 5; 7; 9; **11; 13; 15** a) 5; 10; 15; 20; 25; **30; 35; 40**
- Yêu cầu HS chia sẻ cách làm. - GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng.	
+ Nêu đặc điểm của dãy số tự nhiên chẵn ? Dãy số tự nhiên lẻ ?	- HS phát biểu.
+ Dãy số tự nhiên cách đều 5 có đặc điểm gì ?	- HS phát biểu.
Bài 4: Làm việc theo cặp	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi.	- HS làm bài theo cặp + trình kết quả.

	- 1 HS lên bảng làm bài. *Kết quả: a) Ta nhận được số 951 890 b) Ta nhận được số 151 890
3. Vận dụng, trải nghiệm + Nêu đặc điểm của dãy số tự nhiên ? + Nêu đặc điểm của dãy số tự nhiên chẵn, lẻ? - Nhận xét tiết học. - Về nhà ôn lại bài và chuẩn bị bài sau.	- HS thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

TUẦN 8

Toán (Tiết 36)

LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:
- HS phân tích được cấu tạo số, so sánh được các số có nhiều chữ số.
- HS làm tròn được số và điền đọc số vào tia số.
- Củng cố kiến thức về hàng và lớp, tìm ra được số lớn nhất, số nhỏ nhất.
* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 1.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS trả lơi: ? Cách so sánh số tự nhiên? ? Cách làm tròn số tự nhiên?	- HS chia sẻ câu trả lời:
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Điền dấu <, >, =
- GV YC 1 HS lên bảng lên bài – lớp làm bài vào vở.	- HS thực hiện.
- Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.	- HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp.
- GV hỏi: Làm thế nào em có thể điền được dấu như vậy?	- HS trả lời. 73 883 919 > 39 113 031 22 222 222 < 1 000 000 000 2500300 = 2000000+500000+300 4 300 000 > 3 000 000 + 400000
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Điền số.
- Tổ chức cho HS chơi trò chơi tiếp sức. - GV phổ biến luật chơi.	- HS tham gia trò chơi.
- Vì sao em xác định các số đó là số chẵn?	- Vì các số đó chia hết cho 2

- GV YC HS chia sẻ cách làm.	- HS chia sẻ.
- Vì sao em xác định các số đó là số cần điền?	- Dựa vào quy luật của tia số.
- GV tuyên bố đội thắng. Chốt đáp án.	- HS lắng nghe.
- GV khen ngợi HS.	
Bài 3: - YC HS đọc đề bài.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Nêu số mà mỗi bạn lập được.
- Gọi HS nêu cách làm.	- HS nêu. (lập số)
- Yêu cầu HS làm việc nhóm đôi.	- HS thảo luận theo cặp.
- Yêu cầu HS báo cáo kết quả.	- HS chia sẻ đáp án. + Robot: 2 000 321 + Việt: 9 + Mai: 111 111 111
- YC HS tìm ra số lớn nhất? Số nhỏ nhất? Vì sao?	- HS nêu + Số lớn nhất: 111 111 111 + Số nhỏ nhất: 9
- GV nhận xét, tuyên dương.	
Bài 4: - YC HS đọc đề bài.	 - HS đọc
- Bài yêu cầu làm gì?	- Làm tròn số.
- GV YC 1 HS lên bảng lên bài – lớp làm bài vào vở.	- HS thực hiện.
- Tổ chức cho HS nhận xét.	- HS nhận xét.
- YC HS nêu lại cách làm tròn số của từng phép tính.	- HS trả lời.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 5: - YC HS đọc đề bài.	 - HS đọc.
- YC HS thảo luận nhóm đôi.	- HS thảo luận đưa ra đáp án (2 333 000)
- YC HS chia sẻ	- 1 – 2 nhóm chia sẻ bài làm.
- YC HS nhận xét.	
- GV nhận xét, chốt đáp án.	- HS lắng nghe.
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nêu cách làm tròn số? So sánh các số có nhiều chữ số.	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 37)

LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Củng cố kiến thức về hàng, lớp, so sánh số tự nhiên, dãy số tự nhiên.
- Vận dụng vào giải các bài tập, bài toán thực tế.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 2.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - YC HS nêu lại kiến thức về hàng và lớp	 - HS trả lời. - Hs nêu.
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp hỏi, đáp câu trả lời.	- HS thảo luận theo cặp. VD: Số có hai chữ số ở lớp nghìn là: 45 000;
- GV hỏi thêm: + Vì sao số 100 000 không phải là số có hai chữ số ở lớp nghìn? + Có phảo các số có hai chữ số ở lớp triệu đều có ba chữ số ở lớp nghìn?	- HS trả lời.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Sắp xếp số tự nhiên theo thứ tự tăng dần.
- YC HS làm bài vào vở.	- HS thực hiện.

	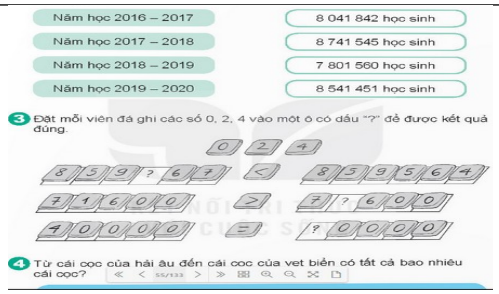
- Yêu cầu HS chia sẻ cách làm.	- HS nêu.
- GV củng cố so sánh số tự nhiên.	- HS lắng nghe.
- GV khen ngợi HS.	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Điền số.
- GV gọi HS trả lời nối tiếp	- HS nêu. 859 067 < 859 564 (có thể điền số khác). 71 600 > 70 600 40 000 = 40 000
- YC HS chia sẻ cách tìm ra số cần điền.	- HS chia sẻ (áp dụng so sánh số tự nhiên).
- GV cùng HS nhận xét, chốt đáp án.	- HS thực hiện
Bài 4 - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- GV hướng dẫn HS phát hiện quy luật dãy số cách đều.	- HS thảo luận nhóm
- GV hướng dẫn HS tìm ra số cái cọc chính là tìm ra số các số hạng theo công thức: (Số cuối – số đầu): khoảng cách + 1	- HS lắng nghe.
- YC HS áp dụng công thức tìm ra số các số hạng	- HS làm bài: (999 – 100) : 1 + 1 = 900 (số)
- GV chốt đáp án, tuyên dương HS.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- YC HS tìm có bao nhiêu số có ba chữ số?	- HS áp dụng công thức tính.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 38)
YẾN, TẠ, TẤN (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được các đơn vị đo khối lượng: Yến, tạ, tấn và quan hệ giữa các đơn vị đó với ki – lô – gam.
- Thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tế liên quan đến đo khối lượng.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi: ? Để đo khối lượng của 1 người người ta dùng đơn vị nào? ? Để đo khối lượng của những vật có khối lượng lớn gấp 10, 100, 1000 lần con người ta sẽ dùng đơn vị nào?	- HS trả lời: + ki – lô – gam. - HS suy ngẫm.
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Hình thành kiến thức:	
- Theo các em, loài động vật nào nặng nhất thế giới?	- HS trả lời. (cá voi xanh nặng đến 190 tấn)
? 190 tấn có lớn hơn 190 kg không nhỉ?	- HS suy nghĩ đưa ra phán đoán.
- GV giới thiệu mối liên hệ giữa các đơn vị đo khối lượng: ki – lô – gam, yến , tạ, tấn. 1 yến = 10 kg 1 tạ = 100 kg 1 tấn = 1000 kg 1 tạ = 10 yến 1 tấn = 10 tạ - GV giới thiệu một số trường hợp sử dụng đơn vị yến, tạ, tấn.	- HS lắng nghe.
- GV YC HS đưa ra thêm các trường hợp trong thực tế mà bản thân biết.	- HS thảo luận đưa ra ví dụ.
- GV kết luận, YC HS ghi nhớ mối liên hệ giữa các đơn vị đo khối lượng.	
3. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.

- Bài yêu cầu làm gì?	- Chọn số cân nặng thích hợp với mỗi con vật.
- GV YC HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành bài.	- HS thực hiện.
- Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.	- HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Điền số.
- GV phát phiếu bài tập. YC HS hoàn thành phiếu cá nhân.	- HS thực hiện yêu cầu.
- Tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời. (Lưu ý mỗi câu trả lời đều phải giải thích vì sao điền số đó).	- HS chia sẻ câu trả lời.
- GV củng cố mối liên hệ giữa các đơn vị đo khối lượng.	- HS lắng nghe.
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Tính.
- Gọi HS nêu cách làm.	- HS nêu. (thực hiện cộng, trừ, nhân, chia giống như thực hiện với số tự nhiên).
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS làm bài.
- Yêu cầu HS báo cáo kết quả.	- HS chia sẻ đáp án.
- GV cùng HS nhận xét.	
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Chọn đáp án.
- Gọi HS nêu cách làm.	- HS nêu. (Đổi đơn vị đo sau đó thực hiện làm tròn số đến hàng chục để đưa ra đáp án đúng).
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS làm bài.
- Yêu cầu HS báo cáo kết quả.	- HS chia sẻ đáp án.
- GV cùng HS nhận xét.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nêu một số vật trong cuộc sống có đơn vị đo là yến, tạ, tấn và ước lượng cân nặng của các vật đó.	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 39)

YẾN, TẠ, TẤN (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được các đơn vị đo khối lượng: Yến, tạ, tấn và quan hệ giữa các đơn vị đó với ki – lô – gam.
- Thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tế liên quan đến đo khối lượng.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS nêu lại mối liên hệ giữa kg, yến , tạ, tấn.	- HS trả lời.
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Xác định cân nặng của mỗi con vật.
- GV YC HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành bài.	- HS thực hiện.
- Tổ chức cho HS chia sẻ kết quả thảo luận	- HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.

- Bài yêu cầu làm gì?	- Điền số.
- GV phát phiếu bài tập. YC HS hoàn thành phiếu cá nhân.	- HS thực hiện yêu cầu.
- Tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời. (Lưu ý mỗi câu trả lời đều phải giải thích vì sao điền số đó).	- HS chia sẻ câu trả lời.
- GV củng cố mối liên hệ giữa các đơn vị đo khối lượng.	- HS lắng nghe.
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Chọn đáp án đúng.
- Gọi HS nêu cách làm.	- HS nêu. (Đổi đơn vị đo sau đó thực hiện làm tròn số đến hàng chục để đưa ra đáp án đúng).
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS làm bài.
- Yêu cầu HS báo cáo kết quả.	- HS chia sẻ đáp án.
- GV cùng HS nhận xét.	
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Gọi HS nêu cách làm.	- HS chia sẻ cách giải.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS làm bài.
- Yêu cầu HS báo cáo kết quả.	- HS chia sẻ đáp án. Đổi 7 tạ = 700 kg Xe có thể xếp được số kg na dai là: 700 – 300 = 400 (kg) Nếu mỗi thùng na dai nặng 5kg thì có thể chở được số thùng là: 400 : 5 = 80 (thùng) Vậy không thể chở được thêm 90 thùng na dai.
- GV hỏi HS thêm cách giải khác	- HS chia sẻ.
- GV cùng HS nhận xét.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nêu một số vật trong cuộc sống có đơn vị đo là yến, tạ, tấn và ước lượng cân nặng của các vật đó.	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....
.....
.....

Toán (Tiết 40)

YẾN, TẠ, TẤN (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được các đơn vị đo khối lượng: Yến, tạ, tấn và quan hệ giữa các đơn vị đó với ki – lô – gam.
- Thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tế liên quan đến đo khối lượng.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV YC HS nêu lại mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng.	- HS trả lời.
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Tìm cân nặng của chim cánh cụt con.
- GV YC HS làm bài vào vở.	- HS thực hiện.
- Tổ chức cho HS chia sẻ bài làm.	- HS chia sẻ bài làm. Đổi 1 tạ = 100 kg Cân nặng của chim cánh cụt con là: 100 – 80 = 20 kg Đáp số: 20 kg.
- YC HS nhận xét. - GV nhận xét, chốt đáp án.	- HS nhận xét. - HS lắng nghe.
Bài 2:	

- Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Tính.
- Gọi HS nêu cách làm.	- HS nêu. (thực hiện cộng, trừ, nhân, chia giống như thực hiện với số tự nhiên).
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS làm bài.
- Yêu cầu HS báo cáo kết quả.	- HS chia sẻ đáp án.
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Gọi HS nêu cách làm.	- HS nêu. (Tính khối lượng trên từng cây cầu sau đó so sánh với cân nặng của con voi và đưa ra đáp án).
- Tổ chức cho HS chơi trò chơi "Ai nhanh ai đúng".	- HS chơi trò chơi.
- Yêu cầu HS báo cáo kết quả.	- HS chia sẻ đáp án.
- GV cùng HS nhận xét.	
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Gọi HS nêu cách làm.	- HS chia sẻ cách giải.
- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi.	- HS làm bài.
- Yêu cầu HS báo cáo kết quả.	- HS chia sẻ đáp án (thuyền chở người có cân nặng 50kg và 45kg trước. Sau đó người có cân nặng 45kg sang đón ng có cân nặng 52kg).
- GV hỏi HS thêm cách giải khác	- HS chia sẻ.
- GV cùng HS nhận xét.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- YC HS giải bài toán sau "Một bác nông dân cần đưa một con sói, một con dê và một cây bắp cải vượt qua sốn bằng chiếc thuyền nhỏ của mình. Biết chiếc thuyền chỉ đủ chỗ cho 2 người, con vật hoặc đồ vật. Mà nếu như không có bác nông dân ở cùng thì sói sẽ ăn thịt dê, dê sẽ ăn cây cải bắp. Hỏi bác nông dân cần làm như thế nào để đưa tất cả quả sông."	- HS giải bài.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....
.....
.....
.....

Tuần 9

Toán (Tiết 41)
LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

* Năng lực đặc thù:
- Nhận biết được các đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn và các quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng
- Thực hiện được việc tính toán với các số đo khối lượng và thực hiện được việc tính toán với các số đo khối lượng
* Năng lực chung: Năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.
* Phẩm chất: Chăm chỉ, ham học, có tinh thần tự học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Máy chiếu, bảng phụ
- Học sinh: SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
I. Mở đầu - Nêu các đơn vị khối lượng đã học - Điền >, <, = 5 tấn .... 50005kg 4 tạ 30kg ... 403kg 8 tấn 500kg .... 8500kg - GV nhận xét, đánh giá - GV giới thiệu - ghi bài.	 - HS trả lời. - HS nêu. - HS theo dõi - HS ghi bài.
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài toán cho biết gì?	 - HS đọc. - Chim cánh cụt bố và chim cánh cụt mẹ nặng 80kg. Tổng chim cánh cụt bố, chim cánh cụt

- Bài yêu cầu làm gì? - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời. - Làm sao để tính được cân nặng của chim cánh cụt con. - GV nhận xét, chốt đáp án đúng.	mẹ và chim cánh cụt con là 1 tạ. - Cân nặng của chim cánh cụt con ?kg - Chim cánh cụt con là 20kg - HS trả lời Đổi 1 tạ = 100kg Chim cánh cụt con nặng số ki-lô-gam là: 100 – 80 = 20 (kg) - HS theo dõi.
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Yêu cầu HS làm bài ra vở sau đó đổi chéo. - Yêu cầu 2HS lên bảng làm. a) 124 tấn + 76 tấn = 200 tấn c) 20 tấn x 5 = 100 tấn - Gọi HS nhận xét. - GV nhận xét, chốt đáp án và tuyên dương. **=> Lưu ý:** Viết đơn vị đo vào bên phải kết quả .	- Tính - HS làm bài. - HS thực hiện. b) 365 yến – 199 yến = 166 yến d) 2 400 tạ : 8 = 6 tạ - HS chia sẻ, nhận xét. - HS theo dõi, lắng nghe.
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - Yêu cầu làm việc theo cặp, thực hiện yêu cầu bài. - Làm thế nào để em biết con voi đi qua được các cây cầu đó.	- HS đọc. - Con voi phải đi qua những cây cầu nào để đi từ bờ bên này sang bờ bên kia. - HS thảo luận theo cặp. Những cây cầu mà con voi đi qua ghi các số đo là: 2 tạ, 1 tấn, 160 kg. - HS trả lời. (Đổi các số đo khối lượng trên các cây cầu thành số đo khối lượng với đơn vị ki-lô-gam sau đó so sánh.) 1 tạ = 100kg 1tạ 40kg = 140kg 7 yến = 70 kg 1tấn = 1000kg 2 tạ = 200kg 1 tạ 20kg = 120kg

- GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương.	
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài cho biết gì? - Bài hỏi gì? ? Với yêu cầu đề bài thì 3 người có thể cùng lúc qua sông trong 1 lượt được hay không? ? Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 trả lời câu hỏi: Làm như thế nào để 3 người qua được sông? (**Lưu ý:** Sau khi có 2 người đi qua sông thì luôn có một người chèo thuyền ngược trở lại để đón người cuối cùng). - GV cùng HS nhận xét, tuyên dương.	 - HS đọc. - Có 3 người với cân nặng lần lượt là 52kg, 50kg, 45kg cần qua sông bằng một chiếc thuyền chỉ chở được tối đa 1 tạ hay 100kg. - Ba người cần làm như thế nào để qua sông? - Không. Vì tổng cân nặng của 3 người vượt quá khả năng chở tối đa của chiếc thuyền. - Đại diện nhóm trả lời. Đầu tiên, hai người có cân nặng 52kg và 45 kg cùng qua sông. Sau đó, người có cân nặng 45kg chèo thuyền chở về đón người còn lại.
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Tính 380 tạ + 220 tạ 758 yến – 347 yến 12 tấn x 6 1768 kg : 6 - Nếu cách thực hiện tính có chứa đơn vị đo. - GV nhận xét tiết học.	 - HS tính - HS nêu - HS lắng nghe

IV. Điều chỉnh, bổ sung: .....

.....

.....

Toán (Tiết 42)

ĐỀ - XI - MÉT VUÔNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được đơn vị đo diện tích đề-xi-mét vuông, biết kí hiệu của đề-xi-mét vuông: dm^2.
- Biết đổi và tính toán với các số đo diện tích (cm^2,dm^2¿

* Năng lực chung: Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.
* Phẩm chất: Chăm chỉ, cẩn thận, có tinh thần tự học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy chiếu, phiếu bài tập
- HS: SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi: + Hai bạn Mai và Rô-bốt nói chuyện gì với nhau? - Tại sao bạn bạn Rô-bốt lại nói như vậy? - GV giới thiệu - ghi bài.	 - HS quan sát. + Hai bạn đang nói chuyện diện tích của nền nhà được lát bởi các ô gạch hình vuông có cạnh 1cm là 100 xăng-ti-mét vuông hay 1 đề-xi-mét vuông. - HS suy ngẫm. - HS ghi bài
2. Hình thành kiến thức: ***a. Ôn tập về xăng- ti- mét vuông:*** + Yêu cầu HS vẽ một hình vuông có diện tích là $1cm^2$. + $1cm^2$ là diện tích của hình vuông có cạnh là bao nhiêu xăng- ti- mét? ***b. Giới thiệu đề- xi- mét vuông (dm^2)*** - GV treo hình vuông có diện tích là $1dm^2$ lên bảng và giới thiệu: Để đo diện tích các hình người ta còn dùng đơn vị là đề- xi- mét vuông. - Hình vuông trên bảng có diện tích là $1dm^2$. - Yêu cầu HS thực hiện đo cạnh của hình	 - HS vẽ ra giấy kẻ ô. - $1cm^2$ là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1cm. - HS quan sát - HS đồng thanh: đề- xi- mét vuông

vuông. + Vậy 1dm^2 chính là diện tích của hình vuông có cạnh dài bao nhiêu? + Dựa vào kí hiệu xăng- ti- mét vuông, nêu cách viết kí hiệu đề- xi- mét vuông? (GV ghi bảng: dm^2) - GV viết lên bảng các số đo diện tích: 2cm^2, 3dm^2, 24dm^2 và yêu cầu HS đọc các số đo trên. * Mối quan hệ giữa cm^2 và dm^2 - Hãy tính diện tích của hình vuông có cạnh dài 10cm. - 10 cm bằng bao nhiêu đề- xi- mét? ***KL: Vậy hình vuông cạnh 10cm có diện tích bằng diện tích hình vuông cạnh 1dm.*** + Hình vuông có cạnh 1dm có diện tích là bao nhiêu? - Vậy 100cm^2 = 1dm^2. - GV yêu cầu HS quan sát hình vẽ để thấy hình vuông có diện tích 1dm^2 bằng 100 hình vuông có diện tích 1cm^2 xếp lại. - GV yêu cầu HS vẽ HV có diện tích 1dm^2.	- Cạnh của hình vuông là 1dm. + Cạnh dài 1 dm + Là kí hiệu của đề- xi- mét viết thêm số 2 vào phía trên, bên phải (dm^2). - Một số HS đọc trước lớp. - HS tính và nêu: S= 10cm x 10cm = 100cm^2 - HS: 10cm = 1dm. *+ Là 1dm^2.* - HS đọc: 100cm^2 = 1dm^2. - HS vẽ vào giấy HV: 10cm x 10cm.
3. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu. - GV phát phiếu, yêu cầu HS hoàn thành.	- HS đọc. - HS thực hiện. 440 dm^2: Bốn trăm bốn mươi đề-xi-mét vuông 1005 dm^2: Một nghìn không trăm linh năm đề-xi-mét vuông

- Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp. - GV nhận xét, đánh giá	1000 dm^2: Một nghìn đề-xi-mét vuông - HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp. - HS theo dõi
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu. - GV phát phiếu, yêu cầu HS hoàn thành bài và chia sẻ kết quả trong nhóm đôi. - Yêu cầu HS nêu cách chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị lớn sang đơn vị bé và ngược lại chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị bé sang đơn vị lớn. - GV nhận xét, chốt câu trả lời. + Khi thực hiện chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị lớn sang đơn vị bé ta vận dụng phép nhân số có 3 chữ số với số có 1 chữ số. + Ngược lại, khi thực hiện chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị bé sang đơn vị lớn hơn ta có thể sử dụng kết quả của phép chuyển đổi ở ngay trước đó. (VD: 8 dm^2 = 800 cm^2 nên ta có 800 cm^2 = 8 dm^2) - Yêu cầu HS báo cáo kết quả. - GV cùng HS nhận xét.	- HS đọc. - HS làm bài. 3dm^2 = 300 cm^2 300 cm^2 = 3dm^2 6dm^2 = 600 cm^2 600 cm^2 = 6dm^2 6dm^2 50 cm^2 = 650 cm^2 - HS lắng nghe. - HS chia sẻ đáp án.
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - Yêu cầu HS làm việc nhóm đôi. - Yêu cầu HS báo cáo kết quả. - Gọi HS nêu cách tính tìm đáp án	- HS đọc. - HS so sánh diện tích hình vuông và diện tích HCN - HS thảo luận theo cặp. - HS chia sẻ đáp án. (B) - HS nêu. (Tính diện tích của 2 hình sau

- Khi so sánh số đo diện tích cần lưu ý gì? - GV cùng HS nhận xét	đó so sánh số đo diện tích) S hình vuông = 2x 2 = 4 dm^2 S hình chữ nhật = 80 x 5 = 400 cm^2 = 4 dm^2 - Cùng đơn vị đo
4. Vận dụng, trải nghiệm: - Một hình chữ nhật có chiều dài 25cm, chiều rộng 8cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó theo đơn vị đề-xi-mét vuông? - Nhận xét tiết học.	- HS làm bài

IV. Điều chỉnh, bổ sung: .....

.....

Toán (Tiết 43)

MÉT VUÔNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết mét vuông là đơn vị đo diện tích; đọc mét vuông, viết " m^2".
- Biết chuyển đổi và tính toán với các số đo diện tích m^2, dm^2, cm^2.
- Giải quyết được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.

* Năng lực chung: Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, cẩn thận, có tinh thần tự học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy chiếu, phiếu học tập.
- HS: SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi: + Tranh vẽ gì? + Ba bạn thử tính diện tích nền nhà bằng	- HS quan sát. + Ba bạn Nam, Mai và Rô-bốt; bạn Nam đang đo nền nhà. + Xăng-ti mét vuông, đề-xi-mét vuông

đơn vị đo nào? + Có đơn vị đo diện tích nào lớn hơn xăng-ti mét vuông và đề-xi-mét vuông không? - GV giới thiệu - ghi bài.	 + HS suy ngẫm - HS ghi bài.
2. Hình thành kiến thức: - GV treo lên bảng hình vuông có diện tích là $1m^2$ và được chia thành 100 hình vuông nhỏ, mỗi hình có diện tích là 1 dm^2. - GV nêu các câu hỏi yêu cầu HS nhận xét về hình vuông trên bảng. + Hình vuông lớn có cạnh dài bao nhiêu? + Hình vuông nhỏ có độ dài bao nhiêu? + Cạnh của hình vuông lớn gấp mấy lần cạnh của hình vuông nhỏ? + Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là bao nhiêu? + Hình vuông lớn bằng bao nhiêu hình vuông nhỏ ghép lại? + Vậy diện tích hình vuông lớn bằng bao nhiêu? - GV nêu: Vậy hình vuông cạnh dài 1 m có diện tích bằng tổng diện tích của 100 hình vuông nhỏ có cạnh dài 1 dm. **- Ngoài đơn vị đo diện tích là cm^2 và dm^2 người ta còn dùng đơn vị đo diện tích là mét vuông. Mét vuông chính là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 m. (GV chỉ hình)** **- Mét vuông viết tắt là m^2.** + $1m^2$ bằng bao nhiêu đề- xi- mét vuông? - GV viết lên bảng: $1m^2 = 100dm^2$	 - HS quan sát hình. - HS thảo luận nhóm 2 và trả lời: + Hình vuông lớn có cạnh dài 1m (10 dm). + Hình vuông nhỏ có độ dài là 1dm. + Gấp 10 lần. + Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là $1dm^2$. + Bằng 100 hình. + Bằng $100dm^2$. - HS đọc: Mét vuông + $1m^2 = 100dm^2$.

3. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu. - GV phát phiếu, yêu cầu HS chọn số đo phù hợp cho cách đọc. - Gọi 1 HS làm bảng phụ, chia sẻ trước lớp. - Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS đọc. - HS thực hiện. - HS làm bài, chia sẻ. - HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp.
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi ước lượng đơn vị đo diện tích của các đồ vật. - GV hướng dẫn HS: + Sắp xếp diện tích các đồ vật theo thứ tự tăng dần. + Sắp xếp số đo diện tích theo thứ tự tăng dần. - Gọi đại diện 2 nhóm trình bày. - GV cùng HS nhận xét.	- HS đọc. - HS tìm hiểu, trao đổi cặp đôi hoàn thành yêu cầu. + Cục tẩy < bìa sách < mặt bàn + 6 cm^2 < 6 dm^2 < 1m^2 - HS trình bày.
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Yêu cầu HS hoàn thành bài vào vở và chia sẻ theo nhóm đôi. - Yêu cầu HS báo cáo kết quả. ? Khi đổi số đo diện tích từ đơn vị ta làm như thế nào. mét vuông sang đơn vị đề-xi-mét vuông - GV cùng HS nhận xét.	- HS đọc. - HS làm bài. 1 m^2 = 100dm^2 1 m^2 50dm^2= 150dm^2 1dm^2 =100cm^2 4 m^2 20dm^2= 420dm^2 500dm^2 =5 m^2 3m^2 9dm^2= 309 dm^2 - HS chia sẻ đáp án. - Ta vận dụng phép nhân số có 3 chữ số với số có 1 chữ số.

4. Vận dụng, trải nghiệm: - Nêu cách đổi đơn vị đo diện tích từ đơn vị mét vuông sang đơn vị đề-xi-mét vuông. - Nhận xét tiết học.	 - HS nêu

IV. Điều chỉnh, bổ sung: .....

.....

.....

Toán (Tiết 44)
MI-LI-MÉT VUÔNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết mi-li-mét vuông là đơn vị đo diện tích; biết kí hiệu của mi-li-mét vuông: mm^2.
- Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán các số đo diện tích (m^2, dm^2, cm^2, mm^2).
- Giải quyết được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.

* Năng lực chung: Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, cẩn thận, có tinh thần tự học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy chiếu, phiếu học tập.
- HS: SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi: + Tranh vẽ gì? + Hai bạn Mai và Rô-bốt nói chuyện gì với nhau? + Để đo diện tích của một vật có cách thước nhỏ, người ta dùng đơn vị nào? - GV giới thiệu - ghi bài.	 - HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ. + Tranh vẽ bạn Rô-bốt và Mai phát hiện ra tổ kiến bằng kính hiển vi. + Hai bạn đang nói tới cách làm cửa cho tổ kiến. - HS suy ngẫm. - HS ghi bài.
2. Hình thành kiến thức:	

- GV treo lên bảng hình vuông lớn có cạnh là 1cm và được chia thành 100 hình vuông nhỏ có cạnh là 1 mm. - GV nêu các câu hỏi yêu cầu HS nhận xét về hình vuông trên bảng. + Cạnh của hình vuông lớn gấp mấy lần cạnh của hình vuông nhỏ? + Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là bao nhiêu? + Hình vuông lớn bằng bao nhiêu hình vuông nhỏ ghép lại? + Vậy diện tích hình vuông lớn bằng bao nhiêu? - GV nêu: Vậy hình vuông cạnh dài 1 cm có diện tích bằng tổng diện tích của 100 hình vuông nhỏ có cạnh dài 1 mm. **- Ngoài đơn vị đo diện tích là cm^2, dm^2, m^2 người ta còn dùng đơn vị đo diện tích là mi-li-mét vuông. Mi-li-mét vuông chính là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 mm. (GV chỉ hình)** **- Mét vuông viết tắt là mm^2.** + 1cm^2 bằng bao nhiêu mi- li- mét vuông hay ngược lại?	- HS quan sát hình. - HS thảo luận nhóm 2 và trả lời: + Gấp 10 lần. + Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là 1mm^2. + Bằng 100 hình. + Bằng 1cm^2. - HS đọc: Mi-li-mét vuông + 1cm^2 = 100mm^2. 100mm^2 = 100mm^2
3. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu. - GV phát phiếu, yêu cầu HS hoàn thành.	- HS đọc. - HS thực hiện. Hai trăm linh tư mi-li-mét vuông: 204 mm^2 Hai nghìn không trăm bốn mươi mi-li-mét vuông:2040 mm^2 Mười nghìn mi-li-mét vuông:

- Gọi 1HS chia sẻ trước lớp. - Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp. - GV nhận xét, đánh giá	$10000mm^2$ - HS chia sẻ, nhận xét. - HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp. - HS theo dõi
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Yêu cầu HS hoàn thành bài vào vở và chia sẻ kết quả trong nhóm ba. - Gọi đại diện 1 nhóm báo cáo kết quả. - Yêu cầu HS nêu cách chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị lớn sang đơn vị bé (xăng-ti-mét sang mi-li-mét) và ngược lại chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị bé sang đơn vị lớn (mi-li-mét sang xăng-ti-mét). - GV nhận xét, chốt câu trả lời. + Khi thực hiện chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị lớn sang đơn vị bé ta vận dụng phép nhân số có 3 chữ số với số có 1 chữ số. + Ngược lại, khi thực hiện chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị bé sang đơn vị lớn hơn ta có thể sử dụng kết quả của phép chuyển đổi ở ngay trước đó. - GV cùng HS nhận xét.	- HS đọc. - HS làm bài. a) 1 cm^2 = 100mm^2 2 cm^2 = 200mm^2 200mm^2 = 2 cm^2 b) 1 cm^2 30mm^2 = 130 mm^2 8 cm^2 5mm^2 =805 mm^2 7 cm^2 14mm^2 = 714 mm^2 - HS chia sẻ, nhận xét. - HS nêu.
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì?	- HS đọc. - Tìm diện tích của nhãn vở.

- Yêu cầu HS báo cáo kết quả trước lớp. - Làm thế nào để em tìm ra đáp án. - GV cùng HS nhận xét.	- HS chia sẻ đáp án. (15 cm^2) - Ước lượng (đo) chiều dài, chiều rộng của nhãn vở.
4. Vận dụng, trải nghiệm: - Nêu cách đổi đơn vị đo diện tích từ đơn vị xăng -ti mét vuông sang đơn vị mi-li-mét vuông. - Nhận xét tiết học.	 - HS nêu - HS lắng nghe

IV. Điều chỉnh, bổ sung: .....

.....

.....

Toán (Tiết 45)

LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Củng cố kĩ năng chuyển đổi và tính toán các số đo diện tích (m^2, dm^2, cm^2, mm^2).
- Giải quyết được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tế liên quan đến đo diện tích.

* Năng lực chung: Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, cẩn thận, có tinh thần tự học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy chiếu, phiếu học tập.
- HS: SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu - So sánh diện tích HCN có chiều dài 8dm, chiều rộng 5dm và hình vuông có	 - HS trả lời

cạnh 20 cm. - GV nhận xét, đánh giá - GV giới thiệu - ghi bài.	 - HS lắng nghe - HS ghi bài
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài cho biết gì? hỏi gì? - Yêu cầu 1HS vẽ hình minh họa 2 tấm pim mặt trời sau khi được ghép lên bảng lớp, còn lại vẽ vở nháp. - Yêu cầu HS dựa vào hình vẽ tính diện tích của tấm pin. Yêu cầu HS báo cáo kết quả trước lớp. - GV cùng HS nhận xét.	 - HS đọc. - HS nêu. - HS vẽ. - HS làm bài - HS chia sẻ đáp án. (B: 200 dm^2)
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi hoàn thành bài tập. ? Để biết phòng khách nào nhà Nam phải làm thế nào - Yêu cầu HS báo cáo kết quả trước lớp. - GV cùng HS nhận xét.	 - HS đọc. - HS trao đổi hoàn thành bài. - HS trả lời. (Tính diện tích của từng phòng khách rồi so sánh diện tích các phòng để tìm) - HS chia sẻ đáp án. (Hình A)
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài cho biết gì? - Bài yêu cầu làm gì? - Gọi HS nêu cách làm. - Yêu cầu HS hoàn thành bài vào vở và chia sẻ trong nhóm đôi.	 - HS đọc. - Mặt sàn hình vuông cạnh 3m, tấm gỗ có chiều dài 5dm và chiều rộng 1dm. - Cần bao nhiêu tấm gỗ để lát kín sàn mặt căn phòng. - HS nêu. (tính diện tích của căn phòng và diện tích của tấm gỗ sau đó tìm số tấm gỗ). - HS làm bài và chia sẻ.

- Yêu cầu HS báo cáo kết quả trước lớp. - GV chấm vở 3-5HS nhanh nhất.	- HS chia sẻ đáp án. (Cần 180 tấm gỗ để lát kín căn phòng)
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Trò chơi: HS hoạt động theo nhóm 2 - Nhận xét tiết học.	 - HS tham gia - HS lắng nghe

IV. Điều chỉnh, bổ sung: .....

.....

.....

TUẦN 10

Toán

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

(không soạn theo đề thi của từng trường)

Toán

Bài 19: GIÂY THẾ KỈ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Làm quen với các đơn vị thời gian, giây, thế kỉ
- Chuyển đổi và tính toán với đơn vị thời gian đã học

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi: + Tranh vẽ gì?(Trên màn hình đang chiếu phim hoạt hình có nhân vật là que diêm, cây thông và hội thoại giữa	- HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ.

que diêm và cây thông) + Tranh vẽ có mấy nhân vật? + Yc học sinh đóng vai nêu lại tình huống?	
- GV giới thiệu- ghi bài	- Lắng nghe
2. Hình thành kiến thức:	
- GV cho hs quan sát chiếc đồng hồ có kim giây chuyển động, GT thế kỉ Gv giới thiệu về tuổi của ông bà để sánh độ dài ngắn của giây và thế kỉ.	- Quan sát
+ GVGT: giây là đơn vị TG 1 phút = 60 giây 1 giờ = 60 phút + Hỏi: Em biết năm nay là năm gì không? (Để đánh dấu các năm người ta dùng các số còn để đánh dấu các thế kỉ người ta dùng chữ số La mã) Thế kỉ: là một đơn vị đo thời gian 1 thế kỉ = 100 năm + Từ năm 1 đến năm 100 là thế kỉ một (Thế kỉ I) ……. + Từ năm 2001 đến năm 2100 là thế kỉ hai mươi mốt (Thế kỉ XXI) - Yêu cầu HS lấy ví dụ. - GV khuyến khích HS lấy thêm nhiều ví dụ ở ngoài	- trả lời
3. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1:	
- Bài toán cho chúng ta biết gì?	- HS đọc.
- Cho HS thảo luận, làm bài vào bảng nhóm	- Thực hiện làm bài nhóm 4
- Yêu cầu HS chia sẻ.	- HS chia sẻ, nhận xét, chữa bài
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS. *a) 60 giây; 1 phút; 180 giây; 3phút* *b) 100 năm; 1 thế kỷ, 400 năm; 4 thế kỉ*	- Lắng nghe
Bài 2.	
- Gọi HS đọc bài toán. + Bài toán cho chúng ta biết gì?	- HS đọc. - HS trả lời
+Cho HS làm bài CN tham gia trò chơi Ai nhanh ai đúng ***KQ**: a) Trần Hưng Đạo sinh năm 1228 thuộc TK XIII* *b) Nguyễn Trãi sinh năm 1380 thuộc TK*	- Tham gia chơi

XIV *c) Phan Bội Châu sinh năm 1867 thuộc TK XIX* *d) Đinh Bộ Lĩnh sinh năm 924 thuộc TK X* *- GV giới thiệu với học sinh về 4 nhân vật lịch sử* **Bài 3:** - YC hs nêu bài toán - GVHD học sinh - YCHS làm vào vở - Đại diện chia sẻ Bài giải Năm canh tý tiếp theo là 1900 + 60 = 1960 Vậy năm canh tý tiếp theo thuộc TK XX **4. Vận dụng, trải nghiệm:** + GVGT với học sinh về Can và chi trong âm lịch - Nhận xét giờ học	- Lắng nghe - HS làm bài vào vở, chia se - Lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán

Bài 20: LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Vận dụng cách tính để giải được các bài toán thực tế có liện quan đến thời gian

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: Tổ chức trò chơi Đố bạn - 1 phút = 60 giây 1 giờ = 60 phút - Nhận xét	- Lắng nghe - Chia sẻ

- GV giới thiệu - ghi bài.	- Ghi đầu bài
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1:	
- Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Cho HS thảo luận, làm bài vào vở.	- HS thực hiện cặp đôi
- Mời HS chia sẻ	
KQ:	- HS chia sẻ, nhận xét chữa bài
a) 5 ngày = 120 giờ 2 tuần = 14 ngày 4 giờ 10 phút = 250 phút	
b) 2 giờ = 120 phút 28 ngày = 4 tuần 2 phút 11 giây = 131 giây	
Bài 2:	
- Gọi HS đọc bài toán.	- HS đọc đầu bài
- HD HS phân tích đề bài toán.	- Theo dõi
- Yêu cầu HS thảo luận làm bài trên bảng nhóm	- Thực hiện nhóm 4
- Cho HS chia sẻ, nhận xét, chữa bài	- Chia sẻ, nhận xét, chữa bài
KQ + TP Sài Gòn (nay là TPHCM) được thành lập là: 1998 - 300 =1698 thuộc thế kỉ XVII	
- GV nhận xét, khen ngợi	
Bài 3.	
- Tổ chức trò chơi Ai nhanh ai đúng	- Tham gia chơi
- GV quan sát sửa lỗi cho từng em.	- Quan sát, cổ vũ
KQ: + Nam chạy 100m (20 giây) + Thơi gian chuyến bay HN- ĐN (1 giờ) + Tuổi của cây gỗ đó (78 năm)	
- Nhận xét, tuyên dương những HS làm đúng, làm nhanh	- Lắng nghe
Bài 4.	
- Gọi HS đọc bài toán.	- HS đọc đầu bài
- Gọi HS phân tích đề bài toán.	- Nêu
- Yêu cầu HS thảo luận làm bài vào vở	- Thực hiện vào vở
- Cho HS chia sẻ, nhận xét, chữa bài	- Chia sẻ, nhận xét, chữa bài
Bài giải Từ ngày 1 tháng 1năm 2001 đến hết năm 2009 có số năm là:	

2009 – 2001 = 8 (năm) 8 năm máy bay thực hiện số chuyến bay là: 400 x 8 = 3200 (chuyến bay) Đáp số: 3200 chuyến bay **Bài 5:** - Củng cố cung cấp thêm cho hs về năm nhuận và năm không nhuận - GVHD học sinh - KQ: a) Thế kỉ XXI có số năm nhuận là: (2096 – 2004) : 3 + 1 = 24 năm b) Năm cuối cùng của TK XX là năm nhuận năm đó là năm: 2096 **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - Yêu cầu HS đếm số năm trên nắm tay - VN chia sẻ ND bài với người thân - GV nhận xét	- Lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán

Bài 20: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM SỬ DỤNG MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Củng cố đọc số đo cân nặng, tính toán với đơn vị đo khối lượng, củng cố tính diện tích và tính với đơn vị thời gian.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: bảng nhóm, máy tính, ti vi, phiếu bài 1.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: Tổ chức trò chơi: Ô của bí mật - Tháng nhuận là tháng có bao nhiêu ngày? Tháng không nhuận là tháng có	- HS trả lời. - HS thực hiện.

bao nhiêu ngày? - GV giới thiệu - ghi bài. **2. Luyện tập, thực hành:** **Bài 1:** - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - GVYC học sinh đọc số đo mỗi hộp vật liệu theo đơn vị ki lô gam - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời miệng. KQ: a) Ý C b)Ta có phép tính 65 + 25 + 15 = 100 (kg) Đổi 100 kg = 1 tạ Vậy tổng cân nặng than hoạt tính, sỏi và cát hạt lớn là 1 tạ - GV nhận xét, khen ngợi. **Bài 2:** - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - Yêu cầu HS làm bài vào vở, sau đó đổi chéo vở cho bạn kiểm tra. KQ: Ý C - GV có thể phát cho Hs một số tấm bìa khác nhau YC hs tính diện tích của tấm bìa đó. - GV khen ngợi HS. **Bài 3:** - Gọi HS đọc yêu cầu. - HD HS cách thực hiện - GV gọi HS trả lời KQ: Ý C **Bài 4:** - Gọi HS đọc yêu cầu. - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm 4, cùng thực hành - GV chuẩn bị cho học sinh: Cát, sỏi, vải lót và cho HS thực hiện - GV nhận xét tuyên dương học sinh **3. Vận dụng, trải nghiệm:**	- HS đọc. - HS trả lời - HS thực hiện. - HS đọc. - Trả lời - Thực hiện - Thực hiện - HS đọc. - HS nêu. - HS đọc. - HS thực hiện

- Về nhà cùng bạn bè người thân cùng thực hiện đo cân các vật trong thực tế	- HS thực hiện
- Nhận xét tiết học.	- Lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán

Bài 20: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM SỬ DỤNG MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Củng cố kĩ năng tính toán diện tích, giới thiệu mệnh giá mới 200 000 đồng và 500 000 đồng, củng cố kĩ năng mua bán sử dụng tiền

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: bảng nhóm, máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- Cho học sinh nghe bài hát: Bà còng đi chợ	- Lắng nghe
- GV giới thiệu - ghi bài.	- Ghi đầu bài
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1:	
- Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - YC học sinh thảo luận nhóm - Đại diện tình bày chia sẻ KQ: a) Ý D b) Ý B	- HS đọc. - Trả lời - Thảo luận chia sẻ
Bài 2:	
- Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - GV giới thiệu một số mệnh giá tiền 200 000 đồng và 500 000 đồng cho hs - Yêu cầu HS làm bài vào vở, sau đó đổi chéo vở cho bạn kiểm tra.	- HS đọc. - Trả lời - Quan sát - Lắng nghe

KQ a) Ý A - GV khen ngợi HS. **Bài 3:** - Gọi HS đề bài toán. - GV tổ chức nhóm 4 cho hs chơi trò chơi Đi chợ Luật chơi: Yc 3 học sinh đóng vai người bán hàng và hai người mua hàng. Cho Hs tính số tiền và trả lại tiền cho người bán hàng - GV yêu cầu HS quan sát và nhận xét bạn - Nhận xét, khen ngợi. **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - VN thực hành cùng mẹ đi chợ mua đồ - Nhận xét tiết học.	- HS đọc. - HS tham gia chơi - Thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

TUẦN 11

Toán (Tiết 51)

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM SỬ DỤNG MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Củng cố sử dụng, chuyển đổi các đơn vị khối lượng, diện tích và thời gian trong các tình huống thực tế.
- Biết ước lượng và tính diện tích bề mặt một số đồ vật trong thực tế.
- HS được củng cố về nhận diện mệnh giá tiền, tính toán và đổi tiền qua hoạt động trò chơi.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, cân đồng hồ, video về cách dùng cân đồng hồ và một số loại cân khác (cân đĩa, cân điện tử) để minh hoạ cho HS.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Ho		Hoạt động của HS

D C

1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS thực hiện bảng con đổi các phép tính sau: + 200 kg = ….tạ + 1cm^2 = …..mm^2 - GV nhận xét, tuyên dương - Nhận xét, tuyên dương HS.	- HS thực hiện bảng con
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Hs nêu yêu cầu
- GV yêu cầu HS quan sát, trả lời câu hỏi: + Trò chơi phi tiêu giá bao nhiêu tiền? + Gia đình em có bao nhiêu người?	- HS trả lời
- Gv củng cố kĩ năng tính toán trong chi tiêu	
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Nêu yêu cầu bài 2?	- HS nêu yêu cầu
- Yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi - Yêu cầu HS trình bày bài làm	- HS thực hiện nhóm đôi - HS trình bày bài làm
- Gv củng cố đổi đơn vị đo khối lượng - GV nhận xét, khen ngợi HS	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Hs nêu yêu cầu
- Gv yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi thực hiện yêu cầu bài tập	- HS thảo luận nhóm đôi thực hiện yêu cầu bài 3
- Yêu cầu HS trình bày các phương án phù hợp?	- Hs nêu
- GV cùng HS nhận xét, chốt đáp án đúng	- HS lắng nghe
- Gv củng cố về cách tính diện tích	
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Nêu yêu cầu bài 4?	- Hs nêu yêu cầu
- GV yêu cầu HS thực hiện SGK	- HS thực hiện SGK
- Yêu cầu HS nêu cách làm bài - GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên	- HS nêu cách làm

dương.	
- GV củng cố cách về đơn vị đo thời gian (thế kỉ)	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Hãy tính diện tích lớp học hình chữ nhật có chiều dài 12m, chiều rộng 4m?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 52)

LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Củng cố nhận biết ác đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn; các dơn vị đo diện tích: mi li mét vuông, đề - xi -mét vuông, mét vuông; các đơn vị đo thời gian: giây; thế kỉ.
- Củng cố thực hiện phép đổi, phép tính cộng, trừ, nhân, chia đối với đơn vị đo khối lượng, diện tích, thời gian.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Yêu cầu HS thực hiện bảng con : 300 m^2 = ….dm^2 ; 100 năm = ….thế kỉ - Nhận xét, tuyên dương HS	- HS làm bảng con - Hs quan sát và trả lời.
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Hs nêu yêu cầu
- GV yêu cầu HS thực hiện SGK. - Yêu cầu HS đổi sách kiểm tra	- HS thực hiện SGK

- Yêu cầu HS nêu cách làm.	- HS đổi sách kiểm tra - HS nêu
- Gv củng cố kĩ năng chuyển đổi, tính toán với các đơn vị đo thời gian đã học.	- HS trả lời
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Nêu yêu cầu bài 2?	- HS nêu yêu cầu
- Yêu cầu HS làm SGK sau đó đổi chéo. - Yêu cầu HS trình bày bài làm	- HS thực hiện SGK - HS trình bày bài làm
- Yêu cầu HS nêu cách làm. - GV nhận xét, khen ngợi HS	- HS nêu.
- GV củng cố phép đổi đơn vị đo khối lượng	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Hs nêu yêu cầu
- GV phân tích yêu cầu bài toán: " Thửa ruộng nhà chú Năm được chia thành mấy phần? Mỗi phần có dạng hình gì?".	- HS theo dõi.
- Yêu cầu HS thực hiện vào nháp	- Hs làm nháp
- GV cùng HS nhận xét, chốt đáp án đúng	- HS lắng nghe
- Gv củng cố kĩ năng đổi đơn vị đo khối lượng đã học.	
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Nêu yêu cầu bài 4?	- Hs nêu yêu cầu
- GV yêu cầu HS làm vở	- HS thực hiện làm vở
- Yêu cầu HS nêu cách làm bài - GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương.	- HS nêu cách làm
- GV củng cố kĩ năng giải toán có lời văn có liên quan đến chuyển đổi các đơn vị đo thời gian.	
Bài 5:	
- Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu
- Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS làm vào SGK	- Hs nêu yêu cầu - HS thực hiện SGK
-Trình bày cách làm bài - Gv nhận xét + Vì sao người ta không đóng gói bao gạo nặng 50 tạ?	- HS trình bày cách làm - HS trả lời

- Gv củng cố kĩ năng ước lượng đơn vị đo khối lượng phù hợp với các vật trên thực tế.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Đổi? + 8 thế kỉ =....năm + 240 tạ = ...kg + 45m^2 = ...mm^2	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Toán (Tiết 53)
LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Củng cố nhận biết ác đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn; các dơn vị đo diện tích: mi li mét vuông, đề - xi -mét vuông, mét vuông; các đơn vị đo thời gian: giây; thế kỉ.
- Củng cố thực hiện phép đổi, phép tính cộng, trừ, nhân, chia đối với đơn vị đo khối lượng, diện tích, thời gian.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Yêu cầu HS thực hiện bảng con : 500 m^2 = ….dm^2 ; 2 tấn 89kg = ….kgỉ - Nhận xét, tuyên dương HS	- HS làm bảng con - Hs quan sát và trả lời.
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Hs nêu yêu cầu

- GV yêu cầu HS thực hiện SGK. - Yêu cầu HS đổi sách kiểm tra - Yêu cầu HS nêu cách làm.	- HS thực hiện SGK - HS đổi sách kiểm tra - HS nêu
- Gv củng cố kĩ năng chuyển đổi, tính toán với các đơn vị đo thời gian đã học.	- HS trả lời
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Nêu yêu cầu bài 2?	- HS nêu yêu cầu
- Yêu cầu HS làm SGK sau đó đổi chéo. - Yêu cầu HS trình bày bài làm	- HS thực hiện SGK - HS trình bày bài làm
- Yêu cầu HS nêu cách làm. - GV nhận xét, khen ngợi HS	- HS nêu.
- GV củng cố kĩ năng ước lượng đơn vị đo khối lượng phù hợp cho các vật trong thực tế.	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Hs nêu yêu cầu
- GV có thể gợi ý hướng dẫn: + Gv yêu cầu Hs tính diện tích bảng mạch, kể cả hai phần khuyết + Diện tích hình chữ nhật ABCD là bao nhiêu xăng – ti -mét vuông? + Diện tích mỗi hình vuông trắng là bao nhiêu xăng – ti -mét vuông? + Muốn tính diện tích bảng mạch ta lấy diện tích hình chữ nhật ABCD trừ đi diện tích những phần nào?	. - HS thực hiện - HS trả lời - HS trả lời - HS trả lời
- Yêu cầu HS thực hiện vào vở	- Hs làm vở
- GV cùng HS nhận xét, chốt đáp án đúng	- HS lắng nghe
- Gv củng cố kĩ năng tính diện tích	
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Nêu yêu cầu bài 4?	- Hs nêu yêu cầu
- GV yêu cầu HS làm SGK	- HS thực hiện làm SGK
- Yêu cầu HS nêu cách làm bài - GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương.	- HS nêu cách làm
- GV củng cố kĩ năng ước lượng đơn vị đo diện tích phù hợp với mỗi bề vật vật đã cho.	

Bài 5:	
- Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu
- Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS làm vào nháp	- Hs nêu yêu cầu - HS thực hiện nháp
-Trình bày cách làm bài - Gv nhận xét, tuyên dương HS	- HS trình bày cách làm
- Gv củng cố kĩ năng đổi đơn vị đo thời gian, thế kỉ.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Đổi? + 9 thế kỉ =....năm + 240 yến = ...kg + 12dm^2 = ...mm^2	- HS trả lời.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 54)

PHÉP CỘNG CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được các phép cộng các số tự nhiên có nhiều chữ số (có nhớ không qua ba lượt và không liên tiếp)

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng học toán 4
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS quan sát tranh, đọc nội	- HS thảo luận nhóm đôi, chia

dung yêu cầu hỏi: + Tranh vẽ gì? + Hại bạn Mai và Rô-bốt đang nói về chuyện gì với nhau?	sẻ. + Tranh vẽ đàn bò sữa, cánh đồng cỏ. + Hai bạn đang nói: " Ngày thứ nhất, trang trại thu được 180510l sữa. Ngày thứ hai, trang trại thu được 210365l sữa. Cả hai ngày, trang trại thu được bao nhiêu lít sữa?
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Hình thành kiến thức:	
- Gv yêu cầu HS thực hiện phép tính để tìm số sữa của trang trại trong hai ngày vào bảng con? - Nêu cách làm	- HS làm bảng con - Hs nêu cách làm
- Đây làm phép cộng gì? - Muốn cộng 2 số có nhiều chữ số ta làm thế nào?	- HS trả lời - HS trả lời
- G đưa phép cộng: 327456+ 190835 = ? - Yêu cầu HS nêu cách làm	- Hs thực hiện bảng con - HS nêu cách làm
- GV nhận xét, tuyên dương HS và chốt : + Khi thực hiện phép cộng này em thấy có gì khác so với phép cộng trước? + Cần lưu ý gì khi thực hiện phép cộng có nhớ?	- HS trả lời
- GV chốt kiến thức về phép cộng có nhiều chữ số dạng có nhớ và không có nhớ.	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- HS nêu
- GV yêu cầu HS làm SGK	- HS thực hiện SGK.
- Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.	- HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp.
- GV yêu cầu HS nêu trình bày bài làm.	- HS trình bày bài làm.
- Chốt KT: Ôn tập về thực hiện phép cộng các số tự nhiên có nhiều chữ số (có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp) - Gv nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	

	- HS đọc.
- Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS thực hiện bảng con	- HS nêu yêu cầu - HS làm bảng con
- GV gọi HS trình bày bài	- HS trình bày bài
- GV củng cố kĩ năng thực hiện các phép cộng các số tự nhiên có nhiều chữ số(có nhớ và không có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp)	
- GV nhận xét, khen ngợi HS.	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì? - Thực hiện yêu cầu vào vở	- HS nêu yêu cầu - HS làm vở
- Gọi HS nêu cách làm. - GV củng cố kĩ năng thực hiện giải toán có liên văn có liên quan đế phép cộng có nhiều chữ số và đổi đơn vị đo độ dài - Nhận xét, tuyên dương HS	- HS nêu cách làm
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
Khoanh tròn vào cách làm đúng 45 872 + 1 379 = ? A: 45 872 + 13 79 = 59 662 B: 45 872 + 1 379 = 46 141 C: 45 872 + 1 379 = 47 251 ? Vì sao sai ? Vì sao đúng ?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 55)

PHÉP CỘNG CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được các phép cộng các số tự nhiên có nhiều chữ số (có nhớ không qua ba lượt và không liên tiếp)

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng học toán 4
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Yêu cầu HS thực hiện bảng con : 398765+ 210873 67859 + 541728 - Nhận xét, tuyên dương HS	- HS làm bảng con
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Hs nêu yêu cầu
- GV yêu cầu HS thực hiện bảng con. - Yêu cầu HS đổi sách kiểm tra - Yêu cầu HS nêu cách làm.	- HS thực hiện bảng con - HS đổi sách kiểm tra - HS nêu
- Gv củng cố kĩ năng thực hiện phép cộng các số tự nhiên có nhiều chữ số (có nhớ không ba lượt và không liên tiếp).	
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Nêu yêu cầu bài 2?	- HS nêu yêu cầu
- Yêu cầu HS làm nháp sau đó đổi chéo. - Yêu cầu HS trình bày bài làm	- HS thực hiện nháp - HS trình bày bài làm
- Yêu cầu HS nêu cách làm. - GV nhận xét, khen ngợi HS	- HS nêu.
- GV củng cố kĩ năng thực hiện phép cộng các số tự nhiên có nhiều chữ số (có nhớ không ba lượt và không liên tiếp) có liên quan đến tiền Việt Nam.	

Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Hs nêu yêu cầu
- Yêu cầu HS thực hiện vào SGK sau đó đổi chéo -Yêu cầu HS trình bày bài làm	- Hs làm SGK - HS trình bày
- GV cùng HS nhận xét, chốt đáp án đúng	
- Gv chốt: Khi thực hiện phép cộng có nhớ em cần lưu ý gì?	-HS trả lời
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Nêu yêu cầu bài 4?	- Hs nêu yêu cầu
- GV yêu cầu HS làm vở	- HS thực hiện làm vở
- Yêu cầu HS nêu cách làm bài - GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương.	- HS nêu cách làm
- GV củng cố kĩ năng thực hiện phép cộng có nhớ (có nhớ không ba lượt và không liên tiếp) các số có nhiều chữ số.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Khi thực hiện phép cộng có nhớ em cần lưu ý gì?	- HS trả lời.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

TUẦN 12

Toán (Tiết 56)

PHÉP TRỪ CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

*Năng lực đặc thù

- Thực hiện được phép trừ các số tự nhiên có nhiều chữ số (có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp)
- Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có đến hai hoặc ba bước tính.

* Năng lực chung

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học thông qua làm các bài tập.
- Phát triển kĩ năng hợp tác và giao tiếp, rèn tính cẩn thận.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu - GV cho HS xem 2 video hát nhảy của thiếu nhi và hỏi: + Đọc số lượt xem của 2 video trên (VD: Video 1: 438 589 Video 2: 235 072) + Video nào có lượt xem nhiều hơn? (Video 1) + Muốn biết video 1 nhiều hơn video 2 bao nhiêu lượt xem ta thực hiện phép tính nào? (Phép trừ: 438 589 - 235 072) + Đây chính là phép trừ các số có nhiều chữ số, cách thực hiện như thế nào, có giống với cách thực hiện phép trừ 5 chữ số không, chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay "Phép trừ các số có nhiều chữ số"	 - HS xem và thực hành theo + HS lần lượt đọc + Video 1 với 438 589 lượt xem - HS suy nghĩ và trả lời - HS suy nghĩ và trả lời
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Hình thành kiến thức:	
- Yêu cầu 1 HS lên bảng thực hiện và nêu cách tính, HS dưới lớp làm ra nháp	- HS thực hiện theo yêu cầu của GV
- Yêu cầu 1 HS nêu lại cách tính	- HS nêu
- GV đưa ra phép tính: 648 390 – 382 547 =?	- HS đọc phép tính
- Yêu cầu 1 HS lên bảng thực hiện và nêu cách tính, HS dưới lớp làm ra nháp	- HS thực hiện theo yêu cầu của GV
- Yêu cầu 1 HS nêu lại cách tính	- HS nêu
- Yêu cầu HS lấy ví dụ về phép tính trừ các số có nhiều chữ số. - Gọi 2 HS trình bày	- HS thực hiện
- Muốn thực hiện phép trừ các số có nhiều chữ số ta làm theo mấy bước? + B1: Đặt tính + B2: Tính (theo thứ tự từ phải sang	- Nối tiếp HS nêu.

trái)	
- Khi thực hiện phép trừ có nhớ em cần lưu ý gì? (Lưu ý giả số nhớ về hàng tiếp theo của số bị trừ để thực hiện tính)	- HS nêu
- GV tuyên dương, khen ngợi HS.	
3. Luyện tập, thực hành	
Bài 1 - Gọi HS đọc yêu cầu	- HS đọc
- Bài yêu cầu làm gì?	- Đặt tính rồi tính
- GV yêu cầu HS làm vào vở, 3 HS lên bảng thực hiện	- HS thực hiện
- Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.	- HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp
- GV hỏi: + Nêu cách thực hiện phép trừ các số có nhiều chữ số. + Cần lưu ý gì khi thực hiện phép trừ có nhớ?	- HS trả lời
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2 - Gọi HS đọc yêu cầu	- HS đọc
- Bài yêu cầu làm gì? (Khi bay trong 5 phút, muỗi đập cánh nhiều hơn ong bao nhiêu lần?)	- HS nêu
- GV hỏi: + Khi bay trong 5 phút, muỗi đập cánh khoảng bao nhiêu lần? (180 000 lần) + Khi bay trong 5 phút, ong đập cánh khoảng bao nhiêu lần? (60 000 lần) + Để tính khi bay trong 5 phút, muỗi đập cánh nhiều hơn ong bao nhiêu lần, ta làm thế nào? (180 000 - 60 000 =?)	- HS trả lời
- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi ghi phép tính của bài toán	- HS thực hiện theo nhóm đôi
- Gọi đại diện các nhóm trình bày	- HS trình bày
- GV khen ngợi HS	
Bài 3 - Gọi HS đọc yêu cầu	- HS đọc
- GV cho HS phân tích bài toán theo quy trình: + Bài toán cho biết gì?	- HS nêu

(Khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu xanh có 240 373 *l*. Khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu hồng có 25 350 *l*.)	
+ Bài toán hỏi gì? (Hỏi khoang chứa nhiên liệu của máy bay nào có nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu lít?)	- HS nêu
+ Khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu nào nhiều hơn? Vì sao? (màu xanh vì 240 373 *l* > 25 350 *l*)	- HS trả lời
+ Làm thế nào để tính khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu xanh nhiều hơn khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu hồng bao nhiêu lít? (Phép trừ 240 373 - 25 350)	- HS trả lời
- GV tổ chức cho HS làm bài cá nhân vào vở. - GV quan sát, hỗ trợ.	- HS làm bài vào vở
- Gọi HS chia sẻ bài Bài giải Khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu xanh nhiều hơn khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu hồng số lít là: 240 373 - 25 350 = 215 023 (*lít*) Đáp số: 215 023 *l*	- 2 HS chia sẻ bài, các HS khác nhận xét
- GV nhận xét, chốt đáp án.	
4. Vận dụng, trải nghiệm	
- Nêu cách thực hiện phép trừ các số có nhiều chữ số. - Cần lưu ý gì khi thực hiện phép trừ có nhớ?	- HS nêu
- Nhận xét tiết học.	- Lắng nghe
- Chuẩn bị bài sau: Luyện tập	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 57)

LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

*Năng lực đặc thù
- Thực hiện được phép trừ các số tự nhiên có nhiều chữ số (có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp)
- Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có đến hai hoặc ba bước tính.
* Năng lực chung
- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học thông qua làm các bài tập.
- Phát triển kĩ năng hợp tác và giao tiếp, rèn tính cẩn thận.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu - Nêu cách thực hiện phép trừ các số có nhiều chữ số.	- HS trả lời
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành	
Bài 1 - Gọi HS đọc yêu cầu	- HS đọc
- Bài yêu cầu làm gì? (Điền số)	- HS trả lời
- Bảng gồm mấy cột, mấy hàng? (3 hàng: Hàng 1: Số bị trừ, Hàng 2: Số trừ, Hàng 3: Hiệu. 5 cột)	- HS trả lời
- Muốn tìm hiệu ta làm thế nào? (Lấy số bị trừ trừ đi hiệu)	- HS trả lời
- Muốn tìm số bị trừ ta làm thế nào? (Lấy hiệu cộng với số trừ)	- HS trả lời
- Muốn tìm số trừ ta làm thế nòa? (Lấy số bị trừ trừ đi hiệu)	- HS trả lời
- Yêu cầu HS làm vào bảng	- HS thực hiện
- Gọi HS chia sẻ bài	- 4 HS nêu kết quả và cách làm, lớp theo dõi nhận xét
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2 - Gọi HS đọc yêu cầu	- HS đọc
- Bài yêu cầu làm gì?	- Tìm chữ số thích hợp
- Yêu cầu HS làm bài theo nhóm đôi *Lưu ý HS tìm các chữ số theo thứ tự từ phải sang trái, cần nhớ để tìm ra chữ số đúng.	- HS thực hiện theo nhóm đôi

- Yêu cầu HS nêu cách làm.	- 2 HS lên bảng, lớp theo dõi nhận xét
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 3 - Gọi HS đọc yêu cầu	- HS đọc
- GV cho HS phân tích bài toán theo quy trình: + Bài toán cho biết gì? (Tiền vé của cả bốn bạn Mai, Nam, Việt và Rô-bốt là 320 000 đồng, tiền vé của Mi là 50 000 đồng. Rô-bốt đưa tờ tiền 500 000 đồng cho người bán vé.)	- HS nêu
+ Bài toán hỏi gì? (Hỏi người bán vé phải trả lại Rô-bốt bao nhiêu tiền?)	- HS nêu
+ Làm thế nào để tính người bán vé phải trả lại Rô-bốt bao nhiêu tiền? (B1: Tính tiền vé của 5 bạn. B2: Tính số tiền người bán vé phải trả lại Rô-bốt = Tiền Rô-bốt đưa người bán vé (500 000) - Tiền vé của 5 bạn	- HS trả lời
- GV tổ chức cho HS làm bài cá nhân vào vở. - GV quan sát, hỗ trợ.	- HS làm bài vào vở
- Gọi HS chia sẻ bài Bài giải Tổng số tiền vé của 5 bạn là: 320 000 + 50 000 = 370 000 (đồng) Người bán vé phải trả lại Rô-bốt số tiền là: 500 000 – 370 000 = 130 000 (đồng) Đáp số: 130 000 đồng	- 1 HS chia sẻ bài, các HS khác nhận xét
- Ngoài cách trình bày trên em còn cách trình bày khác của bài toán không? (Làm gộp thành 1 phép tính: 500 000 – (320 000 + 50 000) = 130 000 (đồng)	- HS trả lời
- GV nhận xét, chốt đáp án.	
Bài 4 - Gọi HS đọc yêu cầu	- HS đọc
- Bài cho biết gì? (Rô-bốt viết số 2 130 574 lên bảng.	- HS nêu

Xóa đi một chữu số bất kì để thu được số có sáu chữ số)	
- Bài yêu cầu gì? (a) Tìm số lớn nhất, số bé nhất có thể nhận được sau khi xóa. b) Tìm hiệu của số lớn nhất và số bé nhất tìm được ở phần a)	- HS nêu
- GV yêu cầu làm việc theo cặp, thực hiện yêu cầu bài. - GV quan sát, hỗ trợ.	- HS thảo luận theo cặp.
- Gọi HS chia sẻ bài a) Số lớn nhất có thể nhận được sau khi xóa là 230 574. Số bé nhất có thể nhận được sau khi xóa là 130 574. b) 230 574 - 130 574 = 100 000	- 1 HS chia sẻ bài, các HS khác nhận xét
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương.	
3. Vận dụng, trải nghiệm	
- Nêu cách thực hiện phép trừ các số có nhiều chữ số. - Cần lưu ý gì khi thực hiện phép trừ có nhớ?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	- Lắng nghe
- Chuẩn bị bài sau: Tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Toán (Tiết 58)

TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**Năng lực đặc thù

- Nhận biết tính chất giao hoán của phép cộng, hiểu được rằng khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi.
- Áp dụng được tính chất giao hoán để thực hiện phép tính một cách thuận tiện.

* Năng lực chung

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học thông qua làm các bài tập.
- Phát triển kĩ năng hợp tác và giao tiếp, rèn tính cẩn thận.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu - Quan sát tranh minh họa và cho biết có mấy nhân vật trong tranh? (Có 4 nhân vật: Mi, mẹ của Mi, cô bán hàng và Mai) - GV cho HS đóng vai theo tình huống trong sách giáo khoa - Tại sao Mi lại nói "Con nghĩ là cũng thế ạ.". Vậy nếu Mi mua 1 cái bánh và 1 cốc nước cam thì phải trả bao nhiêu tiền? (15 000 + 20 000 = 35 000 (đồng)) + Mai mua 1 cốc nước cam và 1 cái bánh thì phải trả cô bán hàng 35 000 đồng, Mi mua 1 cái bánh và 1 cốc nước cam thì cũng phải trả cô bán hàng 35 000 đồng. Giá tiền mà 2 bạn phải trả là không đổi, là như nhau, đây là tính chất giao hoán của phép cộng. Vậy tính chất giao hoán của phép cộng được phát biểu thế nào, chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay.	- HS nêu - HS đóng vai
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Hình thành kiến thức:	
a) Hỏi: + 1 cốc nước cam có giá bao nhiêu? (20 000 đồng) + 1 cái bánh có giá bao nhiêu? (15 000 đồng) + Mai mua 1 cốc nước cam và 1 cái bánh thì phải trả bao nhiêu tiền? (20 000 + 15 000 = 35 000 (đồng)) + Nếu Mi mua 1 cái bánh và 1 cốc nước cam thì phải trả bao nhiêu tiền? (15 000 + 20 000 = 35 000 (đồng))	- HS trả lời các câu hỏi
- So sánh kết quả của hai phép tính trên (Bằng nhau: 20 000 + 15 000 = 15 000 + 20 000)	- HS thực hiện theo yêu cầu của GV
b) GV chiếu bảng và phát phiếu học tập - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu	- HS quan sát - HS thực hiện theo yêu cầu của GV

- Gọi các nhóm chia sẻ	- Các nhóm đọc kết quả
- Yêu cầu HS so sánh giá trị của biểu thức a + b và b + a trong từng trường hợp (Bằng nhau)	- HS thực hiện
- GV kết luận: Giá trị của biểu thức a + b và b + a bằng nhau, ta viết: a + b = b + a Đây chính là tính chất giao hoán của phép cộng. Phát biểu như sau: Khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng không đổi.	- HS lắng nghe
- Yêu cầu HS đọc lại tính chất	- HS nối tiếp đọc
3. Luyện tập, thực hành	
Bài 1 - Gọi HS đọc yêu cầu	- HS đọc
- Bài yêu cầu làm gì? (Điền số)	- HS nêu
- GV yêu cầu HS làm vào vở, 3 HS lên bảng thực hiện	- HS thực hiện
- Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.	- HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp
- GV hỏi: + Vì sao lại điền 729 là kết quả của phép tính 279 + 450? (Áp dụng tính chất giao hoán của phép cộng: 450 + 279 = 729 thì 279 + 450 = 729) + Phát biểu tính chất giao hoán của phép cộng	- HS trả lời
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2 - Gọi HS đọc yêu cầu	- HS đọc
- Bài yêu cầu làm gì? (Những thanh nào có độ dài bằng nhau)	- HS nêu
- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi	- HS thực hiện theo nhóm đôi
- Gọi đại diện các nhóm trình bày và giải thích tại sao các thanh đó có độ dài bằng nhau	- HS trình bày
- GV khen ngợi HS	
Bài 3 - Gọi HS đọc yêu cầu	- HS đọc

- Bài yêu cầu làm gì? (Tính bằng cách thuận tiện nhất (theo mẫu))	- HS nêu
- Yêu cầu HS thực hiện ra nháp: Tính: 30 + 89 + 70 =? (C1: 30 + 89 + 70 = 119 + 70 = 189 C2: 30 + 89 + 70 = 30 + 70 + 89 = 100 + 89 = 189)	- HS theo dõi và thực hiện
- Cách thực hiện nào nhanh hơn? (Cách 2)	- HS trả lời
- Giới thiệu cách 2 là cách thực hiện tính bằng cách thuận tiện nhất.	- HS lắng nghe
30 + 89 + 70 = 30 + 70 + 89, ta áp dụng tính chất gì? (giao hoán) Từ đó ta thực hiện tính giá trị của biểu thức được 100 + 89 = 189 Tại sao lại đổi chỗ của số 70? (Vì 30 + 70 = 100 thuận tiện cho việc tính toán)	- HS trả lời
- Để thực hiện tính bằng cách thuận tiện nhất ta làm thế nào? (Áp dụng tính chất giao hoán của phép cộng)	- HS trả lời
- Yêu cầu HS trình bày vào vở	- HS làm vở
- Gọi HS chữa bài	- 4HS trình bày bảng, lớp theo dõi nhận xét
- Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.	- HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp
- GV khen ngợi HS	
4. Vận dụng, trải nghiệm	
- Nêu tính chất giao hoán của phép cộng.	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	- Lắng nghe
- Chuẩn bị bài sau: Tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Toán (Tiết 59)

TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

*Năng lực đặc thù

- Nhận biết tính chất kết hợp của phép cộng, hiểu được rằng khi cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba.
- Áp dụng được tính chất kết hợp cùng tính chất giao hoán để thực hiện phép tính một cách thuận tiện.

* Năng lực chung

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học thông qua làm các bài tập.
- Phát triển kĩ năng hợp tác và giao tiếp, rèn tính cẩn thận.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu - Phát biểu tính chất giao hoán của phép cộng.	- HS nêu
Ngoài tính chất giao hoán, phép cộng còn có tính chất kết hợp. Vậy tính chất kết hợp của phép cộng được phát biểu thế nào, chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay.	- Lắng nghe
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Hình thành kiến thức	
a) - Quan sát tranh minh họa và cho biết có mấy nhân vật trong tranh? (Có 4 nhân vật: Nam, Mai, Rô-bốt, chú phục vụ) - Nêu giá tiền của các cốc nước. (Nước dứa 45 000 đồng; nước nho 75 000 đồng; nước sấu dầm 25 000 đồng) + Chú phục vụ mang ra mấy cốc nước? Loại nào? (3 cốc nước: nước dứa, nước nho, nước sấu dầm) + Bạn Nam đã tính tổng số tiền của 3 cốc nước thế nào? (45 000 + 75 000) + 25 000 = 120 000 + 25 000 = 145 000 + Rô-bốt đã tính tổng số tiền của 3 cốc nước thế nào? 45 000 + (75 000 + 25 000) = 45 000 + 100 000 = 145 000	- HS trả lời các câu hỏi

+ Nêu sự khác nhau của hai cách làm của hai bạn + Kết quả nhận được có khác nhau hay không? (Giống nhau)	
b) GV chiếu bảng và phát phiếu học tập - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu	- HS quan sát - HS thực hiện theo yêu cầu của GV
- Gọi các nhóm chia sẻ	- Các nhóm đọc kết quả
- Yêu cầu HS so sánh giá trị của biểu thức (a + b) + c và a + (b + c) trong từng trường hợp (Bằng nhau)	- HS thực hiện
- GV kết luận: Giá trị của biểu thức (a + b) + c và a + (b + c) bằng nhau, ta viết: (a + b) + c = a + (b + c) Đây chính là tính chất kết hợp của phép cộng. Phát biểu như sau: Khi cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba.	- HS lắng nghe
- Yêu cầu HS đọc lại tính chất	- HS nối tiếp đọc
- Yêu cầu HS quan sát 2 cách tính của ví dụ a, trong 2 cách làm cách làm của bạn nào thuận tiện hơn, nhanh hơn? (Cách của Rô-bốt thuận tiện hơn vì nhóm thành tổng của 2 số là số tròn trăm nghìn, thuận tiện cho việc tính toán)	- HS trả lời câu hỏi
GV: Sử dụng tính chất kết hợp để thực hiện tính giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện nhất.	- HS lắng nghe
3. Luyện tập, thực hành	
Bài 1 - Gọi HS đọc yêu cầu	 - HS đọc
- Bài yêu cầu làm gì? (Tính bằng cách thuận tiện nhất)	- HS nêu
- GV yêu cầu HS làm vào vở, 4 HS lên bảng thực hiện	- HS thực hiện
- Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.	- HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp

a) 68 + 207 + 3 = 68 + (207 + 3) = 68 + 210 = 278	
- GV hỏi: + Để thực hiện tính bằng cách thuận tiện nhất em áp dụng tính chất nào của phép cộng? (Áp dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng) + Khi thực hiện tính bằng cách thuận tiện nhất em cần lưu ý gì? (Thực hiện nhóm các số thành tổng là số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn,....)	- HS trả lời
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2 - Gọi HS đọc yêu cầu	- HS đọc
- Bài yêu cầu làm gì? (Tính giá trị của biểu thức (a + b) + c)	- HS nêu
- GV yêu cầu HS làm vào vở, 1 HS lên bảng thực hiện	- HS thực hiện
- Gọi HS nhận xét (a + b) + c = (1975 + 1991) + 2025 = 3966 + 2025 = 5991	- HS trình bày
- GV hỏi: Ngoài cách này ra còn có cách tính thuận tiện hơn không? (Có (a + b) + c = (1975 + 1991) + 2025 = (1975 + 2025) + 1991 = 4000 + 1991 = 5991	- HS trình bày, nhận xét
- GV khen ngợi HS	
4. Vận dụng, trải nghiệm	
- Nêu tính chất kết hợp của phép cộng.	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	- Lắng nghe
- Chuẩn bị bài sau: Luyện tập	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 60)

LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

*Năng lực đặc thù

- Biết áp dụng được tính chất giao hoán, kết hợp để thực hiện phép tính một cách thuận tiện.
- Nhớ lại được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng.

* Năng lực chung

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học, năng lực mô hình hóa toán học thông qua làm các bài tập.
- Phát triển kĩ năng hợp tác và giao tiếp, rèn tính cẩn thận.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu - Nêu tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng.	- HS nêu
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Luyện tập, thực hành	
Bài 1 - Gọi HS đọc yêu cầu	- HS đọc
- Bài yêu cầu làm gì? (Số)	- HS nêu
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi tìm các số còn thiếu rồi đọc cho nhau nghe.	- HS thực hiện
- Yêu cầu các nhóm trình bày và giải thích tại sao cho số/chữ đó. 746 + 487 = 487 + 746 1975 + 304 = 304 + 1975 a + b + 23 = a + (b + 23) 26 + c + 74 = (26 + b) + c	- HS trình bày
- GV hỏi: Để điền số/chữ thích hợp em áp dụng tính chất gì? Hãy phát biểu tính chất đó. (Tính chất giao hoán của phép cộng)	- HS trả lời
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2 - Gọi HS đọc yêu cầu	- HS đọc
- Bài yêu cầu làm gì? (Tính bằng cách thuận tiện nhất)	- HS nêu
- GV yêu cầu HS làm vào vở, 4 HS lên bảng thực hiện	- HS thực hiện
- Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.	- HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp

12 + 14 + 16 + 18 = (12 + 18) + (14 + 16) = 30 + 30 = 60	
- GV hỏi: + Để thực hiện tính bằng cách thuận tiện nhất em áp dụng tính chất nào của phép cộng? (Áp dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng) + Khi thực hiện tính bằng cách thuận tiện nhất em cần lưu ý gì? (Thực hiện nhóm các số thành tổng là số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn,....)	- HS trả lời
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 3 - Gọi HS đọc yêu cầu	- HS đọc
- Bài yêu cầu làm gì? (Tìm biểu thức phù hợp với mỗi sơ đồ. Tính giá trị của mỗi biểu thức)	- HS nêu
- Yêu cầu HS quan sát 2 sơ đồ nêu sự giống nhau và khác nhau của 2 sơ đồ. (Giống: Đều có a, b, 5 Khác: Sơ đồ 1 có 2 đoạn là a và b + 5 Sơ đồ 2 có 3 đoạn là a; b và 5	- HS nêu
- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi để tìm biểu thức phù hợp với sơ đồ và tính giá trị của biểu thức với a = 15 và b = 7 a + b + 5 = 15 + 7 + 5 = 22 + 5 = 27 a + (b + 5) = 15 + (7 + 5) = 15 + 12 = 27	- Đại diện 2 nhóm trình bày, nhận xét
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 4 - Gọi HS đọc yêu cầu	- HS đọc
- GV cho HS phân tích bài toán theo quy trình: + Bài toán cho biết gì? (Khoảng cách từ nhà Việt đến cổng làng là 182m. Khoảng cách từ cổng làng đến cây cổ thụ là 75m. Khoảng cách từ cây cổ thụ đến nhà Nam là 218m)	- HS nêu
+ Bài toán hỏi gì?	- HS nêu

(Hỏi quãng đường Việt cần đi dài bao nhiêu mét?)	
+ Để tính quãng đường Việt cần đi dài bao nhiêu mét em cần làm thế nào? (Phép cộng 182 + 75 + 218)	- HS trả lời
- GV tổ chức cho HS làm bài cá nhân vào vở. - GV quan sát, hỗ trợ.	- HS làm bài vào vở
- Gọi HS chia sẻ bài Bài giải Quãng đường Việt cần đi dài số mét là: 182 + 75 + 218 = 470 (m) Đáp số: 470 mét	- 2 HS chia sẻ bài, các HS khác nhận xét
- Nêu cách thực hiện phép tính 182 + 75 + 218 (182 + 75 + 218 = 257 + 218 = 475 182 + 75 + 218 = (182 + 218) + 75 = 400 + 75 = 475	- HS nêu
- GV nhận xét, chốt đáp án.	
3. Vận dụng, trải nghiệm	
- Nêu tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng.	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	- Lắng nghe
- Chuẩn bị bài sau: Tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 13

Toán (Tiết 61)

TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết tính chất giao hoán của phép cộng, hiểu được rằng khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi.

- Áp dụng được tính chất giao hoán để thực hiện phép tính một cách thuận tiện.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi: ? Trong tranh có mấy nhân vật? Gồm những ai? (Mai và hai mẹ con Mi). ? Mai muốn mua gì?	- HS trả lời
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Hình thành kiến thức:	
- YC HS nêu giá của 1 cốc nước cam và giá của 1 cái bánh.	- HS trả lời theo thông tin SGK.
- YC HS nêu tổng số tiền mà Mai phải trả cho cô bán hàng.	- HS đưa ra kết quả.
- GV YC HS đọc tình huống của hai mẹ con Mi. - YC HS đóng vai Mi và đưa ra câu trả lời cho mẹ.	- HS đọc. - HS đưa ra phán đoán.
- GV hướng dẫn HS phân tích bảng Trong SGK a | b | a + b | b + a 4 | 3 | 4 + 3 = 7 | 3 + 4 = 7 6 | 9 | 6 + 9 = 15 | 9 + 6 = 15 8 | 5 | 8 + 5 = 13 | 5 + 8 = 13	- HS lắng nghe.
- GV kết luận, YC HS ghi nhớ tính chất giao hoán của phép cộng.	- HS lắng nghe.
3. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Điền số.
- Tổ chức cho HS chơi trò chơi tiếp sức.	- HS chơi trò chơi, đưa ra kết quả.
- GV tuyên bố đội thắng.	- HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS, chốt đáp án 450 + 279 = 729 462 + 7142 = 7604 279 + 450 = 729 56 + 4763 = 4819 7142 + 462 = 7604 4763 + 56 = 4819	- HS lắng nghe.
Bài 2:	

- Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- GV YC HS thảo luận nhóm đôi vận dụng tính chất giao hoán của phép cộng để đưa ra đáp án.	- HS thực hiện yêu cầu.
- Tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời. (Lưu ý mỗi câu trả lời đều phải giải thích vì sao điền số đó).	- HS chia sẻ câu trả lời.
- GV củng cố tính chất giao hoán.	- HS lắng nghe.
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Tính bằng cách thuận tiện (theo mẫu).
- GV hướng dẫn mẫu.	- HS lắng nghe.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS làm bài.
- Yêu cầu HS báo cáo kết quả. a. 30 + 192 + 70 = 30 + 70 + 192 = 100 + 192 = 292 b. 50 + 794 + 50 = 50 + 50 + 794 = 100 + 794 = 894 c. 75 + 219 + 25 = 75 + 25 + 219 = 100 + 219 = 319 d. 725 + 199 + 125 = 725 + 125 + 199 = 850 + 199 = 1049	- HS chia sẻ đáp án.
- GV YC HS nhận xét bài làm của bạn. - GV chốt.	- HS nhận xét. - HS lắng nghe.
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- YC HS làm bài tập sau a. 750 + 19 + 250 b. 125 + 150 + 375	- HS làm bài vào vở toán 2.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Toán (Tiết 62)

TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được tính chất kết hợp của phép cộng, hiểu được rằng khi cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba.
- Áp dụng được tính chất kết hợp để thực hiện phép tính một cách thuận tiện.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV</th><th>Hoạt động của HS</th></tr>
<tr><td>1. Mở đầu:
- GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi:
? Tranh vẽ gì?
? Nêu tình huống trong tranh.</td><td>- HS trả lời</td></tr>
<tr><td>- GV giới thiệu- ghi bài</td><td></td></tr>
<tr><td>2. Hình thành kiến thức:</td><td></td></tr>
<tr><td>- YC HS tính tổng số tiền phải trả theo các cách khác nhau.</td><td>- HS thảo luận nhóm trả lời.</td></tr>
<tr><td>- YC HS chia sẻ các cách thực hiện phép tính 45000 + 75000 + 25000</td><td>- Đại diện nhóm chia sẻ cách thực hiện.</td></tr>
<tr><td>- GV hướng dẫn HS phân tích bảng Trong SGK
<table><tr><th>a</th><th>b</th><th>c</th><th>(a + b) + c</th><th>a + (b + c)</th></tr><tr><td>6</td><td>4</td><td>8</td><td>(6 + 4) + 8 = 10 + 8 = 18</td><td>6 + (4 + 8) = 6 + 12 = 18</td></tr><tr><td>39</td><td>18</td><td>82</td><td>(39 + 18) + 82 = 57 + 82 = 139</td><td>39 + (18 + 82) = 39 + 100 = 139</td></tr></table></td><td>- HS lắng nghe.</td></tr>
<tr><td>- GV kết luận, YC HS ghi nhớ tính kết hợp của phép cộng.</td><td>- HS lắng nghe.</td></tr>
<tr><td>3. Luyện tập, thực hành:</td><td></td></tr>
<tr><td>Bài 1:
- Gọi HS đọc yêu cầu.</td><td>- HS đọc.</td></tr>
<tr><td>- Bài yêu cầu làm gì?</td><td>- Tính bằng cách thuận tiện.</td></tr>
<tr><td>- YC HS làm bài vào vở.</td><td>- HS thực hiện YC của GV.</td></tr>
<tr><td>- GV YC 4 HS lên bảng chữa bài.</td><td>- HS chưa bài.</td></tr>
<tr><td>- Tổ chức cho HS nhận xét.</td><td>- HS nhận xét.</td></tr>
<tr><td>- GV nhận xét chung, tuyên dương HS, chốt đáp án
a. 68 + 207 + 3 = 68 + (207 + 3)</td><td>- HS lắng nghe.</td></tr>
</table>

= 68 + 210 = 278 b. 25 + 159 + 75 = 25 + 75 + 159 = 100 + 159 = 259 c. 1 + 99 + 340 = 100 + 340 = 540 d. 372+290+10+28 = (372 + 28) + (290 + 10) = 400 + 300 = 700	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- GV YC HS thảo luận nhóm đôi vận dụng tính chất kết hợp của phép cộng để đưa ra đáp án.	- HS thực hiện yêu cầu.
- Tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời. (Lưu ý mỗi câu trả lời đều phải YC HS giải thích cách thực hiện).	- HS chia sẻ câu trả lời.
- GV củng cố tính chất giao hoán.	- HS lắng nghe.
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- YC HS làm bài tập sau a. 75 + 19 + 25 + 81 b. 125 + 150 + 350 + 375	- HS làm bài vào vở toán 2.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Toán (Tiết 63)

TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được tính chất giáo hoán và kết hợp của phép cộng, hiểu được rằng khi cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba.
- Áp dụng được tính chất giáo hoán và kết hợp để thực hiện phép tính một cách thuận tiện.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 1.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS trả lời: ? Nêu lại tính chất giao hoán và tính chất kết hợp.	- HS chia sẻ câu trả lời:
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Điền số hoặc chữ thích hợp.
- YC HS thảo luận nhóm đôi.	- HS thực hiện.
- Tổ chức cho HS chia sẻ đáp án.	- Đại diện các nhóm chia sẻ.
- YC HS nhận xét.	- HS nhận xét.
- GV chốt câu trả lời: a. 746 + 487 = 487 + 746 b. 1975 + 304 = 304 + 1975 c. a + b + 23 = a + (b + 23) d. 26 + c + 74 = (26 + 74) + c	- HS trả lời.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Tính bằng cách thuận tiện.
- YC HS làm bài vào vở	- HS thực hiện yêu cầu.
- GV YC HS chia sẻ cách làm.	- HS chia sẻ.
- YC HS nhận xét.	- HS nhận nét.
- GV chốt câu trả lời: a. 92 + 74 + 26 = 92 + 100 = 192 b. 12 + 14 + 16 + 18 = (12 + 18) + (14 + 16) = 30 + 30 = 60 c. 592 + 99 + 208 = 592 + 208 + 99 = 800 + 99 = 899 d. 60 + 187 + 40+13 = (60 + 40) + (187 + 13) = 100 + 200 = 300	- HS trả lời.
- GV khen ngợi HS.	
Bài 3: - YC HS đọc đề bài.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Tìm biểu thức phù hợp và tính giá trị của mỗi biểu thức.
- Tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận.
- Tổ chức cho HS chia sẻ kết quả.	- Đại diện nhóm chia sẻ kết quả.

- Tổ chức cho HS nhận xét.	- HS nhận xét.
- GV nhận xét, chốt đáp án. 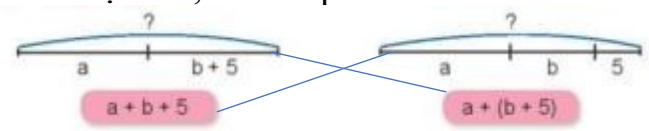 Với a = 15 và b = 7 thì a + b + 5 = 15 + 7 + 5 = 22 + 5 = 27 Với a = 15 và b = 7 thì a + (b + 5) = 15 + (7 +5) = 15 + 12 = 27.	
Bài 4: - YC HS đọc đề bài.	- HS đọc
- YC HS tóm tắt bài toán.	- HS thực hiện.
- YC HS làm bài vào vở.	- HS làm bài.
- Tổ chức cho HS chia sẻ cách làm (có nhiều cách, HS giải thích cách làm).	- HS trả lời.
- GV nhận xét chung, chốt đáp án Cách 1: Quãng đường Việt cần đi dài số mét là: 182 + 75 + 218 = 475 (m) Đáp số: 475m Cách 2: Quãng đường từ nhà Việt đến cây cổ thụ dài số mét là: 182 + 75 = 257 (m) Quãng đường Việt cần đi dài số mét là: 257 + 218 = 475 (m) Đáp số: 475 m	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- YC HS dựa theo bài tập 4 tính quãng đường từ nhà đến trường.	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Toán (Tiết 64)

TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết và giải được bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.
- Vận dụng gải các bài tập và bài toán thực tế liên quan.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi: ? Trong tranh có mấy nhân vật? Gồm những ai? (Mi, Mai và Robot). ? Robot đã đưa ra phương án thế nào?	- HS trả lời
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Hình thành kiến thức:	
- YC HS thảo luận nhóm đôi và thực hiện theo gợi ý của Robot.	- HS thực hiện yêu cầu của GV.
- YC HS chia sẻ cách làm.	- Đại diện nhóm chia sẻ.
- YC thảo luận thêm cách giải khác.	- HS đưa ra cách giải khác.
- GV kết luận, YC HS ghi nhớ cách giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.	- HS lắng nghe và ghi nhớ.
3. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- YC HS làm bài vào vở.	- HS làm bài vào vở.
- GV YC 2 HS lên bảng làm bài.	- 2 HS làm bài.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS, chốt đáp án Bài giải Mẹ đem ra chợ bán số quả trứng gà là: (80 + 10) : 2 = 45 (quả) Mẹ đem ra chợ bán số quả trứng vịt là: 80 – 45 = 35 (quả) Đáp số: trứng gà: 45 quả Trứng vịt: 35 quả. - GV YC HS đối chiếu đáp án và có thể hướng HS giải theo cách khác.	- HS lắng nghe.
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- GV YC HS thảo luận nhóm đôi vận dụng	- HS thực hiện yêu cầu.

tính chất giao hoán của phép cộng để đưa ra đáp án.	
- Tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời.	- HS chia sẻ câu trả lời.
- GV chốt đáp án Bài giải Năm nay Mai có số tuổi là: (15 + 3) : 2 = 9 (tuổi) Năm nay tuổi của em Mi là: 15 – 9 = 6 (tuổi) Đáp số: Mai: 9 tuổi Em Mi: 6 tuổi. - GV nhận xét và chữa một vài bài HS.	- HS lắng nghe.
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- YC HS làm bài tập sau Một lớp học có 45 học sinh, biết số học sinh nam hơn số học sinh nữ là 3 bạn. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh nam? Bao nhiêu học sinh nữ?	- HS làm bài vào vở toán 2.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Toán (Tiết 65)

TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Vận dụng, củng cố cách giải bài toán tím hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó vào giải một số bài toán trong thực tế.
- Củng cố, mở rộng dạng toán ẩn tổng (hiệu).

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 1.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS

1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS trả lời: ? Nêu lại cách giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.	- HS chia sẻ câu trả lời:
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- YC HS thảo luận nhóm đôi.	- HS thực hiện.
- Tổ chức cho HS chia sẻ đáp án.	- Đại diện các nhóm chia sẻ.
- YC HS nhận xét.	- HS nhận xét.
- GV chốt câu trả lời: Bài giải Lớp học võ đó có số bạn nữ là: (40 – 10): 2 = 15 (bạn) Lớp học võ đó có số bạn nam là: 40 – 15 = 25 (bạn) Đáp số: Nam: 25 bạn Nữ: 15 bạn.	- HS trả lời.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS. (HS có thể giải theo cách khác).	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- YC HS làm bài vào vở	- HS thực hiện yêu cầu.
- GV YC HS chia sẻ cách làm.	- HS chia sẻ.
- YC HS nhận xét.	- HS nhận nét.
- GV chốt câu trả lời: Bài giải Nửa chu vi hình chữ nhật là: 40 : 2 = 20 (cm) Chiều dài hình chữ nhật là: (20 + 4) : 2 = 12 (cm) Chiều rộng hình chữ nhật là: 20 – 12 = 8 (cm) Đáp số: chiều dài: 12 cm Chiều rộng: 8 cm	- HS trả lời.
- GV nhắc lại cho HS kiến thức về nửa chu vi.	
Bài 3: - YC HS đọc đề bài.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Tìm biểu thức phù hợp và tính giá trị của mỗi biểu thức.

- Tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận.
- Tổ chức cho HS chia sẻ kết quả.	- Đại diện nhóm chia sẻ kết quả.
- Tổ chức cho HS nhận xét.	- HS nhận xét.
- GV nhận xét, chốt đáp án. Bài giải Đợt thứ nhất có số học sinh tham quan là: (175 + 15): 2 = 95 (học sinh) Đợt thứ hai có số học sinh tham quan là: 175 – 95 = 80 (học sinh) Đáp số: Đợt thứ nhất: 95 học sinh Đợt thứ hai: 80 học sinh	
Bài 4: - YC HS đọc đề bài.	 - HS đọc
- GV hướng dẫn HS phân tích bài. ? Bài cho biết gì? (cho biết tổng và chưa biết hiệu) ? Đề bài yêu cầu tìm hai số thế nào? (hai số lẻ) ? Hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị? (2 đơn vị). ? Vậy hiệu hai số lẻ liên tiếp là bao nhiêu? (là 2).	- HS lắng nghe
- YC HS làm bài vào vở.	- HS làm bài.
- Tổ chức cho HS chia sẻ cách làm (có nhiều cách, HS giải thích cách làm).	- HS trả lời.
- GV nhận xét chung, chốt đáp án Bài giải Số bé là: (20 – 2) : 2 = 9 Số lớn là: 20 – 9 = 11 Đáp số: số lớn: 11, số bé: 9	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- YC HS tính số học sinh nam và nữ của trường mình theo số liệu cô giáo cung cấp.	- HS làm bài.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

TUẦN 14

Toán (Tiết 66)

HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:
- Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc.
* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng học toán, ê ke.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: D C - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi: + Tranh vẽ gì? + Bạn Rô-bốt đang làm gì? + Trong toán học, làm thế nào để nhận biết được hai đường thẳng vuông góc với nhau? (Câu hỏi mở)	- HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ. + Tranh vẽ bạn Rô – bốt, con diều. + Bạn Rô- bốt đang buộc hai thanh tre vuông góc để làm con diều - HS suy ngẫm.
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Hình thành kiến thức:	
- Yêu cầu HS quan sát hình vẽ phần a,b,c SGK/91	- HS quan sát
- G vẽ hình chữ nhật ABCD lên bảng HS nêu đặc điểm các góc? 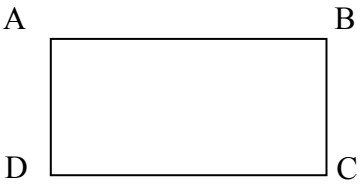 	- HS nêu
- Kéo dài 2 cạnh AB và AD của hình chữ nhật thành 2 đường thẳng	
-> Hai đường thẳng BC và DC vuông góc với nhau - GV kết luận: Kéo dài hai cạnh kề nhau của hình chữ nhật ta được hai đường thẳng vuông góc với nhau.	- HS theo dõi
- G dùng ê - ke vẽ góc vuông đỉnh O cạnh OM, ON rồi kéo dài 2 cạnh -> Ta được 2	- HS trả lời

đường thẳng OM và ON như thế nào? O M	
- GV kết luận: Hai đường thẳng vuông góc tạo thành 4 góc vuông chung đỉnh. Người ta thường dùng ê - ke để kiểm tra hoặc vẽ 2 đường thẳng vuông góc với nhau	- HS lắng nghe.
- Tìm những vật xung quanh có 2 đường thẳng vuông góc?	- Nối tiếp HS nêu.
- GV tuyên dương, khen ngợi HS.	
3. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- HS nêu
- GV yêu cầu HS làm SGK	- HS dùng êke thực hiện kiểm tra vào SGK.
- Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.	- HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp.
- GV yêu cầu HS nêu cách làm	- HS nêu cách kiểm tra.
- Muốn kiểm tra xem 2 đường thẳng có vuông góc với nhau hay không em làm thế nào? - Chốt KT: Củng cố kĩ năng sử dụng ê ke để kiểm tra hai đường thẳng vuông góc hay không vuông góc với nhau - Gv nhận xét chung, tuyên dương HS.	- Hs trả lời
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS thực hiện SGK	- HS nêu yêu cầu - HS dùng ê ke kiểm tra
- GV gọi HS nêu cách làm	- HS nêu cách kiểm tra
- Vì sao em biết những cặp cạnh đó vuông góc với nhau?	- HS trả lời
- GV củng cố kĩ năng sử dụng ê ke để kiểm tra các góc vuông và gọi tên các cặp đoạn thẳng vuông góc với nhau.	
- GV khen ngợi HS.	

Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì? - Thực hiện yêu cầu vào SGK	- HS nêu yêu cầu - HS làm SGK
- Gọi HS nêu cách làm. - Nhận xét, tuyên dương HS	- HS nêu miệng
- GV củng cố kĩ năng nhận biết và kiểm tra hai đường thẳng vuông góc bằng ê ke.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Hai đường thẳng vuông góc với nhau khi nào?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 67)

HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng học toán, ê ke.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Hãy chỉ ra các cặp cạnh vuông góc trong hình sau : 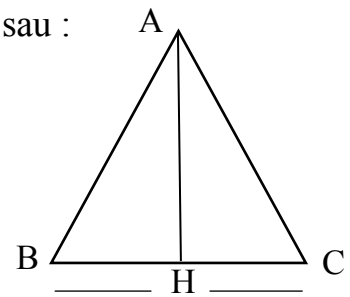 	 - HS trả lời. - Hs quan sát và trả lời.

- Nhận xét, tuyên dương HS	
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Hs nêu yêu cầu
- GV yêu cầu HS quan sát, trả lời.	- HS nêu miệng ví dụ
- Để nhận biết được hai đường thẳng vuông góc em dựa vào đâu? - Gv củng cố kĩ năng nhận biết hai đường thẳng vuông góc trong thực tế.	- HS trả lời
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Nêu yêu cầu bài 2?	- HS nêu yêu cầu
- Yêu cầu HS làm SGK sau đó đổi chéo. - Yêu cầu HS trình bày bài làm	- HS thực hiện SGK - HS trình bày bài làm
- Yêu cầu HS nêu cách làm. - GV nhận xét, khen ngợi HS và chốt đáp án đúng a) AB và AD; DA và DC; b) BA và BC; CB và CD	- HS nêu.
- GV củng cố kĩ năng sử dụng ê ke để kiểm tra hai cạnh vuông góc hay không vuông góc với nhau	- HS lắng nghe.
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Hs nêu yêu cầu
- GV phân tích yêu cầu bài toán: " Việt cần nối ba ống nước với nhau sao cho: ống M vuông góc với ống N, ống N vuông góc với ống P".	- HS theo dõi.
- Yêu cầu HS trình bày các phương án phù hợp?	- Hs nêu
- GV cùng HS nhận xét, chốt đáp án đúng + Phương án A phù hợp vì ống M vuông góc với ống N, ống N vuông góc với ống P. + Phương án B phù hợp vì ống M vuông góc với ống N, ống N vuông góc với ống P. + Phương án C không phù hợp vì ống M không vuông góc với ống N.	- HS lắng nghe

- Vậy chộn phương A hoặc B là phù hợp nhất.	
- Gv củng cố về giải quyết một số vấn đề thực tế liên quan đến các cặp đường thẳng vuông góc với nhau.	
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Nêu yêu cầu bài 4?	- Hs nêu yêu cầu
- GV yêu cầu HS thực hành theo cặp với một tờ giấy: vẽ đường thẳng AB trên tờ giấy rồi tìm đường thẳng vuông góc với đường thẳng AB vừa vẽ.	- HS thảo luận theo cặp thực hiện gấp giấy
- Yêu cầu HS nêu cách làm bài - GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương.	- HS nêu cách làm
- GV củng cố kĩ năng tạo ra hai đường thẳng vuông góc bằng cách gấp giấy.	
Bài 5:	
- Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu
- Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS làm vào nháp	- Hs nêu yêu cầu - HS thực hiện làm nháp
-Trình bày cách làm bài - GV nhận xét và chốt đáp án: Biết thanh nan hoa nối với ca – bin đựng tẩy vuông góc với thanh nan hoa nối với ca – bin đựng gọt bút chì. Như vậy, gọt bút chì có thể được đặt vào ca – bin số 2 hoặc số 6.	- HS trình bày cách làm
- Gv củng cố kĩ năng nhận biết được hai đường thẳng vuông góc.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ? - Hai số chẵn liên tiếp, hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau mấy đơn vị?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 68)

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM
VẼ HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được việc vẽ hai đường thẳng vuông góc bằng thước thẳng và ê ke.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng học toán 4, que tre, que gỗ, dây buộc, giấy báo, bút màu, kéo, keo dán.

- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu trong SGK/94, hỏi: + Lớp 4A sử dụng đồ vật gì để trang trí lớp học? Với các que gỗ đó, các bạn lớp 4A đã làm thế nào để trang trí lớp học chúng ta cùng tìm hiểu dự án " Khung tranh kỉ niệm" nhé.	- HS đọc yêu cầu và trả lời + Sử dụng các que gỗ - HS suy ngẫm.
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- HS nêu yêu cầu
- GV yêu cầu HS quan sát lên bảng và hướng dẫn cách vẽ a)Vẽ đường thẳng CD đi qua điểm H và vuông góc với đường thẳng AB cho trước. 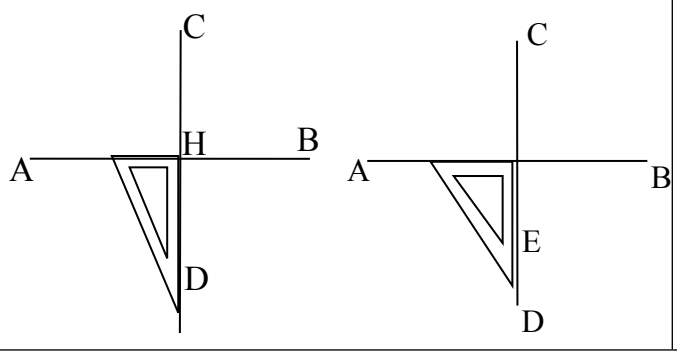	- HS quan sát

Điểm H ở trên đường thẳng AB Điểm H ở ngoài đường thẳng AB (G vừa vẽ vừa hướng dẫn SGK) - GV yêu cầu HS nêu lại các bước thực hiện	- HS nêu lại các bước
- GV yêu cầu HS vẽ hình vào nháp và thực hiện yêu cầu: vẽ đường thẳng HK đi qua điểm M và vuông góc với đường thẳng CD cho trước trong từng trường hợp (điểm M ở trên đường thẳng CD và điểm M ở ngoài đường thẳng CD)	- HS thực hiện yêu cầu vào nháp.
- Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp. - Muốn vẽ 2 đường thẳng có vuông góc với nhau em làm qua mấy bước? - Chốt KT: Củng cố kĩ năng vẽ đường thẳng đi qua một điểm và vuông góc với đường thẳng cho trước. - Gv nhận xét chung, tuyên dương HS.	- HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp. - Hs trả lời
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu gì? - Gv hướng dẫn HS thực hiện các bước hướng dẫn như SGK để tạo khung tranh đơn giản - Gv cho HS xem một số khung tranh với cách trang trí và tạo hình sáng tạo	- HS nêu yêu cầu
- Yêu cầu HS thực hành tạo khung tranh đơn giản từ các que gỗ các cặp đường thẳng vuông góc. - GV gọi HS trình bày sản phẩm	- HS thực hành tạo khung tranh đơn giản - HS trình bày sản phẩm
- Nhận xét, tuyên dương HS làm tốt	
- GV rèn kĩ năng tạo hình khung tranh đơn giản từ que gỗ và các cặp đường thẳng vuông góc cho HS.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Muốn vẽ hai đường thẳng vuông góc với nhau em làm thế nào?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....
.....
.....
.....

Toán (Tiết 69)

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

VẼ HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được việc vẽ hai đường thẳng vuông góc bằng thước thẳng và ê ke.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng học toán 4, que tre, que gỗ, dây buộc, giấy báo, bút màu, kéo, keo dán.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Tiếp nối ý tưởng " Khung tranh kỉ niệm" lớp 4A4 đã lên ý tưởng cho dự án khác nào? - Tiết học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu dự án " Xưởng làm diều" nhé.	- HS đọc yêu cầu và trả lời: dự án " Xưởng làm diều"
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- HS nêu yêu cầu
- GV yêu cầu HS thực hiện vào nháp vẽ đường thẳng CD đi qua điểm H và vuông góc với đường thẳng AB cho trước.	- HS thực hiện yêu cầu vào nháp
- Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp. - Muốn vẽ 2 đường thẳng có vuông góc với nhau em làm qua mấy bước? - Chốt KT: Củng cố kĩ năng vẽ đường thẳng đi qua một điểm và vuông góc với đường	- HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp. - Hs trả lời

thẳng cho trước. - Gv nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu gì?	- HS đọc. - Hs nêu yêu cầu
- Gv hướng dẫn HS thực hiện các bước hướng dẫn như SGK để vẽ bản thiết kế con diều .	- Hs theo dõi
- Yêu cầu HS thực hành tạo khung tranh đơn giản từ các que gỗ các cặp đường thẳng vuông góc. - GV gọi HS trình bày sản phẩm	- HS thực hành tạo bản thiết kế con diều đơn giản - HS trình bày sản phẩm
- Nhận xét, tuyên dương HS làm tốt	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu gì? - Gv hướng dẫn HS sử dụng các vật liệu đã chuẩn bị để làm con diều theo các bước hướng dẫn như trong SGK	- HS đọc yêu c - HS nêu yêu cầu
- Yêu cầu HS thực hành làm con diều từ các vật liệu đã chuẩn bị sẵn. - GV gọi HS trình bày sản phẩm	- HS thực hành làm con diều - HS trình bày sản phẩm
- Nhận xét, tuyên dương HS làm tốt	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Để vẽ hai đường thẳng vuông góc với nhau em thực hiện qua mấy bước?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Toán (Tiết 70)

HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được hai đường thẳng song song.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng học toán 4, ê ke.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi: + Tranh vẽ gì? + Hại bạn Mai và Rô-bốt đang nói về chuyện gì với nhau? + Hai đường thẳng màu đỏ mà Mai nói là hai đường thẳng nào? Chúng có gì đặc biệt?	 - HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ. + Tranh vẽ đường ray tàu hoả và cảnh vật cây cối xung quanh. + Hai bạn đang nói về hai đường thẳng màu đỏ của đường ray tàu hoả không bao giờ cắt nhau. - HS suy ngẫm.
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Hình thành kiến thức:	
- Yêu cầu HS quan sát hình vẽ phần a,b,c SGK/98	- HS quan sát
- G vẽ hình chữ nhật ABCD 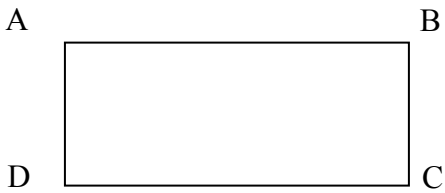 - Kéo dài 2 cạnh AB và DC -> Ta được 2 đường thẳng song song với nhau + Em có nhận xét gì về 2 đường thẳng song song? + Hình chữ nhật ABCD còn có 2 cặp cạnh nào song song với nhau?	- HS theo dõi - HS trả lời - HS trả lời
- GV kết luận: Kéo dài hai cạnh đối diện của hình chữ nhật ta được hai đường thẳng song song với nhau. Hai đường thẳng song song với nhau không bao giờ cắt nhau.	
- Tìm những vật xung quanh có 2 đường thẳng song song với nhau?	- Nối tiếp HS nêu.
- GV tuyên dương, khen ngợi HS.	
3. Luyện tập, thực hành:	

Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- HS nêu
- GV yêu cầu HS làm SGK	- HS thực hiện SGK.
- Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.	- HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp.
- GV yêu cầu HS nêu trình bày bài làm.	- HS trình bày bài làm.
+ Trong hình chữ nhật và hình vuông có mấy cặp cạnh song song với nhau? - Hai đường thẳng song song với nhau có đặc điểm gì? - Chốt KT: Củng cố kĩ năng nhận biết hai đường thẳng song song với nhau (trên hình vuông và hình chữ nhật) - Gv nhận xét chung, tuyên dương HS.	- Hs trả lời - Hs trả lời
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS thực hiện SGK	- HS nêu yêu cầu - HS làm SGK
- GV gọi HS trình bày bài	- HS trình bày bài
- Vì sao em biết những cặp cạnh đó song song với nhau?	- HS trả lời
- GV củng cố kĩ năng kĩ năng nhận biết hai đường thẳng song song với nhau trên hình chữ nhật.	
- GV nhận xét, khen ngợi HS.	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì? - Thực hiện yêu cầu vào SGK	- HS nêu yêu cầu - HS làm SGK
- Gọi HS nêu cách làm. - Nhận xét, tuyên dương HS	- HS nêu miệng
- GV củng cố kĩ năng nhận biết hai đường thẳng song song bằng cách cảm nhận(các đường thẳng song song này không được gắn với hình vuông hay hình chữ nhật).	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nêu đặc điểm của 2 đường thẳng vuông góc, 2 đường thẳng song song?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....
.....
.....
.....

Toán (Tiết 71)

HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được hai đường thẳng song song.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ đồ dùng dạy, học toán 4.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Hãy chỉ ra các cặp cạnh song song trong hình sau. 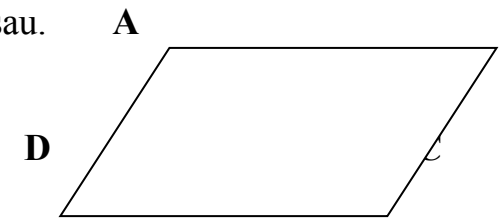 - Nhận xét, tuyên dương HS	- HS trả lời. - Hs quan sát và trả lời.
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Hs nêu yêu cầu
- GV yêu cầu HS quan sát, trả lời.	- HS nêu miệng ví dụ
- Để nhận biết được hai đường thẳng song song em dựa vào đâu? - Gv củng cố kĩ năng nhận biết hai đường thẳng song song trong thực tế.	- HS trả lời
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.

- Nêu yêu cầu bài 2?	- HS nêu yêu cầu
- Yêu cầu HS làm SGK sau đó đổi chéo. - Yêu cầu HS trình bày bài làm	- HS thực hiện SGK - HS trình bày bài làm
- Yêu cầu HS nêu cách làm. - GV nhận xét, khen ngợi HS và chốt đáp án đúng a) Đ; b) S; c) Đ	- HS nêu.
- Nêu đặc điểm của 2 đường thẳng vuông góc, 2 đường thẳng song song? - GV củng cố kĩ năng nhận biết hai đường thẳng song song, vuông góc với nhau trên giấy kẻ ô vuông.	- HS trả lời
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì? - Thực hiện yêu cầu vào SGK	- Hs nêu yêu cầu - HS làm SGK
- Yêu cầu HS trình bày các phương án phù hợp?	- Hs trình bày bài làm
- GV cùng HS nhận xét, chốt đáp án đúng.	- HS lắng nghe
- Gv củng cố kĩ năng nhận biết hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song trong thực tiễn	
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Nêu yêu cầu bài 4?	- Hs nêu yêu cầu
- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh minh hoạ, thảo luận nhóm đôi thực hiện các yêu cầu: +Xác định được vị trí nhà của Rô – bốt. + Xác định được những con đường song song với con đường nhà Rô – bốt để từ đó tìm được ngôi nhà của Mai.	- HS thảo luận theo nhóm thực hiện yêu cầu.
- Yêu cầu HS nêu cách làm bài - GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương.	- HS nêu cách làm
- GV củng cố kĩ năng nhận biết hai đường thẳng song song.	
Bài 5:	
- Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu
- Bài yêu cầu gì? - Yêu cầu HS làm vào SGK	- Hs nêu yêu cầu - HS thực hiện làm SGK
-Trình bày cách làm bài	- HS trình bày cách làm

- GV nhận xét, tuyên dương HS	
- Gv củng cố kĩ năng nhận biết được hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nêu đặc điểm của 2 đường thẳng vuông góc, 2 đường thẳng song song	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

TUẦN 15

Toán (Tiết 71)

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VẼ HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Vẽ được 2 đường thẳng song song bằng thước kẻ và ê - ke.
- Thông qua hoạt động vẽ đường thẳng song song, củng cố lại kĩ năng vẽ đường thẳng vuông góc.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp toán học, sử dụng đồ dùng học tập.

* Phẩm chất: chăm chỉ, cẩn thận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài tập..
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV cho HS tham gia trò chơi " Gà con qua cầu" , hỏi:	- HS tham gia chơi, chia sẻ.
+ Hai đường thẳng nào song song với nhau?	+ Đường thẳng AN và BM.
+Đâu là điểm nằm ngoài đường thẳng AB?	+ Điểm H.

+ Đường thẳng song song có đặc điểm như thế nào ? (Câu hỏi mở)	- HS nêu.
- GV giới thiệu bài, nêu mục tiêu tiết học, ghi tên bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Hoạt động **Bài 1.** - GV chiếu hình ảnh, yêu cầu HS quan sát và trả lời: + Trong tranh có đường thẳng nào, điểm nào ? + Làm thế nào để vẽ 1 đường thẳng song song với AB và đi qua H ? + YC HS thảo luận nhóm đôi tìm cách vẽ 1 đường thẳng song song với AB mà đi qua H. + Gọi 1 – 2 nhóm lên chia sẻ trên bảng lớp. - GV nhận xét. - GV thực hành vẽ từng bước và giảng giải trên bảng lớp. - Gọi HS nhắc lại và thực hành vẽ vào vở.	- HS trả lời. - HS thảo luận. - Đại diện nhóm chia sẻ. - HS nhắc lại
- Yêu cầu HS nêu sự khác biệt của đường thẳng AB ở phần b so với phần a.	- HS trả lời.
- GV yêu cầu HS thực hành vẽ vào vở. 2 HS lên bảng thực hành.	- HS thực hiện vẽ vào vở.
- GV và HS nhận xét.	- HS lắng nghe.
Bài 2. - GV nêu từng bước vẽ. Yêu cầu HS vẽ vào vở. + Bước 1: Vẽ vạch xuất phát là đoạn thẳng MN dài 2 cm. Vẽ trung điểm H của đoạn thẳng MN. + Bước 2: Vẽ đoạn thẳng MP vuông góc với đoạn thẳng MN MP = 10 cm. + Bước 3: Vẽ các đoạn thẳng HK, NQ song song với đoạn thẳng MP: HK = NQ = 10 cm. + Bước 4: Nối điểm P với điểm Q ta được vạch đích. + Bước 5: Chú thích khu vực XUẤT	

PHÁT, khu vực ĐÍCH và đánh số đường chạy.	
- Yêu cầu HS lên bảng chia sẻ về kết quả của mình.	- Nối tiếp HS nêu.
- GV tuyên dương, khen ngợi HS.	
- GV trình chiếu và nêu lại cách vẽ.	- 2-3 HS nêu.
NGHỈ GIẢI LAO	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Vẽ đường chạy trên sân thể dục..
- YC HS kiểm tra lại dụng cụ thực hành của nhóm mình: thước dây, phấn, thanh tre ...	- HS thực hiện.
- Yêu cầu HS tập hợp theo nhóm 6, cầm " bản thiết kế" là bài tập 2 đã hoàn thành ra sân thể dục của trường để vẽ đường chạy.	- HS thực hành vẽ theo nhóm.
- Các nhóm kiểm tra kết quả của nhau.	- HS đánh giá bạn.
- GV nhận xét, khen ngợi.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- YC HS nêu các vật thật, bộ phận của đồ vật trong lớp có dạng song song với nhau. - Mời học sinh lên xếp thành 2 hàng song song với nhau. - Gọi HS nêu lại cách vẽ 2 đường thẳng song song bằng ê – ke và thước kẻ.	- HS nêu. - HS xếp hàng. - HS trả lời.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 72)
HÌNH BÌNH HÀNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được hình bình hành thông qua hình ảnh trực quan.
- Mô tả được đặc điểm của cạnh hình bình hành.
- Thực hiện được việc lắp ghép tạo hình.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ học tập.

* Phẩm chất: chăm chỉ, cẩn thận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu,bộ thẻ tangram...
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV cho HS hát và vận động theo bài hát " Gà gáy": + Bài hát vừa rồi nhắc đến con vật nào? + Làm thế nào để tạo thành được 1 con gà từ bộ đồ dùng nhỉ ? + GV dẫn dắt vào bài mới.	 - HS thực hiện. + HSTL: con gà. + HS nêu dự đoán. - HS nêu.
- GV giới thiệu bài, nêu mục tiêu tiết học, ghi tên bài.	- HS lắng nghe.
2. Hình thành kiến thức mới:	
Khám phá **Bài 1.** - YC HS dùng bộ đồ tangram xếp thành hình con gà từ các hình cơ bản. - Mời một vài nhóm chia sẻ trước lớp. - Dựa trên sản phẩm của HS, GV đặt câu hỏi về các hình cơ bản tương ứng với từng bộ phận trên con gà. - GV hỏi bộ phận của con gà tương ứng với hình bình hành: + Đuôi con gà có dạng hình gì ?	 - HS thực hiện theo nhóm 4. - HS 2 – 3 nhóm chia sẻ. - Nhóm khác nhận xét.
- GV giới thiệu tên hình mới : hình bình hành.	- HS quan sát.
- GV chiếu hình bình hành trên nền vở ô li.	- HS quan sát.
- YC HS chỉ ra các cặp cạnh đối diện. GV nhận xét và nêu lại.	- HS nêu các cặp cạnh đối diện.
- YC HS dùng thước kẻ đo độ dài các cặp cạnh đối diện và so sánh chúng.	- HS thực hiện.
- YC HS nêu đặc điểm nhận biết hình hình hành.	- 2 - 3 HS nêu.
- GV kết luận: Hình bình hành có 2 cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau.	- HS lắng nghe.
- Gọi HS nêu lại.	- HS nêu
NGHỈ GIẢI LAO	

3. Thực hành, luyện tập. ***Hoạt động***	
Bài 1. - Gọi HS đọc đề và nêu yêu cầu của đề.	- HS đọc.
- YC HS xem hình trong SGK và chọn hình.	- HS thực hiện.
- Gọi HS nêu đáp án.	- HS thực hành vẽ theo nhóm.
- Gọi HS nhận xét.	- HS đánh giá bạn.
- GV chốt đáp án: Các hình A,C,E là hình bình hành. YC HS đối chiếu đáp án.	- HS lắng nghe.
- GV khen ngợi HS.	
Bài 2. - Gọi HS đọc đề và nêu yêu cầu của đề.	- HS đọc
- YC HS thảo luận nhóm đôi để tìm đỉnh C bị con vật nào che mất.	- HS thảo luận.
- Gọi đại diện nhóm nêu đáp án. Nhóm khác nhận xét.	- Đại diện nhóm chia sẻ.
- GC chiếu hiệu ứng trình chiếu các con vật dịch chuyển ra khỏi các đỉnh.	- HS lắng nghe.
- GV chốt đáp án: Đỉnh C bị con gà che mất.	
Bài 3. - Gọi HS đọc đề và nêu yêu cầu của đề.	- HS đọc
- GV đặt câu hỏi gợi ý: + Hình ABCD và CDEG là những hình gì ? *(Hình bình hành)* + Hình bình hành có các cặp cạnh có đặc điểm gì ? (*song song và bằng nhau)* + Các cặp cạnh nào song song với nhau ? + Độ dài các cạnh nào bằng nhau ?	- HS trả lời.
- YC HS làm bài tập vào phiếu.	- HS làm phiếu.
- Gọi HS lên bảng chữa bài. HS khác nhận xét.	- 2 – 3 HS lên chữa bài. Mỗi HS 1 phần.
- GV nhận xét, chốt đáp án. + AB//CD//EG, AD//BC, DE // CG + Cạnh AB = CD = EG = 3 dm	- HS lắng nghe.
- Hỏi: Bài tập vừa rồi, chúng ta đã được củng cố kiến thức nào ? (Về đặc điểm hình bình hành, cạnh hình bình hành.)	- HS trả lời.
- GV khen ngợi HS.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi " Ai là	- HS nêu.

triệu phú?” - GV nêu luật chơi, cách chơi. - Gọi HS trả lời các câu hỏi của trò chơi có nội dung nhắc lại đặc điểm của hình bình hành. - GV tổng kết trò chơi.	- HS trả lời câu đố của trò chơi. - HS trả lời.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 73)

HÌNH THOI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được hình thoi thông qua hình ảnh trực quan.
- Mô tả được đặc điểm của cạnh hình thoi.
- Thực hiện được việc lắp ghép tạo hình.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ học tập.

* Phẩm chất: chăm chỉ, cẩn thận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bộ thẻ tangram, phiếu...
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV cho HS hát và vận động theo bài hát “ Chicken dance”: + Tặng cho HS một món quà và đố HS đó là hình gì ? + GV dẫn dắt vào bài mới.	- HS thực hiện. + HS nêu dự đoán.
- GV giới thiệu bài, nêu mục tiêu tiết học, ghi tên bài.	- HS lắng nghe.
2. Hình thành kiến thức mới:	
Khám phá **Bài 1.** - GV đưa 1 chiếc la bàn ra cho HS quan sát. - Đố HS nêu tên đồ vật. - YC HS đoán hình nam châm kim chỉ của	- HS quan sát.

la bàn có dạng hình gì ? - GV mời HS nêu.	- HS nêu.
- GV giới thiệu tên hình mới : hình thoi.	- HS quan sát.
- GV chiếu hình thoi trên nền vở ô li.	- HS quan sát.
- YC HS chỉ ra các cặp cạnh đối diện. GV nhận xét và nêu lại.	- HS nêu các cặp cạnh đối diện.
- YC HS dùng thước kẻ đo độ dài 4 cạnh và so sánh chúng.	- HS thực hiện.
- YC HS nêu đặc điểm nhận biết hình thoi.	- 2 - 3 HS nêu.
- GV kết luận: *Hình thoi có 2 cặp cạnh đối diện song song và 4 cạnh bằng nhau.*	- HS lắng nghe.
- Gọi HS nêu lại.	- HS nêu
NGHỈ GIẢI LAO	
3. Thực hành, luyện tập. ***Hoạt động***	
Bài 1. - Gọi HS đọc đề và nêu yêu cầu của đề.	- HS đọc.
- YC HS xem hình trong SGK và chọn hình.	- HS quan sát.
- Gọi HS nêu đáp án.	- HS nêu.
- Gọi HS nhận xét.	- HS nhận xét.
- GV chốt đáp án: Các hình A,C là hình thoi. YC HS đối chiếu đáp án.	- HS lắng nghe.
- GV khen ngợi HS.	
Bài 2. - Gọi HS đọc đề và nêu yêu cầu của đề.	- HS đọc
- YC HS thảo luận nhóm đôi để tìm quy luật và hình cần điền.	- HS thảo luận.
- Gọi đại diện nhóm nêu đáp án và giải thích quy luật. Nhóm khác nhận xét.	- Đại diện nhóm chia sẻ.
- GV chốt đáp án: Hình còn thiếu là hình thoi màu xanh.	
Bài 3. - Gọi HS đọc đề và nêu yêu cầu của đề.	- HS đọc
- GV đặt câu hỏi gợi ý: + Các cặp cạnh trong hình thoi cần phải như thế nào ? + Độ dài các cạnh thế nào ?	- HS trả lời.
- YC HS làm vào phiếu cá nhân.	- HS làm phiếu.
- Gọi HS lên bảng chữa bài. HS khác nhận	- 2 – 3 HS lên chữa bài. Mỗi

xét.	HS 1 phần.
- GV nhận xét, chốt đáp án. + Nối M với R, R với P. Đáp án đúng là B: Bốn điểm M, N , P, R	- HS lắng nghe.
- Hỏi: Bài tập vừa rồi, chúng ta đã được củng cố kiến thức nào ? (Về đặc điểm hình thoi, cạnh hình thoi)	- HS trả lời.
- GV khen ngợi HS.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi " Gà con qua cầu" - GV nêu luật chơi, cách chơi. - Gọi HS trả lời các câu hỏi của trò chơi có nội dung nhắc lại đặc điểm của hình thoi. - GV tổng kết trò chơi.	- HS nêu. - HS trả lời câu đố của trò chơi. - HS trả lời.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 74)

LUYỆN TẬP (108 – 109)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết một số đặc điểm của hình thoi, từ đó phân biệt được hình thoi với một số hình đã học.

- Thông qua hoạt động vẽ và gấp hình để củng cố kỹ năng nhận dạng hình thoi và thể hiện một số đặc điểm của hình thoi.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, miếng ghép BT2.

- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Nêu đặc điểm của hình thoi?	- HS trả lời: *Hình thoi có hai cặp*

	cạnh đối diện song song và 4 cạnh bằng nhau.
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài toán cho biết điều gì?	- Cho hình thoi ABCD. Hai đường chéo AC và BD của hình thoi cắt nhau tại điểm o
- Bài yêu cầu làm gì?	- Dùng ê ke để kiểm tra xem hai đường chéo có vuông góc với nhau hay không?
- GV yêu cầu HS dùng ê ke để kiểm tra.	- HS thực hiện.
- Gọi 1 Hs lên bảng làm bài	- HS lên kiểm tra và trả lời: Hai đường chéo AC và BD có vuông góc với nhau.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Chọn câu trả lời đúng
a. Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 để trả lời.	- Hs thảo luận
- Yêu cầu HS báo cáo kết quả.	- HS báo cáo. a. Hình B
- Gọi Hs nhận xét	- HS nhận xét
b. Yêu cầu Hs thực hành ghép	b. Hs thực hành ghép, 1 Hs lên bảng làm bài.
- Gọi Hs nhận xét	- HS nhận xét
- GV nhận xét, khen ngợi HS.	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Hãy tìm thêm một số hình ảnh thực tế có dạng hình thoi.
- Yêu cầu Hs thảo luận nhóm 4	- Hs thảo luận
- GV gọi HS nối tiếp trả lời	- HS trả lời: cánh diều, câu đối trang trí, hoa văn chiếu trúc, đồ chơi….
- Gọi Hs nhận xét	- HS nhận xét
- GV nhận xét HS.	- Hs lắng nghe.

Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	 - HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Hãy gấp giấy theo các đường nét đứt như hình dưới đây rồi cắt được một hình thoi.
- GV yêu cầu Hs làm việc cá nhân - Gv đi kiểm tra, giúp đỡ Hs	- HS thực hành gấp, cắt hình thoi.
- Gọi Hs lên trưng bày sản phẩm	- Hs lên bảng
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương Hs.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nêu đặc điểm của hình thoi?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Toán (Tiết 75)

LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết kiểm tra được hai đường thẳng vuông góc hoặc song song với đường thẳng cho trước.
- Biết vẽ đường thẳng đi qua một điểm và song song hoặc vuông góc với đường thẳng cho trước (bằng thước kẻ và ê ke).
- Thông qua hoạt động xếp hình để củng cố kỹ năng nhận dạng hình thoi.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, 4 hình ở BT1.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Nêu đặc điểm của hình thoi?	 - HS trả lời: *Hình thoi có hai cặp*

- Vẽ đoạn thẳng AB song song với đoạn thẳng CD. - Gv nhận xét.	*cạnh đối diện song song và 4 cạnh bằng nhau.* - 1 hs lên bảng làm bài.
- GV giới thiệu - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài toán cho biết điều gì?	- Biết Việt dán hình bình hành sau khi dán hình vuông và trước hình tam giác.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Hỏi hình nào dưới đây là sản phẩm của Việt?
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn, dùng các hình đã chuẩn bị ghép lại để tìm ra sản phẩm của Việt.	- HS thảo luận
- Gọi Hs trả lời	- HS trả lời: sản phẩm của Việt là hình B
- Gọi Hs nhận xét	- Hs nhận xét
- GV nhận xét, tuyên dương HS.	
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Quan sát hình sau, hãy chỉ ra a. Hai đoạn thẳng song song với nhau. b. Hai đoạn thẳng vuông góc với nhau.
a. Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 để trả lời.	- Hs thảo luận
- Yêu cầu HS báo cáo kết quả.	- HS báo cáo. a) Hai đoạn thẳng song song với nhau: EG // HK
- Gọi Hs nhận xét	- HS nhận xét
b. Yêu cầu Hs dùng ê ke để kiểm tra	- Hs làm bài
- Gọi Hs trả lời.	b) Hai đoạn thẳng vuông góc với nhau: EG vuông góc với GH
- Gọi Hs nhận xét	- HS nhận xét
- GV nhận xét, khen ngợi HS.	
Bài 3:	

- Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
a. Bài yêu cầu làm gì?	a) Vẽ đường thẳng AB và điểm H không nằm trên đường thẳng AB (theo mẫu) b) Vẽ đường thẳng CD đi qua điểm H và vuông góc với đường thẳng AB. c) Vẽ đường thẳng EG đi qua điểm H và song song với đường thẳng AB.
- Yêu cầu Hs quan sát mẫu, thực hành vẽ vào vở. 1hs lên bảng làm bài.	- Hs làm bài.
- Gọi Hs nhận xét	- HS nhận xét
- GV nhận xét, khen HS.	- Hs lắng nghe.
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- Lấy các que tính xếp thành hình bên. Di chuyển 2 que tính để được 2 hình thoi.
- GV yêu cầu Hs thảo luận nhóm 2, thực hành làm bài.	- HS thực hành.
- Gọi đại diện nhóm trả lời cách làm	- Hs trả lời.
- Gọi Hs nhận xét.	- Hs nhận xét.

- Gv nhận xét, đánh giá và tuyên dương Hs.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nêu đặc điểm của hình thoi?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

TUẦN 16

Toán (Tiết 76)

LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Củng cố kĩ năng nhận biết các góc đã học; kĩ năng tạo lập hình gắn với một số hình học phẳng đã học.
- Vận dụng vào giải các bài tập, bài toán thực tế,

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, kéo, bút chì, giấy nháp có ôli, que tính.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Tổ chức HS chơi trò chơi: *Ai nhanh, ai đúng.* - Cách thực hiện: GV chia lớp thành 2 đội. Sau khi nêu câu hỏi trong thời gian 10 giây các em ghi nhanh đáp án A, B, C vào bảng con. Kết thúc 3 câu hỏi đội nào t có ít bạn trả lời sai nhất đội đó giành chiến thắng.	- HS lắng nghe. - HS tham gia chơi. + Câu 1: Hai đường thẳng không có điểm chung nếu kéo dài mãi thì chúng cũng không bao giờ cắt nhau gọi là: A. Hai đường thẳng song song. B. Hai đường thẳng vuông góc.

	C. Hai đường thẳng chéo nhau. + Câu 2: Hai đường thẳng cắt nhau và một trong các góc tạo thành là góc vuông gọi là: A. Hai đường thẳng song song. B. Hai đường thẳng vuông góc. C. Hai đường thẳng chéo nhau. + Câu 3: Đồ vật dưới đây có dạng hình gì? 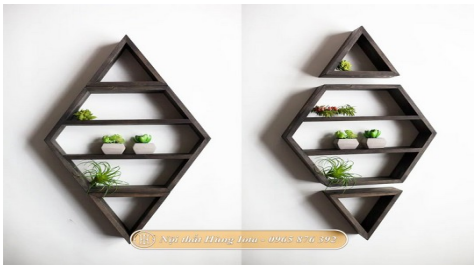 A. Hình vuông B. Hình tam giác C. Hình thoi
-GV nhận xét, tuyên dương.	-HS lắng nghe.
- GV giới thiệu - ghi bài.	- HS theo dõi, ghi bài.
2. Luyện tập, thực hành: **Bài 1:** - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- HS nêu: Điền Đ, S?
- GV yêu cầu HS quan sát, trả lời.	- HS thực hiện. 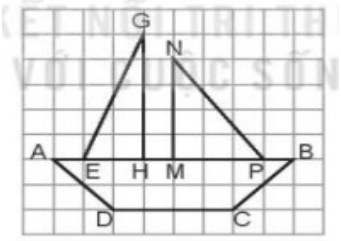 a. Đoạn thẳng MN song song với đoạn thẳng DC ? b. Đoạn thẳng AP song song với đoạn thẳng DC ? c. Đoạn thẳng MN vuông góc với đoạn thẳng NP ? d. Đoạn thẳng GH vuông góc với đoạn thẳng AB ?
- GV tổ chức HS chia sẻ. - GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	- HS trả lời. -HS lắng nghe.

a. *S* vì MN cắt DC. b. *Đ* Vì AP không cắt DC c. *S* Vì MN cắt NP tạo ra 1 góc nhọn. d. *Đ* Vì GH và AB cắt nhau và tạo ra một góc vuông. **Bài 2:**	
- Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì?	- HS đọc. - Dự đoán xem hai đường thẳng song song trong hình bên có cùng độ dài hay không. Kiểm tra bằng cách sử dụng thước kẻ. 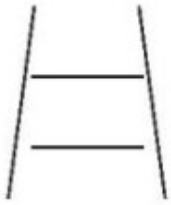
- Yêu cầu HS dự đoán, kiểm tra bằng thước kẻ và chia sẻ. - Yêu cầu HS chia sẻ. - GV củng cố bài tập này là một ảo ảnh thị giác. Khi quan sát ta cảm nhận đoạn thẳng phía trên dài hơn đoạn thẳng phía dưới. Vì: hai đầu đoạn thẳng đó gần với hai đầu đoạn thẳng ở hai bên hơn so với khoảng cách giữa hai đầu đoạn thẳng bên dưới với hai đoạn thẳng ở 2 bên.	- HS thực hiện cá nhân. - HS trả lời. - HS lắng nghe.
Bài 3:	
- Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì?	- HS đọc. -HS nêu: Vẽ một hình bình hành trên giấy kẻ ô vuông như hình dưới đây. Sau đó vẽ một đường thẳng chia hình bình hành đó thành hai phần để cắt và ghép thành một hình chữ nhật. 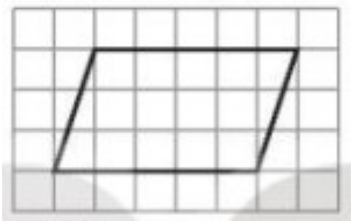
- GV yêu cầu HS thực hành. - GV yêu cầu HS lên bảng thực hiện.	- HS thực hiện cá nhân. - HS thực hiện.

	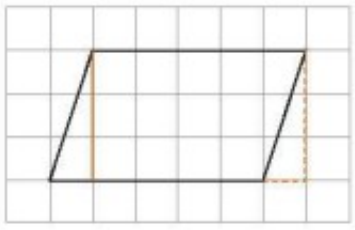
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	- HS lắng nghe.
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì?	- HS đọc. - Lấy que tính xếp thành hình dưới đây. Di chuyển 3 que tính để được 3 hình thoi.
- GV yêu cầu làm việc theo cặp, thực hiện yêu cầu bài.	- HS dùng que tính thực hiện theo cặp.
	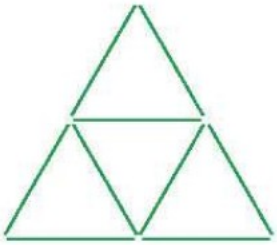
- Yêu cầu các nhóm trình bày. - Dựa vào đâu em làm được như vậy? - GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương. Vì các hình thoi này đều được ghép từ 2 hình tam giác giống nhau.	-Đại diện nhóm trình bày, nhận xét. - HS trả lời. -HS lắng nghe.
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Góc nhọn là góc như thế nào? Góc vuông bằng bao nhiêu độ? Góc tù là góc như thế nào với góc vuông? - Hai hình tam giác giống nhau có thể tạo ra hình gì?	- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.	-HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 77)
LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Củng cố kĩ năng nhận biết hai đường thẳng vuông góc, song song với nhau; tạo lập hình gắn với một số hình phẳng đã học.
- Vận dụng vào giải các bài tập, bài toán thực tế,

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, kéo, bút chì, giấy nháp có ôli, đồng hồ treo tường thật.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Tổ chức HS chơi trò chơi Tiếp sức - Cách thực hiện: GV lần lượt chiếu các góc lên bảng. Nhiệm vụ HS viết tên các góc đó, HS chơi theo nhóm. Nhóm nào xong trước sẽ thắng cuộc.	- HS lắng nghe. - HS tham gia chơi. 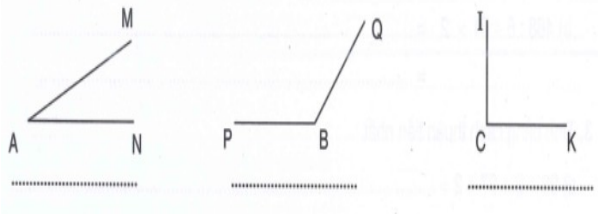
-GV nhận xét, tuyên dương. - GV giới thiệu - ghi bài.	-HS lắng nghe. - HS theo dõi, ghi bài.
2. Luyện tập, thực hành: **Bài 1:** - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - GV yêu cầu HS quan sát, trả lời.	- HS đọc. - Tìm hình thích hợp để đặt vào ô có dấu "?" - HS thực hiện. 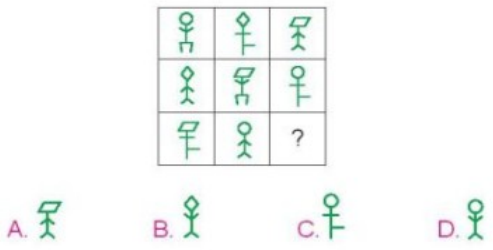
- GV tổ chức HS chia sẻ. - GV nhận xét, kết luận: Đáp án B. Vì ở hàng này nhân vật có đầu dạng hình thoi và hai tay giơ cao. Bài tập được thiết kế dưới dạng trò chơi Sudoko: mỗi dạng đầu, mỗi tư	- HS trả lời. -HS lắng nghe.

thế chỉ xuất hiện một lần trên mỗi hàng và trên mỗi cột. Nên hàng thứ 3 còn thiếu nhân vật có đầu dạng hình thoi và tư thế hai tay giơ cao. **Bài 2:**	
- Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì?	- HS đọc. - Hai đường màu đỏ trong mỗi hình dưới đây có phải là hai đường thẳng song song hay không? 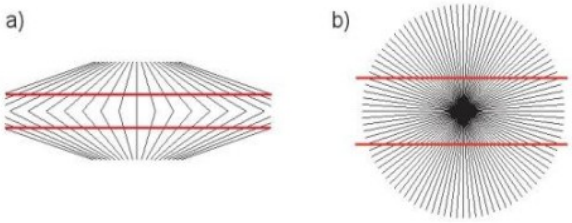
- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi. - Yêu cầu HS chia sẻ. - GV củng cố bài tập: Hai đoạn thẳng đó là hai đường thẳng song song vì chúng không cắt nhau, đây là một ảo ảnh thị giác. Khi quan sát ta cảm nhận hai đường kẻ màu đỏ trong hai hình giống như hai đường cong nhưng thực chất chúng lại là hai đường thẳng và hai đường thẳng này song song với nhau.	- HS thực hiện nhóm đôi. - HS chia sẻ. - HS lắng nghe.
Bài 3:	
- Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì?	- HS đọc. -HS nêu: Quan sát đồng hồ và tìm một giờ khác mà kim giờ và kim phút của đồng hồ cũng vuông góc với nhau.
- GV yêu cầu HS quan sát đồng hồ thật trên bảng(nếu có) hoặc mô hình đồng hình trên máy chiếu. - GV yêu cầu HS lên chỉ. - GV cùng HS nhận xét, kết luận: Đồng hồ chỉ 9 giờ, 3 giờ 30 phút, 9 giờ 30 phút, 6 giờ 15 phút, 6 giờ 45 phút,…Ở các giờ trên kim	- HS quan sát. - HS chỉ trên đồng hồ. - HS lắng nghe.

giờ và kim phút của đồng hồ đều tạo ra một góc vuông. **Bài 4:**	
- Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- a.Vẽ hình vuông ABCD trên giấy kẻ ô vuông và vẽ đoạn thẳng AC (theo mẫu) b. Cắt hình vuông ABCD thành hai phần theo đoạn thẳng AC và ghép hai phần đó thành hình bình hành hoặc hình tam giác. 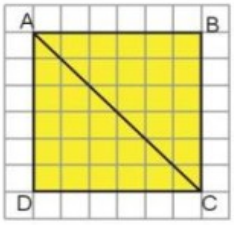
- GV yêu cầu làm việc theo nhóm đôi.	- HS thực hiện. 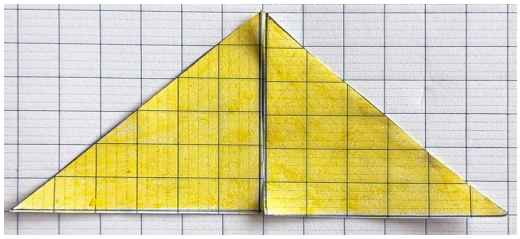
- Yêu cầu các nhóm trình bày.	-Đại diện nhóm trình bày, nhận xét.
- GV có thể yêu cầu HS kiểm tra xem tam giác đó có vuông góc hay không?	- HS thực hiện và chia sẻ kết quả.
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương.	-HS lắng nghe.
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Em hãy tìm góc nhọn, góc tù trên kim đồng hồ?	- HS nêu.
- Từ 1 hình vuông em có thể tạo ra những hình gì?	
- Nhận xét tiết học.	-HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 78)

ÔN TẬP CÁC SỐ LỚP TRIỆU – LUYỆN TẬP (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc được các số; xác định được các chữ số thuộc lớp triệu, lớp nghìn, lớp đơn vị của một số; xác định được giá trị theo vị trí của chữ số trong mỗi số; viết được số thành tổng các triệu, trăm nghìn, chục nghìn, trăm, chục, đơn vị và ngược lại.
- Vận dụng vào giải các bài tập, bài toán thực tế,

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Tổ chức HS chơi trò chơi: *Ai nhanh nhất* - Cách thực hiện: GV chiếu lần lượt 3 câu hỏi, học sinh nào giơ tay nhanh nhất sẽ được trả lời. Sau mỗi lượt trả lời đúng phần thưởng sẽ là 1 tràng vỗ tay của cả lớp.	- HS lắng nghe. - HS tham gia chơi. + Câu 1: Số 1236043 đọc là: A. Một triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi ba. B. Một trăm triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi ba. C. Một trăm hai mươi ba triệu sáu trăm linh bốn. + Câu 2: Số gồm 2 triệu, 3 trăm nghìn, 5 nghìn, 6 trăm, 2 chục được viết là: A. 235620 B. 2305620. B. C. 2350620 + Câu 3: Số liền sau của 34562123 là: A.34562122 B.34562120 C. 34562124
-GV nhận xét, tuyên dương. - GV giới thiệu - ghi bài.	-HS lắng nghe. - HS theo dõi, ghi bài.
2. Luyện tập, thực hành: **Bài 1:**	

- Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - GV yêu cầu HS quan sát, đọc cho nhau nghe. - GV tổ chức HS chia sẻ. - GV nhận xét chung: Hà Giang: Tám trăm năm mươi tư nghìn sáu trăm bảy mươi chín người; Hà Nội: Tám triệu không trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi ba người; Quảng Trị: Sáu trăm ba mươi hai nghìn ba trăm bay mươi lăm người,… tuyên dương HS.	- HS đọc. - Đọc số dân của các tỉnh, thành phố đó. - HS thực hiện. - HS trả lời. -HS lắng nghe.
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - Yêu cầu HS làm bài cá nhân. - Yêu cầu HS chia sẻ. - GV củng cố bài tập: a. Các chữ số 5, 1, 7 b. Các chữ số 9, 0, 6 c. Các chữ số 3, 8, 4 d. Năm trăm mười bảy triệu chín trăm linh sáu nghìn ba trăm tám mươi tư. Mỗi lớp sẽ có ba chữ số, tăng dần từ lớp đơn vị, lớp nghìn đến lớp triệu.	- HS đọc. - HS nêu: Cho số 517 906 384 a. Nêu các chữ số thuộc lớp triệu của số đó. b. Nêu các chữ số thuộc lớp nghìn của số đó. c. Nêu các chữ số thuộc lớp đơn vị của số đó. d. Đọc số đó. - HS thực hiện cá nhân. - HS nêu: - HS lắng nghe.
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - GV HD học sinh nắm mẫu: - GV yêu cầu HS lên bảng thực hiện. - GV nhận xét, chốt lại: 608 292 = 600 000 + 8000 + 200 + 90 + 2	- HS đọc. - HS nêu: a. Viết các số 45 703, 608 292, 815 036, 5 240 601 (theo mẫu). 45 703 = 40 000 + 5000 + 700 + 3 - HS thực hiện bảng con. -HS theo dõi.

815 036 = 800 000 + 10 000 + 30 + 6

5 240 601 = 5 000 000 + 200 000 + 40 000 + 600 + 1

- GV hỏi: Câu b yêu cầu gì?
- HS: Điền số?

- GV tổ chức HS thực hiện câu b bằng miệng.
- HS nêu nối tiếp.

- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.
- HS lắng nghe.

50 000 + 6 000 + 300 + 2 + 7 = 56327

800 000 + 2 000 + 100 + 40 + 5 = 802 145.

3 000 000 + 700 000 + 5 000 + 90 = 3 705 090

Bài 4:

- Gọi HS đọc yêu cầu.
- HS đọc.

- Bài yêu cầu làm gì?
- HS : Điền số?

Số	9 724	46 875	703 410	4 297 603
Giá trị của chữ số 4	4			
Giá trị của chữ số 7	700			

- GV yêu cầu làm việc vào phiếu học tập.
- HS thực hiện vào phiếu.

- Yêu cầu HS trình bày.
-HS trình bày, nhận xét.

- Gv kiểm tra 10 phiếu, nhận xét.
-HS đổi chéo phiếu kiểm tra cho bạn.

Số	9 724	46 875	703 410	4 297 603
Giá trị của chữ số 4	4	40 000	400	4 000 000
Giá trị của chữ số 7	700	70	700 000	7 000

- GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương.
-HS lắng nghe.

Bài 5:

- Gọi HS đọc yêu cầu.
- HS đọc.

- Bài yêu cầu làm gì?
- HS : Đố em! Cho một số có ba chữ số. Khi viết thêm số 2 vào trước số đó thì được số mới có bốn chữ số lớn hơn số đã cho bao nhiêu đơn vị?

- GV nhận xét, kết luận.
-HS lắng nghe.

Khi viết chữ số 2 vào trước số chó ba chữ số thì chữ số 2 ở hàng nghìn, giá trị của nó là 2000.

- GV gợi ý: Khi viết chữ số 2 vào trước số có ba chữ số thì chữ số 2 ở hàng nào? Khi đó giá trị của chữ số 2 là bao nhiêu?
-HS trả lời.

-GV tổ chức HS chia sẻ.
- HS chia sẻ.

- GV nhận xét, đánh giá: Số mới có bốn chữ số lớn hơn số có ba chữ số đã cho là 2 000. **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - Lớp triệu có những hàng nào? Lớp nghìn có những hàng nào? - Em hãy cùng người thân đọc thêm các số từ 4 chữ số trở lên nhé! - Nhận xét tiết học.	-HS lắng nghe. - HS nêu. -HS lắng nghe, thực hiện. -HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 79)

ÔN TẬP CÁC SỐ LỚP TRIỆU – LUYỆN TẬP (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Viết được tổng các triệu, trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị thành số; so sánh được hai số; làm tròn được số có bảy chữ số đến hàng trăm, hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn.
- Giải được các bài toán thực tế liên quan đến so sánh các số đến lớp triệu và tìm số lớn nhất, số bé nhất trong nhóm 4 số.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Tổ chức HS chơi trò chơi: *Ai nhanh, ai đúng.* - Cách thực hiện: GV chia lớp thành 2 đội. Sau khi nêu câu hỏi trong thời gian 10 giây các em ghi nhanh đáp án A, B, C vào bảng con. Kết thúc 3 câu hỏi đội nào t có ít bạn trả lời sai nhất đội đó giành chiến thắng.	- HS lắng nghe. - HS tham gia chơi. + Câu 1: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: 5 324 567…..5324 667 A. > B. < C. = + Câu 2: Số 3 455 080 = ? A. 3 000 000 + 400 000 + 50 000 + 80 B. 3 000 00 + 400 00 + 50 00 + 8 C. 3 000 000 + 400 000 + 50 000 + 8 + Câu 3: Giá trị của chữ số 5 trong số

	456 648 là: A.500 000 B.50 000 C. 5000
-GV nhận xét, tuyên dương. - GV giới thiệu - ghi bài.	-HS lắng nghe. - HS theo dõi, ghi bài.
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1:	
- Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - GV yêu cầu HS làm bảng con. - GV nhận xét chung, tuyên dương HS. a. 98 979 < 701 352 651 410 > 639 837 4 785 696 < 5 460 315 b. 37 020 = 30 000 + 7 000 + 20 200 895 > 200 000 + 900 + 5 8 100 300 > 7 000 000 + 900 000	- HS đọc. - HS: >, <, =? - HS thực hiện. -HS lắng nghe.
Bài 2:	
- Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì?	- HS đọc. - Dựa vào bảng thống kê a. Nước nào có số lượt khách du lịch tới Việt Nam nhiều nhất? Nước nào có số lượt khách du lịch tới Việt Nam ít nhất? b. Số lượt khách du lịch tới Việt Nam của nước Cam – pu – chia ít hơn số lượt khách du lịch của những nước nào trong các nước trên? c. Nêu các chữ số thuộc lớp đơn vị của số đó.

	d. Đọc số đó.
- Yêu cầu HS làm bài cá nhân.	- HS thực hiện cá nhân.
- Yêu cầu HS chia sẻ.	- HS chia sẻ ý kiến.
-GV nhận xét, kết luận: a. Nước có số lượt khách du lịch tới Việt Nam nhiều nhất là Ma – lai – xi - a. Nước có số lượt khách du lịch tới Việt Nam ít nhất là Lào. b. Số lượt khách du lịch đến Việt Nam của nước Cam – pu -chia ít hơn số lượt khách du lịch của các nước: Thái Lan, Ma – lai – xi - a.	
- GV: Vì sao em biết số lượt khách du lịch đến Việt Nam của nước Cam – pu -chia ít hơn số lượt khách du lịch của các nước: Thái Lan, Ma – lai – xi – a?	- HS nêu.
- GV nhận xét, tuyên dương. Vì số 227 900 < 509 800 < 606 200.	-HS lắng nghe.
Bài 3:	
- Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc: Số học sinh cấp Tiểu học trên cả nước tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 8 891 344 học sinh.
- Bài yêu cầu làm gì?	- HS nêu: a. Khi làm tròn số đến hàng trăm: Nam nói : "Số học sinh có khoảng 8 891 400". Việt nói: "Số học sinh có khoảng 8 891 300". Bạn nào nói đúng? b. Xác định các bạn làm tròn số đến hàng nào?
- GV gợi ý: Khi làm tròn số đến hàng trăm ta so sánh chữ số hàng nào với 5?	- HS trả lời.
- GV nhận xét: ta so sánh chữ số hàng trăm với 5.	-HS lắng nghe.
- GV yêu cầu HS chia sẻ.	- HS nêu.
- GV cùng HS nhận xét, kết luận: a. Việt nói đúng vì chữ số hàng trăm của số	- HS lắng nghe.

học sinh là 4 < 5. b. Nam đã làm tròn số học sinh đến hàng trăm nghìn.Mai đã làm tròn số học sinh đến hàng nghìn. Việt đã làm tròn số học sinh đến hàng chục nghìn. Khi muốn làm tròn số đến hàng nào thì ta so sánh chữ số ở hàng đó với 5 sau đó làm tròn lên. **Bài 4:**	
- Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc
- Bài yêu cầu làm gì?	- HS :Trong siêu thị điện máy, cô bán hàng đặt nhầm biển giá tiền của bốn loại máy tinh như sau: Biết máy tính C có giá thấp nhất, Máy tính B có giá thấp hơn máy tính D nhưng cao hợp máy tính A. Em hãy giúp cô bán hàng xác định đúng giá tiền của mỗi máy tính?
- GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi.	- HS thảo luận.
- Yêu cầu các nhóm trình bày.	-Đại diện các nhóm trình bày.
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương. Vì máy tính C có giá thấp nhất, máy tính B thấp hơn D nhưng cao hơn A nên giá tiền của các máy tính sẽ xếp theo thứ tự D, B, A, C. Nên máy tính D: 22 300 000 đồng, máy tính B: 21 900 000 đồng, máy tính A: 18 700 000 đồng, máy tính C: 17 800 000 đồng. Ngoài ra ta có thể dựa vào cách sắp xếp các số ghi trên biển giá tiền nhé.	-HS lắng nghe.
- GV liên hệ: Tùy mục đích sử dụng của mỗi người mà chúng ta sẽ lựa chọn máy tính có giá tiền phù hợp với mình và khi sử dụng các em cần biết giữ gìn cẩn thận nhé.	- HS lắng nghe.

3. Vận dụng, trải nghiệm: - Muốn làm tròn một số ta cần so sánh chữ số ở hàng cần làm tròn với số nào? - Em hãy cùng người thân so sánh các số có từ 4 - 6 chữ số nhé! - Nhận xét tiết học.	- HS nêu. -HS lắng nghe, thực hiện. -HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 80)

ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ - LUYỆN TẬP (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được phép cộng, trừ trong phạm vi lớp nghìn; tính nhẩm được các phép cộng, trừ liên quan đến các số tròn chục nghìn, tròn trăm nghìn; tính được giá trị của biểu thức liên quan tới phép cộng, trừ có và không có dấu ngoặc; tìm được số lớn nhất, số bé nhất trong nhóm 4 số.
- Giải được các bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Tổ chức HS chơi trò chơi: *Ai nhanh, ai đúng.* - Cách thực hiện: GV chia lớp thành 2 đội. Sau khi nêu câu hỏi trong thời gian 10 giây các em ghi nhanh đáp án A, B, C vào bảng con. Kết thúc 3 câu hỏi đội nào t có ít bạn trả lời sai nhất đội đó giành chiến thắng.	- HS lắng nghe. - HS tham gia chơi. + Câu 1: 50 000 + 30 000 = ? A. 80 000 B. 70 000 C. = 90 000 + Câu 2: Số 57 643 505 đọc là: A. Năm mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm linh năm. B. Năm mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm linh lăm. C. Năm mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn năm không năm. + Câu 3: Cho các số: 45 678; 45 786; 46

	578; 46 875 số lớn nhất là: A.45 578 B.46 578 C. 46 875
-GV nhận xét, tuyên dương.	-HS lắng nghe.
- GV giới thiệu - ghi bài.	- HS theo dõi, ghi bài.
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1:	
- Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- HS nêu: tính nhẩm
- GV yêu cầu HS làm cá nhân.	- HS nhẩm.
- GV tổ chức cho HS chơi Truyền điện.	- HS tham gia chơi.
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.	-HS lắng nghe.
a. 70 000 + 60 000 = 130 000 160 000 – 90 000 = 70 000 500 000 + 700 000 = 1 200 000 b. 90 000 + 50 000 – 80 000 = 60 000 150 000 – 70 000 + 40 000 = 120 000 800 000 + 700 000 – 900 000 = 600 000	
Bài 2:	
- Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- HS nêu: Đặt tính rồi tính. 9 658 + 6 290 56 204 + 74 539 14 709 – 5 234 159 570 – 81 625
- Yêu cầu HS làm phiếu học tập.	- HS làm phiếu.
- Yêu cầu HS làm bảng phụ.	- 1 HS làm bảng phụ.
- GV thu chấm 10 phiếu.	- HS còn lại đổi chéo phiếu, kiểm tra cho nhau.
- GV nhận xét, đánh giá. Lưu ý: Khi thực hiện đặt tính các em nhớ đặt các chữ số thẳng hàng và thẳng cột với nhau.	-HS lắng nghe.
Bài 3:	
- Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?	- HS nêu: Biểu thức nào dưới đây có giá trị lớn nhất, biểu thức nào dưới đây có giá trị bé nhất?

- GV gợi ý: Để xác định được biểu thức nào có giá trị lớn nhất hoặc bé nhất ta phải làm như thế nào? - GV nhận xét, chốt lại: Ta phải tính giá trị của các biểu thức rồi so sánh chúng với nhau.	- HS trả lời.
- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân.	- HS nêu nối tiếp.
- GV cùng HS nhận xét, kết luận: A. 90 000 + 30 000 + 5 473 = 120 000 + 5 473 = 125 473 B. 387 568 – (200 000 – 40 000) = 387 568 – 160 000 = 227 568 C.456 250 + 200 000 – 500 000 = 656 250 – 500 000 = 156 250 D.210 000 – 90 000 + 4 975 = 120 000 + 4 975 = 124 975 Vậy biểu thức B có giá trị lớn nhất, biểu thức D có giá trị bé nhất. Khi thực hiện biểu thức có phép cộng và trừ ta cần thực hiện lần lượt từ trái sang phải, đối với biểu thức có chứa dấu ngoặc đơn ta thực hiện phép tính trong dấu ngoặc đơn trước nhé. Và muốn so sánh các số có 6 chữ số ta so sánh lần lượt từ hàng cao tới hàng thấp tức là từ hàng trăm nghìn đến hàng đơn vị. Số nào có chữ số ở hàng nào lớn hơn thì số đó lớn hơn và ngược lại.	- HS lắng nghe.
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS đọc.
- Bài toán cho biết gì?	- Bố mua cho Nam một bộ quần áo đồng phục, đôi giày và đôi tất hết tất cả 314 000 đồng. Trong đó, tổng số tiền của bộ quần áo đồng phục và đôi giày là 306 000 đồng. Biết giá tiền của đôi giày nhiều hơn giá tiền của đôi tất là 107 000 đồng.
- Bài yêu cầu làm gì?	- HS nêu: Tính giá tiền mỗi loại?

- Gv gợi ý: Đầu tiên ta tính giá tiền của vật nào? Từ đó ta tính được giá tiền của vật nào?	-HS chia sẻ:
-GV nhận xét: Đầu tiên ta tính được giá tiền của một đôi tất, sau đó sẽ tính được giá tiền của đôi giày và bộ đồng phục.	-HS lắng nghe.
- Yêu cầu HS làm vở.	- HS làm vở, nêu bài làm.
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương. *Bài giải* Giá tiền của một đôi tất là: 314 000 – 306 000 = 8 000 (đồng) Giá tiền của một đôi giày là: 107 000 + 8 000 = 115 000 (đồng) Giá tiền của một bộ quần áo đồng phục là: 306 000 – 115 000 = 191 000 (đồng) *Đáp số:* Một bộ quần áo đồng phục: 191 000 đồng, một đôi giày: 115 000 đồng, một đôi tất: 8 000 đồng.	-HS lắng nghe.
- GV liên hệ: 314 000 đồng đây là số tiền mà bố mẹ đã bỏ ra để mua những đồ dùng cần thiết cho các bạn đi học ngoài ra còn rất nhiều khoản tiền khác. Vì vậy khi sử dụng các đồ vật này các bạn hãy trân trọng và giữ gìn cẩn thận nhé.	- HS lắng nghe.
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Muốn tính giá trị của 1 biểu thức gồm phép cộng, trừ ta làm như thế nào?	- HS nêu.
- Em hãy vận dụng kiến thức đã học làm thêm các bài tập nhé!	-HS lắng nghe, thực hiện.
- Nhận xét tiết học.	-HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

TUẦN 17

BÀI 34: ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:
- Thực hiện được phép cộng, trừ trong phạm vi lớp triệu.
- Tính nhẩm được các phép cộng, trừ liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn, tròn trăm nghìn, tròn triệu, tròn chục triệu, tròn trăm triệu.
- Biết vận dụng để giải bài toán thực tế liên quan đến tính toán với tiền Việt Nam.
- Tính được giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện.
* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 2.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS thực hiện 2 phép tính về phép cộng, trừ. - GV nhận xét, giới thiệu bài.	- HS làm việc cá nhân.
2. Luyện tập, thực hành: **Bài 1:** - GV cho HS đọc yêu cầu của bài - Cho HS làm việc cá nhân, GV lưu ý HS cách tính nhẩm: lấy triệu, chục triệu làm đơn vị tính.	Bài 1: Tính nhẩm - HS làm cá nhân vào vở a. 8 000 000 + 4 000 000 =12 000 000 60 000 000+50 000 000 =110 000 000 15 000 000 - 9 000 000 =6 000 000 140 000 000-80 000 000 = 60 000 000 b. 6 000 000 + 9 000 000 – 7 000 000 = 8 000 000 130 000 000 – 60 000 000 + 50 000 000 = 120 000 000
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi gọi thuyền.	- HS tham gia chơi.
Bài 2: - GV cho HS nêu yêu cầu của bài - Yêu cầu HS làm việc cá nhân. Lưu ý HS cách đặt tính.	- HS nêu yêu cầu bài 2: Đặt tính rồi tính - HS làm bài - Đáp án: 370528 + 85706 = 456234 251749 – 6052 = 245697 435290 + 208651 = 643941 694851 – 365470 = 329381
- Yêu cầu HS chia sẻ cặp đôi, chia sẻ trước lớp. - Yêu cầu HS nêu cách thực hiện.	- HS chia sẻ cặp đôi - HS trả lời
Bài 3: - Cho HS đọc đề bài. - GV hướng dẫn học sinh phân tích đề:	- HS đọc đề bài

Muốn biết Mai đủ tiền mua ba món đồ nào ta làm thế nào?(Tính tổng giá tiền của ba món đồ có giá tiền theo thứ tự từ thấp nhất? - Cho HS làm bài theo nhóm 4	- HS phân tích đề. - HS làm bài theo nhóm
	Bài giải a. Số tiền mua một đôi dép và một hộp đồ chơi xếp hình là: 70000 + 125000 = 195000 (đồng) Cô bán hàng trả lại Mai số tiền là: 200 000 – 195 000 = 5 000 (đồng) Đáp số: 5 000 đồng b. Ta có: 50 000 + 65 000 + 70 000 = 185 000 bé hơn 200 000. Vậy chọn B
- Cho HS chia sẻ	- HS chia sẻ
Bài 4: - GV cho HS nêu yêu cầu - Để tính được giá trị biểu thức sử dụng tính chất nào của phép cộng? - Trong biểu thức đã cho, hai số nào có tổng là số tròn trăm?	 - HS nêu yêu cầu (Tính bằng cách thuận tiện) - HS trả lời (Tính chất giao hoán và tính chất kết hợp) - HS trả lời
- Cho HS làm bài cặp đôi	- HS làm bài - chia sẻ 16370 + 6090 + 2530 + 4010 = (16370 + 2530) + (6090 +4 010) = 18900 + 10100 = 29000
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Nêu cách thực hiện phép cộng, phép trừ? - Thế nào là tính chất giao hoán? Tính chất kết hợp trong phép cộng? - Nhận xét tiết học.	- HS nêu

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

……

……

BÀI 34: ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được phép cộng, trừ trong phạm vi lớp triệu.
- Tính nhẩm được các phép cộng, trừ liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn, tròn trăm nghìn, tròn triệu, tròn chục triệu, tròn trăm triệu.

- Tính được giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện liên quan đến phép cộng, phép trừ.
- Giải được bài toán thực tế liên quan tới phép cộng, trừ.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 2.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS thực hiện 2 phép tính về phép cộng, trừ. - GV nhận xét, giới thiệu bài.	- HS làm việc cá nhân.
2. Luyện tập, thực hành: **Bài 1:** - GV cho HS đọc yêu cầu của bài - Cho HS nêu lại cách thực hiện	Bài 1: Đặt tính rồi tính - HS nêu (Đặt tính rồi thực hiện tính)
- Cho HS làm việc cá nhân - Gọi HS báo cáo kết quả	- HS làm cá nhân vào vở - HS báo cáo kết quả. 245 489 + 32 601 = 278 090 566 345 – 7 123 = 559 222 760 802 + 239 059 = 999 861 800 693 – 750 148 = 50 545
Bài 2: - GV cho HS nêu yêu cầu của bài - Yêu cầu HS làm việc cá nhân	- Điền Đ, S - HS làm bài
- Yêu cầu HS chia sẻ cặp đôi, chia sẻ trước lớp. - Yêu cầu HS nêu cách thực hiện.	- HS chia sẻ - HS trả lời Đáp án: S - S - Đ
Bài 3: - Cho HS đọc đề bài. - GV hướng dẫn học sinh phân tích đề: *Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?* *Cần tìm gì trước? phải làm phép tính gì?*	- HS nêu yêu cầu. - HS trả lời
- Hướng dẫn HS vẽ sơ đồ - Cho HS làm bài theo nhóm 4	- HS vẽ sơ đồ - HS làm bài theo nhóm
	Bài giải Hai lần độ dài tuyến đường sắt Hà Nội – Đồng Hới là: 791 + 253 = 1 044 (km) Độ dài tuyến đường sắt Hà Nội – Đồng Hới là: 1 044 : 2 = 522 (km)

	Độ dài tuyến đường sắt Đồng Hới – Đà Nẵng là: 522 – 253 = 269 (km) Đáp số: 522km, 269km.
- Cho HS chia sẻ - GV nhận xét.	- HS chia sẻ
Bài 4: - GV cho HS nêu yêu cầu - Để điền được dấu vào ô trống ta phải làm như nào?	- HS nêu yêu cầu (>; < ; =) - HS trả lời
- Hướng dẫn HS cách thực hiện - Cho HS làm bài cặp đôi và chia sẻ	- HS làm bài và chia sẻ. Đáp án: a. > ; b.>
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Nêu cách thực hiện phép cộng, phép trừ? - Thế nào là tính chất giao hoán? Tính chất kết hợp trong phép cộng? - Nhận xét tiết học.	- HS nêu

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

……

……

BÀI 35: ÔN TẬP HÌNH HỌC (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết và viết được tên góc nhọn, góc vuông, góc tù.
- Nhận biết được hình bình hành, hình thoi, cặp đoạn thẳng song song và cặp đoạn thẳng vuông góc.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác, năng lực sử dụng công cụ toán học.

- Phát triển năng lực mô hình hóa, năng lực giải quyết vấn đề.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS thực hiện 2 phép tính về phép cộng, trừ. - GV nhận xét, giới thiệu bài.	- HS làm việc cá nhân.
2. Luyện tập, thực hành:	

Bài 1: - GV cho HS đọc yêu cầu của bài - Cho HS làm việc cặp đôi. - Cho HS chia sẻ - GV nhận xét - GV hỏi: *Em hãy tìm một thời điểm khác nhau trong ngày mà kim giờ và kim phút tạo thành một góc tù?*	Bài 1: Chọn câu trả lời đúng. - HS làm cá nhân vào vở, đổi vở kiểm tra chéo cho nhau - HS chia sẻ. - HS trả lời.
Bài 2: - GV cho HS nêu yêu cầu của bài - Yêu cầu HS làm việc cá nhân. - Yêu cầu HS chia sẻ cặp đôi, chia sẻ trước lớp. - GV yêu cầu HS *giải thích tại sao em biết đó là góc nhọn, góc vuông, góc tù?* *- Em có thể vẽ một hình tứ giác nào có 4 góc tù không?*	- HS nêu yêu cầu - HS làm bài - HS trả lời - HS trả lời
Bài 3: - Cho HS đọc đề bài. - Cho HS thảo luận cặp đôi - Cho HS chia sẻ **Bài 4:** - GV cho HS nêu yêu cầu - Cho HS thảo luận nhóm 4 rồi chia sẻ - GV chữa bài - Kết quả: 5 góc nhọn, 4 góc vuông và 4 góc tù. - Có thể đặt câu hỏi nâng cao về số lượng góc bẹt. (Có 4 góc bẹt)	 - HS đọc yêu cầu - HS thảo luận - HS chia sẻ cặp đôi - HS đọc yêu cầu - HS thảo luận và chia sẻ
3. Vận dụng, trải nghiệm: - GV đưa 1 hình, yêu cầu học sinh xác định số lượng các góc. - Nhận xét tiết học.	- HS nêu

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

……

……

BÀI 35: ÔN TẬP HÌNH HỌC (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết và viết được tên cặp cạnh vuông hoặc không vuông với nhau; nhận biết được hình thoi, cặp cạnh song song của hình thoi.
- Dùng được ê ke để kiểm tra góc vuông.
- Vẽ được đường thẳng đi qua một điểm và song song với đường thẳng cho trước; vẽ được hình chữ nhật, hình thoi trên giấy kẻ ô vuông.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác, năng lực sử dụng công cụ toán học.
- Phát triển năng lực mô hình hóa, năng lực giải quyết vấn đề.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV hỏi: Thế nào là hai cặp cạnh vuông góc với nhau? - GV nhận xét, giới thiệu bài.	- HS trả lời.
2. Luyện tập, thực hành: **Bài 1:** - GV cho HS đọc yêu cầu của bài	- HS đọc yêu cầu.
- Cho HS làm việc cặp đôi. - Cho HS chia sẻ - GV nhận xét	- HS làm cá nhân vào vở, đổi vở kiểm tra chéo cho nhau - HS chia sẻ. Kết quả: *AB và AD, CB và CD là các cặp cạnh vuông góc với nhau ; AB và BC, AD và DC là các cặp cạnh cắt nhau và không vuông góc với nhau.*
Bài 2: - GV cho HS nêu yêu cầu của bài - Yêu cầu HS làm việc cá nhân lần lượt theo thứ tự câu a, xong mới làm tiếp câu b,c.	- HS nêu yêu cầu - HS làm bài
- Yêu cầu HS chia sẻ cặp đôi, chia sẻ trước lớp. - Gv nhận xét các hình vẽ của học sinh	- HS trả lời
Bài 3: - Cho HS đọc đề bài. - Cho HS thảo luận cặp đôi - Cho HS chia sẻ	- HS đọc yêu cầu - HS thảo luận - HS chia sẻ cặp đôi Kết quả: a. Chọn C; b. chọn B
Bài 4: - GV cho HS nêu yêu cầu - Cho HS thảo luận nhóm 4 rồi chia sẻ. Lưu ý HS cách vẽ hình: xác định các	- HS đọc yêu cầu - HS thảo luận và chia sẻ

đỉnh của các hình thoi rồi nối các đỉnh đó. - GV chữa bài, nhận xét các hình vẽ của học sinh và cách tô màu.	
3. Vận dụng, trải nghiệm: - GV đưa giấy màu cho học sinh, yêu cầu HS vẽ trên giấy. - Nhận xét tiết học.	- HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

……

……

BÀI 35: ÔN TẬP HÌNH HỌC (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được hình bình hành, hình thoi.
- Nhận biết được cặp cạnh song song, cặp cạnh góc vuông; nhận biết được đặc điểm các cạnh của hình thoi, hình bình hành;
- Vẽ được góc nhọn, góc tù trên giấy kẻ ô vuông.

* Năng lực chung: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác, năng lực sử dụng công cụ toán học.

- Phát triển năng lực mô hình hóa, năng lực giải quyết vấn đề.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GVhỏi HS: Nêu dấu hiệu nhận biết bình bình hành? Dấu hiệu nhận biết hình thoi? - GV nhận xét, giới thiệu bài.	- HS trả lời.
2. Luyện tập, thực hành: **Bài 1:** - GV cho HS đọc yêu cầu của bài - Cho HS làm việc cặp đôi.	- HS đọc yêu cầu - HS làm cá nhân vào vở, đổi vở kiểm tra chéo cho nhau
- Cho HS chia sẻ, nêu lý do chọn phương án đó.	- HS chia sẻ. - HS trả lời. - Kết quả: a chọn B; b chọn C (hình này là hình chữ nhật nên vừa có cặp cạnh song song vừa có cặp cạnh vuông góc)

- GV nhận xét	
Bài 2: - GV cho HS nêu yêu cầu của bài - Yêu cầu HS làm việc cá nhân. - Yêu cầu HS chia sẻ cặp đôi, chia sẻ trước lớp. - GV yêu cầu HS *nêu đặc điểm của hình bình hành, hình thoi. Nêu số đo của từng cạnh.*	- HS nêu yêu cầu - HS làm bài - HS trả lời
Bài 3: - Cho HS đọc đề bài. - Cho HS thảo luận cặp đôi, đổi vở kiểm tra chữa bài cho nhau. - Cho HS chia sẻ - Gv nhận xét cách hình đã vẽ của học sinh.	- HS đọc yêu cầu - HS thảo luận và chia sẻ
3. Vận dụng, trải nghiệm: * Trò chơi: Lấy que tính - GV nêu mục đích của trò chơi: Củng cố nhận biết hình bình hành, hình thoi. - GV giải thích thuật ngữ, gọi một vài HS chơi thử. - Tổ chức cho HS chơi theo nhóm 4. - Nhận xét đánh giá rút kinh nghiệm. - Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe. - HS chơi thử - HS chơi.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

……

……

Toán (Tiết 86)
Bài 36: ÔN TẬP VỀ ĐO LƯỜNG (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Ôn tập, củng cố các đơn vị đo khối lượng (yến, tạ, tấn, ki-lô-gam).
- Vận dụng giải các bài tập và bài toán thực tế liên quan.

* Năng lực chung: Năng lực ước lượng thông qua các bài toán ước lượng số.
- Năng lực khái quát hoá, giải quyết vấn đề, giao tiếp toán học,...

* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, ti vi, Bộ đồ dùng học Toán 4, Bảng nhóm.

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV cho HS thực hiện yêu cầu sau:	
+ Nêu đặc điểm của hình bình hành ?	- HS thực hiện.
+ Góc nhọn có đặc điểm gì ?	
+ Nêu đặc điểm của góc vuông ?	- HS thực hiện.
- GV nhận xét, giới thiệu bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: Làm việc nhóm đôi.	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu.
- Yêu cầu HS làm bài theo cặp.	- HS làm bài theo nhóm đôi, trao đổi kết quả: a) 1 yến = 10 kg ; 10 kg = 1 yến 1 tạ = 10 yến = 100 kg ; 100 kg = 1 tạ 1 tấn = 10 tạ = 1 000 kg 1 000 kg = 1 tấn b) 2 tạ = 200 kg ; 3 tạ 60 kg = 360 kg; 4 tấn = 40 tạ = 4 000 kg; 1 tấn 7 tạ = 17 tạ
- GV nhận xét, kết luận, chốt lời giải đúng.	
- GV củng cố lại quan hệ của các đơn vị đo khối lượng.	
Bài 2: Làm việc cá nhân	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- 2 HS đọc yêu cầu.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở BT.	- HS làm bài cá nhân vào vở BT, 2 HS lên bảng làm bài. *Kết quả: a) 5 yến + 7 yến = 12 yến;

	43 tấn – 25 tấn = 18 tấn. b) 3 tạ x 5 = 15 tạ ; 15 tạ: 3 = 5 tạ; 15 tạ : 5 = 3 tạ.
- GV nhận xét, kết luận.	
+ Nêu mối quan hệ giữa đơn vị tạ và tấn ?	- HS phát biểu.
Bài 3: Làm việc nhóm.	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài theo nhóm.	- HS làm bài vào bảng nhóm. - HS các nhóm đọc kết quả. *Kết quả: a) 3 kg 250g = 3 250 g; b) 5 tạ 4 yến > 538 kg; c) 2 tấn 2 tạ < 2 220 kg.
- GV mời HS nhận xét, nêu cách làm.	
- GV nhận xét, kết luận.	
- GV củng cố quan hệ giữa đơn vị tấn với ki-lô-gam.	- HS lắng nghe.
Bài 4: Làm việc cá nhân	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu. - HS phân tích BT.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS làm bài vào vở. - 1HS lên bảng chữa bài.
- GV nhận xét, kết luận.	Bài giải a) Đổi: 1 tạ 40 kg = 140 kg Con bò cân nặng là: 140 + 220 = 360 (kg) Con bò và con bê cân nặng là: 140 + 360 500 (kg) b) Con voi cân nặng là: 500 × 2 = 1000 (kg) 1 000 kg = 1 tấn Đáp số: a) 500 kg;

- GV nhận xét, kết luận, yêu cầu HS nhắc lại mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng. **4. Vận dụng, trải nghiệm** - GV tổ chức cho HS thực hiện yêu cầu sau: + Viết số thích hợp vào chỗ chấm: a) 1 yến = ... kg ; 5 yến = ... kg ; 1 yến 7 kg = ... kg 10 yến = ... tạ; 8 yến = ... kg; 5 tấn = ... kg - Nhận xét tiết học. - Về nhà ôn lại bài và chuẩn bị bài sau.	b) 1 tấn. - HS thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 87)

Bài 36: ÔN TẬP VỀ ĐO LƯỜNG (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Ôn tập, củng cố các đơn vị đo đại lượng (diện tích: mm, cm, dm, m; thời gian: giây, phút, năm, thế kỉ), đo góc.
- Vận dụng giải các bài tập và bài toán thực tế liên quan.

* Năng lực chung: Năng lực ước lượng thông qua các bài toán ước lượng số.
- Năng lực khái quát hoá, giải quyết vấn đề, giao tiếp toán học,...
- Giải quyết được các bài tập liên quan.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, ti vi, Phiếu bài tập.

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS

1. Mở đầu:	
- GV cho HS thực hiện yêu cầu sau:	
+ Tính:	- HS thực hiện.
18 yến + 26 yến ; 135 tạ x 4	
846 tạ - 76 tạ ; 512 tấn : 8	
+ Kể tên các đơn vị đo diện tích đã học?	
- GV nhận xét, giới thiệu bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: Làm việc nhóm	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài vào phiếu BT.	- HS làm bài theo nhóm vào phiếu BT.
	- HS đại diện các nhóm đọc kết quả.
	*Kết quả:
- GV nhận xét, mời HS nêu cách làm.	a) 1 cm^2 = 100 mm^2 100 mm^2 = 1 cm^2 1 dm^2 = 100 cm^2 100 cm^2 = 1 dm^2 1 m^2 = 100 dm^2 1 m^2 = 10 000 cm^2 b) 2 cm^2 = 200 mm^2 5 m^2 = 50 000 cm^2 4 dm^2 = 400 cm^2 1 dm^2 6 cm^2 = 106 cm^2 3 m^2 = 300dm^2 = 30 000 cm^2 1 m^2 5dm^2 = 105 dm^2 c) 1 phút = 60 giây 1 thế kỉ = 100 năm 1 phút 30 giây = 90 giây 100 năm = 1 thế kỉ
+ Một đơn vị đo diện tích lớn gấp mấy lần đơn vị đo diện tích nhỏ hơn liền kề?	- HS phát biểu.
Bài 2: Làm việc cá nhân	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.

+ Bài tập yêu cầu gì ? - Yêu cầu HS làm bài cá nhân.	- HS phát biểu. - HS làm bài vào vở, đọc kết quả. - 2 HS lên bảng chữa bài. *Kết quả: a) $20\ mm^2 + 30\ mm^2 = 50\ mm^2$ $36\ cm^2 - 17\ cm^2 = 19\ cm^2$ b) $6\ m^2 \times 4 = 24\ m^2$ $30\ dm^2 : 5 = 6\ dm^2$
- GV nhận xét, kết luận. **Bài 3:** Làm việc cá nhân - GV mời HS đọc yêu cầu. + Bài tập yêu cầu gì ? - Yêu cầu HS làm bài cá nhân.	- HS đọc yêu cầu BT. - HS phát biểu. - HS làm bài vào vở BT rồi chữa. *Kết quả: a) $2\ cm^2\ 50\ mm^2 = 250\ mm$; b) $3\ dm^2\ 90\ cm^2 < 4\ dm^2$; c) $2\ m^2\ 5\ dm^2 < 250\ dm^2$.
- Yêu cầu HS chia sẻ cách làm. - GV nhận xét, kết luận, củng cố quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích, cách chuyển đổi: cm^2 với dm^2 với mm^2 **Bài 4:** Làm việc theo cặp - GV mời HS đọc yêu cầu. + Bài tập yêu cầu gì ?	- HS đọc yêu cầu BT. - HS phát biểu, quan sát hình vẽ SGK. 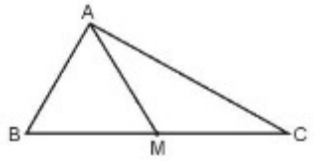
- Yêu cầu HS đo các góc. - GV nhận xét, kết luận: Góc đỉnh B; cạnh BA, BM bằng 60° và góc đỉnh M; cạnh	- HS thực hiện, phát biểu.

MA, MC bằng 120. - GV củng cố về đặc điểm của góc nhọn và góc tù. **Bài 5:** Làm việc cá nhân - GV mời HS đọc yêu cầu. + Bài tập yêu cầu gì ? - Yêu cầu HS làm bài vào vở. - GV và HS nhận xét, chốt lời giải đúng. + Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta làm thế nào ? **3. Vận dụng, trải nghiệm** - GV tổ chức cho HS thực hiện yêu cầu: + Kể tên các đơn vị đo diện tích đã học? Các đơn vị đo diện tích hơn (kém) nhau bao nhiêu lần ? + Nêu cách tính diện tích hình chữ nhật? - Nhận xét tiết học. - Về nhà ôn lại bài và chuẩn bị bài sau.	- HS lắng nghe. - HS đọc yêu cầu BT. - HS phát biểu, phân tích BT. - HS làm bài vào vở. - 1 HS lên bảng chữa bài. *Bài giải:* Chiều rộng mảnh đất hình chữ nhật là: 15 – 6 = 9 (m) Diện tích của mảnh đất đó là: 15 × 9 = 135 (m^2) Đáp số: 135 m^2 - HS phát biểu.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 88)

Bài 37: LUYỆN TẬP (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Ôn tập, củng cố kiến thức về số có nhiều chữ số: đọc, viết số; xếp thứ tự, so sánh số; cộng, trừ các số có nhiều chữ số;
- Vận dụng giải các bài toán.

* Năng lực chung: HS được phát triển năng lực lập luận, giải quyết vấn đề, giao tiếp toán học, hợp tác.
* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, ti vi, Phiếu bài tập.

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV cho HS thực hiện yêu cầu sau:	
+ Đọc số: 123 098 456; 23 900 247	- HS thực hiện.
+ Mỗi số trên có mấy lớp ? Là những lớp nào ? Nêu cách đọc số ?	
- GV nhận xét, giới thiệu bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: Làm việc cá nhân	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài.	- HS suy nghĩ, trình bày kết quả.
	*Kết quả:

Viết số	Đọc số
1 621 149	Một triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn một trăm bốn mươi chín
2 760 053	Hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn không trăm năm mươi ba.
381 005	Ba trăm tám mươi mốt nghìn không trăm linh

	năm

- GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng.
- GV củng cố hàng và lớp, các đọc, viết số có nhiều chữ số.

- HS thực hiện.

Bài 2: Làm việc theo cặp

- GV mời HS đọc yêu cầu.

- HS đọc yêu cầu BT.

+ Bài tập yêu cầu gì ?

- HS phát biểu.

- Yêu cầu HS làm bài vào vở BT.

- HS làm bài + trình bày kết quả.

*Kết quả:

a) Đọc các số sau:

+ 5 343 627 đọc là: Năm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi bảy

Chữ số 7 trong số 5 343 627 thuộc hàng đơn vị, lớp đơn vị.

+ 1 571 210 đọc là: Một triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm mười.

Chữ số 7 trong số 1 571 210 thuộc hàng chục nghìn, lớp nghìn.

+ 2 180 764 đọc là: Hai triệu một trăm tám mươi nghìn bảy trăm sáu mươi tư

Chữ số 7 trong số 2 180 764 thuộc hàng trăm, lớp đơn vị.

+ 7 042 500 đọc là: Bảy triệu không trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm.

Chữ số 7 trong số 7 042 500 thuộc hàng triệu, lớp triệu.

b)

Số đã cho	12 631	1 263 015	41 263	6 314 508	276 310
Giá trị của chữ số 6	600	60 000	60	6 000 000	6 000

- GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng.

+ Số có 7 chữ số hàng cao nhất là

- HS phát biểu.

hàng nào ? Số đó có mấy lớp ? Mỗi lớp có mấy hàng ?	
- GV kết luận: *Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào vị trí của nó trong số đó*.	- HS nhắc lại.
Bài 3: Làm việc cá nhân	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS tự làm bài. - 2 HS lên bảng làm bài. *Kết quả: a) 5 216; 5 612; 6 251; 6 521 b) 21 025; 20 152; 12 509; 9 999
- Yêu cầu HS chia sẻ cách làm.	
- GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng.	
+ Nêu cách so sánh các số có nhiều chữ số ?	- HS phát biểu.
Bài 4: Làm việc nhóm	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài vào bảng nhóm.	- HS làm bài + trình bày kết quả. - HS nhận xét, chia sẻ cách làm.
- GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng.	*Kết quả: $\begin{array}{r} 3\,675 \\ +\ 2\,918 \\ \hline 6\,593 \end{array}$ $\begin{array}{r} 40\,613 \\ +\ 47\,519 \\ \hline 88\,132 \end{array}$ $\begin{array}{r} 7\,641 \\ -\ 2\,815 \\ \hline 4\,826 \end{array}$ $\begin{array}{r} 62\,748 \\ -\ 35\,261 \\ \hline 27\,487 \end{array}$
Bài 5: Làm việc cá nhân	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS làm bài vào vở - 1 HS lên bảng chữa bài.
- GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng.	Bài giải:

	Chiều dài của khu vườn hình chữ nhật là: 45 × 2 = 90 (m) Chu vi của khu vườn hình chữ nhật là: (45 + 90) × 2 = 270 (m) Hàng rào khu vườn đó dài số mét là: 270 – 4 = 266 (m) Đáp số: 266 m
+ Nêu cách tính chu vi hình chữ nhật ? **3. Vận dụng, trải nghiệm** + Nêu cách so sánh các số có nhiều chữ số ? + Nêu cách tính chu vi hình chữ nhật ? - Nhận xét tiết học. - Về nhà ôn lại bài và chuẩn bị bài sau.	- HS thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 89)
Bài 37: LUYỆN TẬP (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Ôn tập, củng cố kiến thức về nhân, chia với (cho) số có một chữ số;
- Vận dụng giải bài toán tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó.

* Năng lực chung: Năng lực tư duy, lập luận toán học, năng lực giao tiếp hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.
* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, ti vi, Phiếu bài tập.

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS

1. Mở đầu:	
- GV cho HS thực hiện yêu cầu sau:	
+ Tính:	- HS thực hiện.
234 098 + 56 023; 90 098 – 23 986	
112 245 x 4; 56 098 : 3	
- GV nhận xét, giới thiệu bài.	
3. Hoạt động Luyện tập, thực hành	
Bài 1: Làm việc cá nhân	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài cá nhân.	- HS tự làm bài + lên bảng chữa bài.
	*Kết quả:
- Yêu cầu HS chia sẻ cách tính.	23 152 × 4 = 92 608 24 185 : 5 = 4 837 (dư 0) 6071 × 2 = 182 5 208 : 4 = 1 302 12 00 08 0
- GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng.	
Bài 2: Làm việc theo cặp	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS thảo luận tìm đáp án đúng.	- HS thảo luận theo cặp. - HS nối tiếp phát biểu.
	*Kết quả:
	a) Đáp án: B
	b) Đáp án: B
- Yêu cầu HS chia sẻ cách làm.	
- GV nhận xét, kết luận, chữa bài	

đúng. - GV củng cố cách chuyển đổi các đơn vị đo khối lượng và đo diện tích. **Bài 3:** Làm việc cá nhân	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS làm bài vào vở. - 1 HS lên bảng làm bài. Bài giải Số học sinh của một lớp học bơi là: 120 : 5 = 24 (học sinh) Số học sinh của một lớp học bóng đá là: 60 : 5 = 12 (học sinh) Số học sinh của một lớp học bơi nhiều hơn số học sinh học bóng đá là: 24 – 12 = 12 (học sinh) Đáp số: 12 học sinh.
- Yêu cầu HS chia sẻ cách làm.	
- GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng. **Bài 4:** Làm việc theo nhóm	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc bảng số liệu, câu hỏi.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài theo nhóm.	- HS thảo luận. - HS đại diện các nhóm trình bày. *Lời giải: + Tổng số huy chương vàng là 65 huy chương - Tổng số huy chương bạc là 62 huy chương - Tổng số huy chương đồng là 56 huy chương + Trong các môn thi đấu, môn bơi có số huy chương vàng nhiều nhất.
- GV nhận xét, kết luận.	
Bài 5: Làm việc cá nhân	

- GV mời HS đọc yêu cầu. + Bài tập yêu cầu gì ? - Yêu cầu HS làm bài vào vở. - GV nhận xét, chốt lời giải đúng. **4. Vận dụng, trải nghiệm** - GV củng cố cách tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó. - GV yêu cầu HS thực hiện yêu cầu: Lớp 4A có 35 học sinh trong đó số học sinh nữ ít hơn học sinh nam 5 học sinh. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh nam ? - Nhận xét tiết học. - Về nhà ôn lại bài và chuẩn bị bài sau.	- HS đọc yêu cầu BT. - HS phát biểu. - HS làm bài vào vở. - 1 HS lên bảng chữa bài. Bài giải: Xe thứ nhất chở được số tạ muối là: (50 + 4) : 2 = 27 (tạ) Xe thứ hai chở được số tạ muối là: 50 – 27 = 23 (tạ) Đáp số: xe 1: 27 tạ muối; xe 2: 23 tạ tạ muối - HS thực hiện. - HS thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Toán (Tiết 90)

Bài 37: LUYỆN TẬP (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Ôn tập, củng cố kiến thức về nhận biết số chẵn, số lẻ; về tính giá trị của biểu thức; so sánh, tính toán trên các số đo đại lượng; giải các bài toán liên quan đến tiền Việt Nam; tính chu vi, diện tích hình chữ nhật; các bài toán tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó.

* Năng lực chung: Năng lực tư duy, lập luận toán học, năng lực giao tiếp hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.
* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, ti vi, Phiếu bài tập.

- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV cho HS thực hiện yêu cầu sau:	
+ Viết số chẵn nhỏ nhất có 1 chữ số, 2 chữ số, 3 chữ số, 4 chữ số?	- HS thực hiện.
+ Kể tên các đơn vị đo diện tích đã học?	
- GV nhận xét, giới thiệu bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1: Làm việc cá nhân	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài cá nhân.	- HS làm bài + trình bày kết quả. *Kết quả: + Chọn B (hai số chẵn là 14 và 1 002).
- Yêu cầu HS chia sẻ cách làm.	
- GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng. + Nêu đặc điểm của dãy số tự nhiên chẵn ? Dãy số tự nhiên lẻ ?	- HS phát biểu.
Bài 2: Làm việc theo cặp	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS làm bài vào vở, đổi chéo kiểm tra.

	- 2 HS lên bảng chữa bài. *Kết quả: 1 m^2 56 dm^2 > 27 dm^2 + 89 dm^2 150 mm^2 x 2 = 3 cm^2 6 tạ + 2 tạ > 75 yến 4 tấn 500 kg = 9 000 kg : 2
- Yêu cầu HS chia sẻ cách làm.	
- GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng.	
+ Các số tự nhiên liên tiếp hơn, kém nhau bao nhiêu đơn vị?	- HS phát biểu.
+ Các đơn vị đo diện tích gấp (kém) nhau bao nhiêu lần ?	- HS phát biểu.
+ Các đơn vị đo khối lượng kém hoặc gấp nhau bao nhiêu lần giữa hai đơn vị đo liền kề ?	
Bài 3: Làm việc cá nhân	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở BT.	- HS làm bài cá nhân vào vở BT.
	- 2 HS lên bảng làm bài. *Kết quả: a) 78 060 : (10 – 7) + 300 045 = 78 060 : 3 + 300 045 = 26 020 + 300 045 = 326 065 b) 26 000 + 9 015 x 6 = 26 000 + 54 090 = 80 090
- Yêu cầu HS chia sẻ cách làm.	
- GV nhận xét, kết luận, chữa bài đúng.	
+ Nêu quy tắc tính giá trị của biểu thức số có dấu ngoặc đơn và không có dấu ngoặc đơn ?	- HS phát biểu.
Bài 4: Làm việc theo cặp	
- GV mời HS đọc yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu BT.
+ Bài tập yêu cầu gì ?	- HS phát biểu.

- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi.	- HS làm bài theo cặp + trình kết quả. - 1 HS lên bảng làm bài. a) - EDGH là hình thoi Đ - LDEK là hình bình hành Đ - KEHI là hình thoi S - Có 2 đoạn thẳng song song với đoạn thẳng DE Đ b) Những đoạn thẳng vuông góc với đoạn thẳng LI là: KE, LD, IH
+ Hình bình hành có đặc điểm gì ? + Hình thoi có đặc điểm gì ? **Bài 5:** Làm việc cá nhân - GV mời HS đọc yêu cầu. + Bài tập yêu cầu gì ? - Yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS đọc yêu cầu BT. - HS phát biểu. - HS phân tích bài toán. - HS làm bài vào vở. - 1 HS lên bảng làm bài. Bài giải: Trong vườn có số cây ổi là: (760 + 40) : 2 = 400 (cây) Trong vườn có số cây chuối là: 760 – 400 = 360 (cây) Đáp số: cây ổi: 400 cây; cây chuối: 360 cây.
- GV nhận xét, chốt lời giải đúng. **3. Vận dụng, trải nghiệm** - GV củng cố về đặc điểm của hình bình hành, hình thoi. + Thế nào là hai đường thẳng song song ? + Hai đường thẳng vuông góc có đặc điểm gì ? - Nhận xét tiết học. - Về nhà ôn lại bài và chuẩn bị bài sau.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....